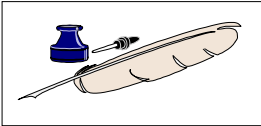


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 * Số 180 - Năm thứ 17, tháng 04-2004

Xã luận

CÁI GIÁ CỦA SỰ TRÌ HOÃN

Kết quả của cuộc tuyển cử địa phương tại Pháp ngày 28-3-2004 vừa qua có thể tóm lược trong một câu ngắn : cánh hữu Pháp đã thảm bại. Trong 22 vùng, họ đã chỉ giữ lại được một vùng.

Điều đáng nói là phe hữu cầm quyền đã thảm bại vì đã quả quyết làm những cải tổ cần thiết. Nước Pháp có ba vấn đề lớn : hệ thống an sinh xã hội, hệ thống giáo dục và hệ thống chuyên chở công cộng. Cả ba hệ thống này đều lỗi thời và lỗi lã, cần được cải tổ. Mọi chính đảng và mọi người Pháp đều biết như vậy từ rất lâu rồi nhưng hễ một đảng cầm quyền nào phát động cải tổ một trong ba hệ thống này là lập tức bị thất cử ngay. Lần này chính quyền Pháp đã muốn cải tổ cả an sinh xã hội lẫn giáo dục nên thất bại lại càng thê thảm. Trong các cuộc tranh luận sau cuộc bầu cử này, một câu hỏi được đặt ra : "Liệu nước Pháp còn cải tổ được không ?". Các lãnh tụ cánh tả vừa thắng lợi trả lời là có, với điều kiện là cải tổ một cách khác, nhưng họ không nói được là phải cải tổ như thế nào và lý luận của họ hoàn toàn không có sức thuyết phục.

Nước Pháp đang trả cái giá của sự chần chừ. Mọi vấn đề cần phải giải quyết đều trở nên trầm trọng hơn và khó khăn hơn khi không được giải quyết, đến một lúc nào đó chỉ còn những giải pháp rất đau đớn và lại càng làm cho những người lãnh đạo không dám giải quyết. Trong khi chờ đợi, chính trị Pháp chao đảo một cách bệnh hoạn, một đảng thắng lớn rồi lại đại bại hai năm sau đó, để rồi hai năm sau lại thắng lớn trong khi các vấn đề vẫn còn nguyên vẹn. Thời gian rất quý báu và cái giá của nó rất cao. Đó là cái giá mà nước Anh đã phải trả trong thập niên 1970 và nước Pháp sẽ phải trả trong một tương lai không xa.

Nhưng đó là những nước dân chủ và phồn vinh, một cuộc khủng hoảng dù trầm trọng đến đâu cũng không đưa đến sụp đổ và bạo loạn. Đó không phải là trường hợp Việt Nam.

Cũng tương tự như Pháp, Việt Nam có một vấn đề bất buộc phải giải quyết từ lâu mà chính quyền cộng sản không chịu giải quyết, đó là vấn đề dân chủ hóa. Nhưng sự tương tự chỉ dừng lại ở đó. Vấn đề dân chủ hóa nghiêm trọng hơn nhiều. Độc tài không phải chỉ là một vấn đề kinh tế xã hội. Nó là sự áp bức và khiêu khích hàng ngày, những phiên tòa thô bạo, những bản án tàn nhẫn. Nó tích lũy căm thù, và khi sụp đổ vì không thể tiếp tục, nó mở ra một giai đoạn đầy thảm kịch mà những nạn nhân chính là những người cầm quyền.

Dù muốn hay không Việt Nam cũng phải hội nhập với thế giới và do đó phải dân chủ hóa. Không ai, kể cả những người lãnh đạo cộng sản, có thể chối cãi điều này. Càng trì hoãn vấn đề dân chủ hóa càng trở thành bức thiết hơn nhưng đồng thời cũng trở thành phức tạp và khó khăn hơn bởi vì ngoài thành phần cầm quyền ngoan cố giờ đây còn có thêm lớp tư sản đỏ muốn kéo dài chế độ để giữ nguyên đặc quyền và đặc lợi. Tuy vậy liên minh chống dân chủ này chỉ thắng thế trong một nhóm cầm quyền ngày càng teo lại và bị cô lập. Xã hội Việt Nam vẫn tiếp tục tự cởi trói, cái gì phải đến sẽ đến, và sẽ đến sớm hơn dự đoán của nhiều người.

Lúc đó, những người cộng sản nhìn thấy bất buộc dân chủ hóa mà không dám hành động sẽ thấy cái giá rất đắt của sự trì hoãn. Họ sẽ chỉ có thể tự trách mình bởi vì cầm quyền mà hèn nhát trong một giai đoạn khẩn trương cũng là một tội.

Thông Luận

NHÌN LẠI CHIẾN THẮNG CỘNG SẢN NGÀY 30-4-1975

Nguyễn Gia Kiểng

Ba ngày trước cuộc bầu cử quốc hội Espana, thắng lợi của Đảng Nhân Dân của thủ tướng José-Maria Aznar được coi là chắc chắn, tự nhiên và xứng đáng. Trong vòng tám năm họ đã phục hồi Espana một cách ngoạn mục, biến nó từ một nước trì trệ nhất châu Âu trở thành nước phát triển mạnh nhất.

Cuộc khủng bố rừng rợn của nhóm Hồi giáo quá khích thân Al Qaeda ngày 11-3-2004 ngay tại thủ đô Madrid đã thay đổi tất cả. Đảng của Aznar thảm bại, Đảng Xã Hội thắng lớn một cách không ngờ và tuyên bố sẽ rút quân Espana khỏi lực lượng đồng minh với Hoa Kỳ tại Iraq. Cánh hữu Espana thất bại, Hoa Kỳ bối rối vì mất một đồng minh trung kiên. Al Qaeda đã thắng lớn.

Nếu muốn đi vào chi tiết thì còn nhiều điều đáng nói. Nhưng điều chắc chắn là người Espana sẽ bỏ phiếu cho đảng của Aznar nếu không có biến cố này.

Vụ khủng bố tại Madrid cũng như những vụ khủng bố tại nhiều nơi khác, những khó khăn của Mỹ và đồng minh tại Iraq và Afghanistan, của Nga tại Chechnya, của Do Thái, của Nam Dương chứng tỏ một điều : ngay cả với một so sánh lực lượng một ngàn chống lại một cũng khó chống lại được khủng bố. Nếu tương quan lực lượng chỉ là mười chống một thì không làm gì được quân khủng bố. Với một tỷ lệ thấp hơn thất bại là chắc chắn. Khủng bố không phải chỉ là một chiến thuật, tự nó cũng là một vũ khí, một vũ khí có hiệu lực và sức tàn phá ghê gớm.

Nhận xét này cho phép chúng ta nhìn lại cuộc chiến thắng của quân cộng sản trong cuộc chiến kết thúc ngày 30-4-1975 một cách nghiêm chỉnh hơn. Trong cuộc chiến này, nếu tạm giới hạn trong thời gian 1960-1975, chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã phải đương đầu với một lực lượng khủng bố đông đảo hơn và có kinh nghiệm hơn mình, trong hai năm cuối cùng nó còn thua cả về hỏa lực.

Nhưng không phải chỉ có thế. Nếu ngày nay khủng bố bị cả thế giới văn minh lên án thì chúng ta cũng không được quên là vào các thập niên 1960 và 1970 nó không những không bị lên án mà còn được ngưỡng mộ như là một biểu hiện của sự dũng cảm cách mạng. Tâm lý của thời kỳ đó là một cứu cánh đẹp có thể biện minh cho mọi phương tiện, và chủ nghĩa Mác được coi là mà chủ nghĩa đẹp. Triết gia Jean-Paul Sartre cùng với triết gia Bertrand Russell và nhiều trí thức lỗi lạc bậc nhất thế giới lập "Tòa án Bertrand Russell" để xét xử "tội ác đế quốc Mỹ tại Việt Nam" và hoàn toàn không thắc mắc gì về những hành động khủng bố của cộng sản Việt Nam như cuộc thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế. Jean-Paul Sartre tuyên bố trên đài truyền hình Pháp như sau : "Tôi không chấp nhận và toàn

bộ tòa án cũng không chấp nhận việc đặt ngang hàng bạo lực cách mạng và bạo lực đế quốc". Che Guevara là một thần tượng của thanh niên lúc đó. Các tổ chức khủng bố của thanh niên và trí thức bị cám dỗ bởi tính lãng mạn của bạo lực mọc lên như nấm tại khắp nơi. Sinh viên và trí thức xuống đường rầm rộ hô tên của Che Guevara, Castro, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh.

Về bản chất thì mọi đảng cộng sản đều là những lực lượng khủng bố. Khủng bố toàn diện và trắng trợn khi giành chính quyền, khủng bố có phương pháp và có hệ thống khi đã nắm được chính quyền. Một huyền thoại cần được đánh đổ : mặc dầu những khẩu hiệu "xóa bỏ giàu nghèo", "chuyên chính vô sản" của nó, chủ nghĩa cộng sản chưa bao giờ lôi kéo được quần chúng. Chưa hề có một đảng cộng sản nào thắng một cuộc bầu cử lương thiện nào. Sức mạnh của các đảng cộng sản không phải là quần chúng. Bí quyết thành công của mọi đảng cộng sản là dùng một thiểu số có quyết tâm để khống chế và điều khiển quần chúng. Cũng cần lưu ý là chưa có một chính quyền cộng sản nào đem lại phần vinh cho một dân tộc nào. Những tiến bộ gần đây tại Trung Quốc và Việt Nam không được làm người ta quên rằng đó là hậu quả của sự kiện chủ nghĩa cộng sản bị gác lại nhường chỗ cho một chính sách tư bản rùng rú. Các đảng cộng sản không được thành lập để giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử và giữ được chính quyền nhờ quản trị đứng đắn. Họ cướp chính quyền bằng khủng bố và duy trì chính quyền bằng bạo lực. Sức mạnh của họ là ở chỗ họ bất chấp tất cả mọi qui luật và giá trị trói buộc các đối thủ của họ. Họ sử dụng tất cả mọi phương tiện cần thiết và xóa bỏ mọi thông tin khách quan để che đậy tội ác. Đó là sự khủng bố toàn diện và tinh vi, một vũ khí gần như vô địch. Lenin từng định nghĩa đạo đức một cách ghê rợn : "*Những gì có lợi cho cách mạng là hợp đạo đức, những gì có hại cho cách mạng là vô đạo đức*". Các chế độ cộng sản đã chỉ sụp đổ sau một thời gian dài cầm quyền, khi những qui luật tự nhiên của cuộc sống dần dần được phục hồi và lá bùa "cách mạng" đã trở thành nhảm chán.

Đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn nằm trong khuôn mẫu của một tổ chức khủng bố, như mọi đảng cộng sản khác. Ta có thể chia lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam làm ba giai đoạn khủng bố. Hãy tạm gác qua giai đoạn chót, giai đoạn của khủng bố nhà nước, để chỉ bàn về hai giai đoạn khủng bố đầu tiên dẫn đến chiến thắng 30-4-1975.

Giai đoạn Hồ Chí Minh, từ 1945 đến 1960, là giai đoạn khủng bố trắng trợn toàn diện và tuyệt đối, trong đó vô số người đã bị giết vì bị tình nghi một cách vớ vẩn. Các đảng phái quốc gia bị tàn sát, những vụ thủ tiêu người trong đêm tối xảy ra khắp nơi và mỗi ngày. Không khí kinh hoàng bao trùm.

Tôi còn nhớ rất rõ một cảnh hãi hùng vào lúc tôi mới khoảng 5 hoặc 6 tuổi. Một thanh niên đẹp trai, mặc quần áo mới, đi qua làng tôi bị bắt vì tình nghi là Việt gian, anh ta bỏ chạy, bị du kích đuổi theo bắt được tại sân nhà tôi và bị đánh chết tại chỗ. Chiều hôm đó người ta được biết anh ta là người làng bên cạnh, ngày hôm đó cưới vợ nên mặc quần áo đẹp, bất ngờ bà mẹ lâm bệnh, anh ta hăng hái đi mua thuốc cho mẹ. Cô vợ trở thành góa phụ ngay ngày cưới. Không có ai bị khiển trách sau vụ này cả vì nó chỉ là một trong những chuyện hàng ngày.

Chiếm được miền Bắc, ông Hồ Chí Minh, còn nắm tất cả thực quyền cho tới năm 1960, đã cho thi hành đợt cải cách ruộng đất tàn sát hàng chục ngàn người vô tội. Người ta cũng không thể quên vụ Nhân Văn - Giai Phẩm. Đó chỉ là những đợt khủng bố có tên gọi trong một xã hội tràn ngập khủng bố. Nguyễn Tuân còn để lại một câu làm chứng cho giai đoạn này: "*Tớ còn sống được nhờ biết sợ*". Đã có nhiều tài liệu về Hồ Chí Minh, nhưng theo tôi nét chính của ông chưa được nhấn mạnh: ông là một trong những lãnh tụ khủng bố man rợ nhất thế giới.

Giai đoạn 1960-1975, giai đoạn của cuộc chiến Nam-Bắc do Lê Duẩn và Lê Đức Thọ điều khiển, là giai đoạn chiến tranh khủng bố có đối tượng. Không còn những hành động khủng bố ngu xuẩn và xô bồ như thời đại Hồ Chí Minh nhưng cũng không kém hung bạo. Hàng chục ngàn xã trưởng, trưởng ấp, giáo viên các vùng nông thôn đã bị bắt cóc và thủ tiêu. Những vụ đánh bom, đặt mìn là một thông lệ. Các vụ ám sát sinh viên và giáo sư chống cộng đã gây kinh hoàng ngay tại Sài Gòn. Một người thân của tôi, có anh em giữ chức vụ lớn trong chính quyền miền Nam, mượn một người làm. Khi khám phá ra cô người làm này là cán bộ cộng sản, anh ta sợ mất vía, không dám báo cho ai cả, chỉ tìm cách khéo léo cho cô ta nghỉ việc.

Cũng không thể quên một yếu tố quan trọng là, như mọi đảng cộng sản, Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện khủng bố ngay trong nội bộ của họ và chính sự khủng bố nội bộ này đã giúp cho đội ngũ của họ luôn luôn vững chắc, đặc biệt là quân đội của họ có kỷ luật và khả năng chiến đấu. Sau ngày 30-4-1975 tôi đã gặp rất nhiều người lính cộng sản ở mọi cấp bậc. Họ không hăng say chiến đấu như người ta có thể tưởng tượng. Họ cũng rất sợ, chỉ mong được về với gia đình. Nhưng họ không có chọn lựa. Họ bị đảng kiểm soát chặt chẽ và ở trong thế phải chọn lựa giữa sự liều lĩnh bất buộc và tai họa chắc chắn.

Cuộc chiến 1960-1975 là một cuộc chiến tranh khủng bố trong đó phe khủng bố vừa mạnh hơn trong so sánh lực lượng khách quan vừa được hậu thuẫn của thế giới. Sự thất bại của Việt Nam Cộng Hòa không có gì đáng ngạc nhiên dưới ánh sáng của những gì người ta thấy hiện nay.

Nói như thế không có nghĩa mà muốn biện hộ cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà chính tác giả bài này đã phục vụ. Đương đầu với một lực lượng khủng bố với tương quan lực lượng bất lợi như thế, và trong một bối cảnh tâm lý như thế, chế độ Việt Nam Cộng Hòa chỉ có thể sống sót nếu tìm được một cách tự vệ thông minh và độc đáo. Nhưng đây

là điều mà những người lãnh đạo phía Việt Nam Cộng Hòa không có và cũng không bao giờ nghĩ tới. Hy vọng duy nhất của Sài Gòn là giương cao ngọn cờ dân chủ tự do đồng thời mở ra một cuộc tranh luận lớn về bản chất hèn nhát và man rợ của khủng bố. Có nhiều hy vọng là như thế Việt Nam Cộng Hòa sẽ được nhiều người và nhiều chính phủ dân chủ trên thế giới hỗ trợ, bởi vì nó là thử nghiệm dân chủ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và đã có thể là cuộc cách mạng lớn nhất từ ngày dựng nước. Nhưng những người lãnh đạo miền Nam do Hoa Kỳ áp đặt hoàn toàn không ý thức được điều này. Tất cả đều rất ghét dân chủ và luôn luôn coi nó như một gánh nặng. Nguyễn Cao Kỳ còn tuyên bố ái mộ Hitler. Miền Nam cũng cần có một đội ngũ cán bộ nòng cốt, được đào tạo, có kinh nghiệm và được duy trì. Trên thực tế, miền Nam đã chỉ có những người lãnh đạo kém cỏi, không viễn kiến, không bản lãnh, với một nhóm tay chân ô hợp và tạm bợ gồm gia đình và bè bạn.

Người Việt tàn sát lẫn nhau và tàn phá đất nước một cách mê muội, một bên nhân danh những khái niệm tự do dân chủ mà họ không hiểu và cũng không muốn, một bên nhân danh một chủ nghĩa mà họ coi là đỉnh cao trí tuệ nhưng thực ra chỉ là sự bịp bợm trí thức lớn nhất và đẫm máu nhất trong lịch sử thế giới. Ở giữa là đa số quần chúng bất lực bị lôi kéo vào thảm họa. Phe thua đã rất xứng đáng để thua, nhưng phe thắng thì hoàn toàn không xứng đáng để thắng. Dân tộc Việt Nam đã thua to, đã tổn thất nặng nề về nhân mạng, và bị chấn thương trong trí tuệ và tâm hồn. Chỉ có đảng cộng sản, bạo lực và khủng bố đã thắng. Cuộc chiến hổ nhục này không cho phép một người có liêm sỉ nào hãnh diện cả.

Và cũng đừng lầm lẫn chiến thắng với chính nghĩa và vinh quang. Nếu như thế thì nhân loại đã phải vinh danh Alexander, Attila, Tần Thủy Hoàng và Thành Cát Tư Hãn thay vì Socrates, Plato, Jesus Christ và Phật Thích Ca. Lịch sử thế giới không thiếu gì trường hợp những kẻ hung bạo đã thắng và cũng không thiếu những nền văn minh bị hủy diệt bởi những đạo quân dã man.

Ngày hôm nay chúng ta đang theo đuổi cuộc đấu tranh cho tự do và dân chủ. Đây là cuộc chiến đấu rất mới và vinh quang nhất trong lịch sử nước ta. Từ trước đến nay Việt Nam đã chỉ có các cuộc nội chiến tranh giành quyền lực giữa các thế lực thống trị, hay những cuộc chiến chống ngoại xâm mà mục đích, xét cho cùng, cũng chỉ là để đổi một ách nô lệ của ngoại bang lấy một ách nô lệ của người bản xứ. *Lần đầu tiên chúng ta có một cuộc chiến đấu thực sự xứng đáng để chiến đấu.* Đó là cuộc chiến đấu để thực sự giải phóng mọi người Việt Nam, để tôn vinh quyền làm người, quyền được làm chủ đời mình để xây dựng hạnh phúc cho mình và đóng góp cho hạnh phúc chung của dân tộc. Cuộc chiến đấu này không cần bạo lực. Nó không giết ai, không bách hại ai và cũng không tàn phá. Nó đưa người Việt Nam và đất nước Việt Nam từ bóng đêm của nô lệ và nghèo khổ sang ánh sáng của tự do và phồn vinh. Chiến thắng này mới thực sự vinh quang.

Nguyễn Gia Kiểng

Kỷ niệm ngày 30-4-1975 **Người chiến thắng nghĩ gì ?**

Trần Độ

Ghi chú của Nguyễn Gia Kiểng trước khi vào bài :

Bài này Trần Độ viết xong ngày 20-4-2000 như ông ghi trước chữ ký. Vài ngày sau thì tôi nhận được từ tay một người mới đến từ Việt Nam. Sau khi đọc, tôi gọi cho Trần Độ đề nghị bỏ bài này. Tôi nói với Trần Độ rằng bài này tuy cái tâm thì tốt nhưng cái lý thì sai. Nó nói lên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc mà mọi người yêu nước đều mong muốn và hơn nữa nó nói một cách thành thực và ân cần. Tuy nhiên nó vẫn nằm trong cái lô-gíc thắng-bại, đúng-sai không nên và cũng không thể có về cuộc chiến này. Hơn nữa nó đồng hóa thắng với đúng và bại với thua, nghĩa là phản ánh một cái nhìn rất phiến diện. Trong lịch sử loài người không thiếu những kẻ chiến thắng hung bạo và bất nghĩa như chế độ man rợ Spart đã đánh bại nền văn minh Athens, các đạo quân của Attila đã dày xéo châu Âu, v.v. Tinh thần hòa giải dân tộc là đúng nhưng nó cũng cần đi đôi với một thái độ đúng. Ở đây thái độ vẫn còn là một thái độ cao ngạo của người có chính nghĩa của chiến thắng đối với "những người làm lỡ" và đã thua. Chúng tôi nói chuyện rất lâu về cuộc chiến này, sau đó Trần Độ đã đồng ý bỏ bài này một cách vui vẻ : "Chú có nói như vậy tôi mới hiểu, mình phải đổi cả cách suy nghĩ lẫn ngôn ngữ". Rồi ông nói một cách như vừa nói vừa mỉm cười : "Anh Chín bỏ ra cả tháng để viết bài này đó, mà suýt nữa lại hỏng". Tôi không biết ngoài tôi Trần Độ còn gửi bài này cho ai khác không, nhưng tôi chưa thấy nó được đăng trên một tờ báo nào.

Bây giờ Trần Độ đã qua đời, tôi lấy quyết định cho đăng lại bài này như là một lập trường mà Trần Độ vất bỏ. Cái đặc sắc của bài này là ở chỗ đó. Nó nói lên một sự phản tỉnh mà chỉ có những con người cao cả mới có được.

Trần Độ là cấp chỉ huy quân sự của quân đội cộng sản từ năm 1960, khi Đảng Cộng Sản Việt Nam phát động cuộc chiến đánh chiếm miền Nam, đến năm 1974, sau khi hiệp định Paris đã được ký kết. Theo tổ chức của đảng cộng sản thì người đứng đầu mọi lực lượng quân sự cũng như chính trị là bí thư Cục R. Kiểm chính ủy, người này có hai phụ tá, một phó bí thư phụ trách về công tác chính trị và một phó chính ủy phụ trách quân đội. Bí thư Cục R. Kiểm chính ủy mới đầu là tướng Nguyễn Chí Thanh. Ông Thanh chết năm 1967 và được thay thế bởi Phạm Hùng. Hai phụ tá là ông Nguyễn Văn Linh, phó bí thư, và ông Trần Độ, phó chính ủy. Ông Trần Độ được triệu ra Bắc năm 1974, ông trở thành phó chủ tịch quốc hội. Trong thời kỳ chuyển hướng năm 1986, khi ông Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư, Trần Độ là trưởng ban văn hóa văn nghệ và đã tích cực khuyến khích và giúp đỡ các văn nghệ sĩ cởi trói. Chính vì thế mà ông thất sủng, dần dần mất quyền hành và sau cùng bị khai trừ khỏi đảng năm 1999. Nhưng cũng chính vì thế mà ông đã trở thành một biểu tượng của cuộc vận động dân chủ. Ông qua đời năm 2001 trong sự thương tiếc và quý mến của mọi người.

30-1-1975 là ngày đánh dấu một thắng lợi hết sức to lớn và vẻ vang của toàn thể nhân dân Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam : "Giành được độc lập và thống nhất tổ quốc". Ngày này cũng là ngày kết thúc cuộc chiến tranh yêu nước lâu dài và quyết liệt, kết thúc những năm tháng hy sinh và gian khổ.

Theo cách tính thông thường thì cuộc chiến đó kéo dài 30 năm (1945-1975). Nhưng cũng có cách tính của các tác giả khác thì đó là ngày kết thúc cuộc chiến tranh yêu nước dài 117 năm (1858-1975), kể từ lúc quân đội Pháp xâm lược tiến công vào Đà Nẵng. Từ đó, nhân dân Việt Nam không ngừng chiến đấu và tranh đấu chống xâm lược Pháp, giành độc lập mà nổi lên là các cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng và các cụ Trương Công Định, Tấn Thuật, Thủ Khoa Huân, các phong trào Cần Vương, Văn Thân, khởi nghĩa Yên Bái của Quốc Dân Đảng, v.v. Quả thực, đó là một cuộc chiến dài hơn một trăm năm vậy. Mỗi người thuộc nhiều thế hệ trong hơn một trăm năm ấy đều có quyền tự hào và xứng đáng với danh hiệu, người Việt Nam chiến thắng.

Sau 30-4-1975, nhiều vị lãnh đạo và tướng lĩnh đã nói một cách hào hứng và rất chí lý rằng : "Đây là thắng lợi của cả dân tộc Việt Nam, người Việt Nam với nhau, không có kẻ thắng, người thua và từ cái ngày lịch sử ấy, mỗi người Việt Nam đều có quyền tự nhận là người Việt Nam chiến

thắng". Những lời nói tốt đẹp đó đã làm cho không khí của đất nước đẹp đẽ hơn, phấn khởi hơn, dẹp tan được nhiều mặc cảm chua chát và đau khổ.

Nhưng dù sao cũng không thể tránh được một sự thật cay đắng là từ trước năm 1975, đất nước vẫn có hai phần, hai bên : một bên là các chiến sĩ, các người giải phóng và một bên là ngược lại, xét cho cùng là những người bị lôi cuốn, những nạn nhân. Chính lòng khoan dung của dân tộc đó đã làm cho cuộc giải phóng được êm đẹp không có bất cứ một cuộc "tắm máu" nào. Và sự thực đó làm sáng lên chính nghĩa của cuộc đấu tranh của dân tộc, làm im miệng những kẻ rêu rao : "tắm máu".

Ngày nay, sau 25 năm, sự thật cay đắng đó vẫn tồn tại và vẫn hiển hiện nhiều vấn đề của xã hội khó khăn. 1975, chiến tranh kết thúc, nhưng nó để lại trên đất nước Việt Nam, trong xã hội Việt Nam một núi các vấn đề xã hội khó khăn và phức tạp.

Năm 1968, chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản viết thêm vào di chúc đã có một đoạn dài dặn lại, trong đó có đoạn Bác dặn những công việc cần làm để mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra : "Trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng". Sau đó Bác viết : "Đầu tiên là các công việc đối với con người". Bác dặn từng việc : đối với thương binh, liệt sĩ, gia đình, cha mẹ, vợ con thương binh liệt sĩ ; đối với các chiến sĩ trẻ tuổi sau chiến tranh ;

đối với phụ nữ ; đối với nạn nhân chế độ cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v. ; đối với nông dân ; việc xây dựng lại các thành phố ; việc sửa đổi chế độ giáo dục...

Như vậy Bác cũng đã quan tâm đến nhiều việc cụ thể. Nhà nước Việt Nam (bao gồm đảng, chính phủ, quốc hội) là nhà nước chịu trách nhiệm trước toàn quốc thống nhất, đã cố gắng làm nhiều việc : đã có nhiều chính sách khen thưởng và trợ cấp cho cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, các người tham gia và ủng hộ kháng chiến ; đã làm việc xây dựng các nghĩa trang, các đài kỷ niệm, quy tập mồ mả các liệt sĩ, tìm các liệt sĩ bị coi là mất tích và thất lạc mồ mả (của cả Mỹ) ; đã khen thưởng tặng danh hiệu cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng ; đã chỉ đạo phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho những thương binh, gia đình liệt sĩ và bà mẹ anh hùng và do đó giảm được khó khăn cho hàng nghìn người ; đã thành lập Hội cựu chiến binh thành một tổ chức chính trị xã hội, là nơi gặp mặt, nhắc lại kỷ niệm cũ, có những hoạt động hỗ trợ cứu giúp nhau rất hiệu quả.

Như thế là nhà nước đã làm được một khối lượng công việc to lớn để hàn gắn vết thương chiến tranh và công việc đó đã có kết quả tốt đẹp là đời sống nhiều người được bảo đảm, không khí thân ái đoàn kết trong nhân dân được vun đắp tốt đẹp.

Nhưng chiến tranh cũng để lại nhiều hậu quả xã hội khác : sau 1975 có hàng triệu người, trong nhiều năm, rời tổ quốc đi sinh sống ở nước ngoài bởi hai lý do : một là những người không thích "chế độ cộng sản" ; hai là những người trong hoàn cảnh mới không có đường sinh sống, không biết sống làm sao, đời sống quá khó khăn. Ngoài ra có một số người khá đông đi lao động học tập ở nước ngoài rồi gặp tình hình chính trị thay đổi, cũng định cư luôn ở nước ngoài. Việc này đã làm cho số người sống ở nước ngoài hiện nay rất lớn, có người ước lượng có hơn hai triệu, có người ước lượng đến ba triệu. Những người sống ở nước ngoài tạo thành những nhóm xã hội Việt Nam ở các nước trên thế giới, nhiều nhất ở Mỹ, ở châu Âu (cả Đông lẫn Tây), ở châu Úc.

Xã hội Việt Nam ở nước ngoài này cũng có quan hệ với nhau. Rất nhiều người hướng về tổ quốc, hướng về tổ tiên và quê hương. Nhiều người có nguyện vọng góp phần xây dựng đất nước, nhiều người tập hợp với nhau có những hoạt động báo chí ngôn luận và hoạt động văn nghệ. Ở xã hội Việt Nam này xuất hiện nhiều nhân tài khoa học, nắm những vị trí quan trọng cho nước ngoài và cũng có ý muốn phát biểu ý kiến đối với nước nhà. Có những tài năng nghệ thuật, có các tác phẩm nghệ thuật vẫn mang bản sắc Việt Nam. và nhiều tác phẩm có giá trị đã được trình diễn ở Việt Nam và thế giới.

Đó là những người trước đây đã phục vụ trong quân đội và bộ máy của chính quyền Sài Gòn, cùng với tất cả gia đình nội ngoại của họ và do đó cũng có một tỷ lệ số lượng không nhỏ đang sống trong xã hội Việt Nam. Trong những người này cũng có những người bị thương, tàn tật hoặc đói khổ, có những con cháu được sinh ra trong 25 năm qua. Mỗi

gia đình lại có một hoặc nhiều người thân đã bỏ mình trong trận chiến. Những người này sau chiến tranh không được công nhận, chỉ được thờ cúng trong nhà mà không được ghi nhớ ở bất cứ một nơi công cộng nào.

Có một lần (vào khoảng năm 1990), khi ở Quảng Trị có bàn về vận động xây dựng tượng đài ở Thành cổ. Có một nhà văn quê ở Quảng Trị nêu ý kiến là tượng đài nên được xây như thế nào đó để người mẹ của quân giải phóng đến thấp hương được và người mẹ một người lính Sài Gòn cũng đến thấp hương tưởng niệm được, chứ chả lẽ lại cần hai tượng đài à, và người thấp hương tượng đài này lại không thêm nói chuyện với người thấp hương tượng đài kia, thì như thế hòa hợp làm sao được. Và những vong hồn đang ở thế giới bên kia cũng vẫn coi nhau như thù địch à?

Ý kiến đó thật đáng quan tâm, nhưng chắc cho đến nay chưa có lời giải đáp. Thật ra, thời gian càng qua đi thì những vết thương chiến tranh càng khép miệng lại và thành sẹo. Hiện nay ta đã thấy không còn ai coi những người di tản sống ở nước ngoài là thù địch nữa, cả nhà nước và người thân cùng bạn bè vẫn đón nhận những người ở nước ngoài về thăm quê một cách thân mật và hồ hởi.

Những người giải phóng và những người không phải giải phóng gặp nhau ở nước ngoài đều có thể nói chuyện bình thường, thậm chí còn có thể kết bạn. Thời gian có phép màu của nó. Tất nhiên vẫn có một số người quá khích hay làm những việc cực đoan như viết những lời chửi bới và biểu tình để chống đối này nọ. Nhưng những việc càng ngày càng lạc lõng và rất ít được quan tâm. Vấn đề nổi trội và bao trùm tất cả là tâm hồn Việt Nam. Ở xã hội Việt Nam, đặc biệt ở miền Nam bây giờ, mọi người hầu như quên luôn các từ ngữ nguy quân nguy quyền. Trong cuộc sống thường ngày ở chợ búa đường phố và xóm làng, hầu như không ai nhắc đến sự phân biệt cách mạng, giải phóng và nguy Sài Gòn nữa, nhất là các cháu thanh thiếu niên sinh sau năm 1975, ở nơi lao động và trong các trường học.

Quan hệ giữa những cựu chiến binh giải phóng và cựu chiến binh Mỹ ngày càng thân mật, vui vẻ và mang nhiều ý nghĩa vì hòa bình, xóa quá khứ.

Vết thương chiến tranh này cũng tự nó khép miệng lại và đang thành sẹo. Tuy nhiên, vẫn có tồn tại một vấn đề đó là sự tôn vinh các chiến sĩ cách mạng giải phóng ở những nơi công cộng và trong các lễ hội kỷ niệm. Những dịp ấy không thể không gợn lên những nỗi niềm trong lòng các người thân của những người trước đây ở trong quân đội và chính quyền Sài Gòn. Đó là những người đã có thời lầm lỡ và đã qua đời. Nhưng ngày nay vẫn là những hình bóng thân yêu trong lòng con, cháu và những người thân.

Theo quan điểm chính thức của chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng Sản Việt Nam thì vẫn coi những người đó là những người lầm lỡ, những nạn nhân. Trong số đó còn nhiều người coi như bị mất tích, chưa tìm được mồ mả và cải táng để thờ cúng cho hợp lẽ.

Sau 25 năm, kỷ niệm ngày chiến thắng vẻ vang, những người chiến thắng cũng nên nghĩ đến vết thương chiến tranh này của dân tộc. Nhà nước Việt Nam hiện nay đường đường là một nhà nước của toàn dân tộc, không thể không

có trách nhiệm gì về một vấn đề xã hội rắc rối và khó khăn này. Nhà nước cần kỷ niệm ngày chiến thắng vẻ vang này bằng cách nghĩ đến những chính sách có thể như sau :

a. Đối với các nhóm xã hội Việt Nam ở nước ngoài cần phải thực lòng và thực sự coi đó là bộ phận của dân tộc Việt Nam, của xã hội Việt Nam. Tôi nhấn mạnh sự thật lòng thực sự là bởi vì những lời nói tốt đẹp thì ta có nhiều rồi, nhưng trong thực tế các nhà chức trách thường vẫn cảnh giác phân biệt đối xử với các người Việt Nam về nước thăm quê và có ý muốn đóng góp. Còn các giới chính thức các ngành thì coi những năng lực khoa học và tài năng văn nghệ cứ như của ai ấy mà không phải của dân tộc Việt Nam, thậm chí không coi trọng, không nhiệt tình giới thiệu, không chú ý phổ biến các giá trị khoa học và tác phẩm văn nghệ, các báo chí xuất bản ở nước ngoài, còn tìm mọi cách ngăn cấm việc phổ biến các tác phẩm ấy ở trong nước. Sự phân biệt đối xử này rất không hay, cần phải xóa bỏ nếu không thì nó làm tàn lụi nhiệt tình của người Việt sống ở nước ngoài.

b. Cần chính thức và công khai xóa bỏ sự phân biệt trong lao động, học tập và chữa bệnh. Chính thức và công khai xóa bỏ thói quen xăm soi lý lịch và coi lý lịch là một căn cứ chính trị để xem xét con người. Đặc biệt cần xóa bỏ triệt để sự phân biệt đối xử với các cháu sinh ra sau năm 1975.

c. Cần có thái độ chính thức và công khai coi những người có liên quan với quân đội và chính quyền Sài Gòn cũ là những nạn nhân của tình thế. Cả chính phủ và các chính quyền địa phương tích cực giúp đỡ các gia đình nạn nhân trong việc "hiếu" đối với người đã mất, việc thờ cúng, việc tìm mộ mả, việc cải táng, v.v. Thực hiện việc cứu trợ chống thiên tai và thực hiện xóa đói giảm nghèo không phân biệt. Những người đã mất, ai có chút công lao với xóm giềng, làng mạc được nhân dân địa phương nhớ ơn và tôn vinh, thì cũng chính thức ủng hộ và giúp đỡ (nếu cần) sự thờ cúng và tôn vinh trong từng gia đình và dòng họ. Để gia đình và dòng họ tự do thờ cúng và tôn vinh người của mình, họ mình, nếu gia đình và họ nhận thấy người nào đó có công và đức xứng đáng. Cũng nên có một quỹ xã hội đặc biệt cứu giúp những gia đình (nhất là những thương binh, già yếu) thuộc diện "những nạn nhân" nói trên.

Trong dân gian cũng có thói quen biết ơn người địa phương có công lao với dân làng, tôn làm Thành hoàng, mà không xét đến việc có công với nước. Việc các nhà sử học sưu tầm những công việc làm được với nhân dân của các chúa và vua Nguyễn là việc nên khuyến khích, việc các nhà văn viết lại lịch sử những danh nhân ở các thời đại, cả thời phong kiến và thời Pháp thuộc cũng là việc nên khuyến khích.

Có những chính sách như thế thì vết thương chiến tranh được xóa bỏ hoàn toàn, tình thân ái đoàn kết được mở rộng và nâng cao. Đó là cách hiệu nghiệm nhất đối phó với một nhóm rất nhỏ của các nhóm cực đoan.

Quan trọng là thực hiện đầy đủ sự thực hành hàng ngày của những người và cơ quan có trách nhiệm, khắc phục bằng được thói nói một đằng làm một nẻo, thậm chí làm

Thơ

TÂM SỰ NGƯỜI VƯỢT BIÊN



*Thuyền đi lúc ấy đêm đang ngủ
Biển gió cơ hồ đứng lặng yên
Sao cỗi lòng ta vùi dập sóng
Hàng hàng lớp lớp thủy triều lên*

*Đốm sáng chập chờn không rõ nét
Khi mờ khi tỏ giữa đêm đen
Nơi ấy thuyền neo chi bến đỗ
Đầu rằm hơi hướm rất thân quen*

*Cho ta được khóc đêm thâu nhé
Cho thỏa lòng ta với đất trời
Ngày mai còn phải nương theo gió
Về phía trùng trùng điệp điệp khơi*

*Em ạ, thôi đành lỗi hẹn nhau
Con tầm nuôi kiếp trả nợ dàu
Nuôi bao mơ ước như tơ lụa
Sao phải vương mang nỗi thâm sâu*

*Có khóc... Em ơi ! Hãy khóc thắm
Hãy dành những giọt lệ thương tâm
Cho bao thơ trẻ không thù hận
Bồng chốc vương mang nỗi hận lòng*



*Con ạ, ba đi con có biết
T hắp lên một chút sáng trong đêm
Đầu là chấm sáng không rõ nét
Mong hận thù ai hãy ngủ quên*

*Tội nghiệp con tôi thơ dại quá
Nào biết chi đâu chuyện đời đời
Vật đổi sao dời trong cổ tích
Đã thành sự thật ở trong đời*

*Thôi nhé đêm ơi đêm hãy thức
Cho bừng tỉnh dậy khắp năm châu
Một dải quê hương không đất sóng
Hơi lương tri trên quả địa cầu*

Vượt biển tìm tự do 1979
Sông Lô (Hanover)

ngược với nói, như kiểm soát, theo dõi, có khi bắt nữa, nhưng lại nói là để bảo vệ an toàn. Những người đó "được" theo dõi và "được" bắt.

Cần làm cho ngày kỷ niệm vẻ vang 30 tháng 4 mỗi năm lại có thêm sự đầm ấm, vui vẻ và sức mạnh dân tộc ngày càng được tăng cao.

Hà Nội, 20-4-2000
Trần Độ

Để hình thành một kết hợp dân chủ có tầm vóc

LỘ TRÌNH NĂM GIAI ĐOẠN

Và Xuân Minh

Để chấm dứt chế độ độc tài đảng trị và để tránh cho quốc gia tình trạng hỗn loạn hậu cộng sản, Việt Nam bắt buộc phải có một kết hợp dân chủ lớn. Đây là điều kiện sau cùng của bốn điều kiện cần và đủ để cuộc cách mạng dân chủ thành công, và cũng là điều kiện quan trọng nhất (1). Những vụ án thô bạo và độc ác gần đây đối với Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương cho thấy đảng cộng sản không có ý muốn đổi mới, và trên thực tế, nó cũng không có khả năng tự cải thiện (2). Đảng cộng sản, trước khi hoàn toàn tan rã, đang và sẽ tiếp tục đàn áp những người yêu nước nhưng đồng thời khép mình lùi bước trước những băng đảng tài phiệt-mafia, thường được gọi là bọn "tư bản đỏ". Trong bối cảnh này, nếu Việt Nam không có được một kết hợp dân chủ có tầm vóc thì tương lai Việt Nam sẽ vô cùng bi đát.

Để đưa Việt Nam thoát khỏi bế tắc, chúng ta bắt buộc phải thành công trong cuộc vận động dân chủ, phải xây dựng được lực lượng chính trị dân chủ lớn mạnh. Không có một giải pháp nào khác cho Việt Nam ngoài việc hình thành một kết hợp dân chủ có tầm vóc.

Để đạt được mục tiêu này, chúng ta phải rút tỉa những kinh nghiệm của thế giới, nhìn lại quãng đường đấu tranh trong những thập niên vừa qua, nhận định rõ những khó khăn và trở ngại của cuộc vận động dân chủ và tìm những giải pháp thích ứng để đưa cuộc cách mạng dân chủ này đến thành công.

Năm giai đoạn của cuộc vận động dân chủ

Như đã trình bày trong *Thành Công Thế Kỷ 21*, cuộc đấu tranh của chúng ta là một cuộc đấu tranh cách mạng vì nó nhằm thay đổi cả chế độ chính trị lẫn tổ chức xã hội, và lịch sử thế giới đã cho thấy mọi cuộc đấu tranh cách mạng muốn thành công đều phải qua năm giai đoạn tổ chức rõ rệt. Đó là :

1. Xây dựng một cơ sở tư tưởng

Cơ sở tư tưởng gồm một dự án chính trị và những lý luận để giải thích những chọn lựa trong dự án, và thường được xây dựng qua hai giai đoạn :

- Trước hết, đầu tư suy nghĩ tìm những giải pháp cho những vấn đề của đất nước và đề ra một dự án chính trị. Dự án chính trị đó phải là một tổng hợp công phu giữa một nhận định nghiêm túc về bối cảnh đất nước và những tư tưởng đứng dẫn nhất của thời đại, phải là một lý tưởng đủ đẹp và đủ tính khả thi để vừa gắn bó mọi thành viên với nhau vừa tranh thủ được sự đồng tình của quần chúng.

- Kế đến, với những lý luận giải thích, tìm cách phổ biến dự án đó đến với mọi người.

Đây là một giai đoạn đòi hỏi rất nhiều công lao và thời giờ. Nhưng là một bắt buộc. Không có được một cơ sở tư

"Lịch sử của các nước, các thời cũng đã chứng tỏ rằng mọi cuộc đấu tranh cách mạng muốn thành công đều phải qua năm giai đoạn tổ chức rõ rệt. Cuộc vận động dân chủ, tuy bao dung về tinh thần và bất bạo động trong phương pháp, cũng vẫn là một cuộc đấu tranh cách mạng bởi vì nó nhằm thay đổi cả chế độ chính trị lẫn tổ chức xã hội. Như thế chúng ta cũng phải qua lộ trình năm giai đoạn đó".

(Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 86)

tưởng thì không thể xây dựng được một đội ngũ cán bộ nòng cốt, không thể xây dựng được cơ sở quần chúng, không thể vận động được sự ủng hộ đông đảo của người dân và do đó không thể đưa cuộc cách mạng đến thành công.

Giai đoạn này có thể coi là tạm hoàn tất khi dự án chính trị được thành phần có trí tuệ nhất của đất nước đánh giá cao và được đại khối quần chúng chia sẻ.

2. Xây dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt

Một đội ngũ cán bộ nòng cốt là một tập hợp gồm những người, ngoài khả năng và quyết tâm, đều hiểu rõ và hiểu như nhau về mục tiêu cũng như về đường lối đấu tranh của tổ chức. Điều này đòi hỏi tổ chức phải có một dự án chính trị rõ ràng. Nếu không, những mâu thuẫn sẽ có, ngay ở thành phần lãnh đạo, và sẽ làm tổ chức tan rã. Ngoài ra, một dự án có giá trị có khả năng liên kết những người quan tâm tới đất nước. Phổ biến một dự án chính trị, do đó, cũng là một hình thức phát triển đội ngũ cán bộ.

Trong cuộc vận động dân chủ hiện nay chúng ta đang gặp khó khăn lớn là những người có khả năng chính trị vừa ít vừa phân tán. Để xây dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt, một mặt, bằng mọi cách, phải qui tụ những phần tử quý hiếm đó, và mặt khác, cố gắng đào tạo ra những cán bộ nòng cốt mới. Công việc này tuy rất khó nhưng không thể tránh né bởi vì nếu không xây dựng được một đội ngũ cán bộ nòng cốt thì tổ chức không thể phát triển và tồn tại. Vận động quần chúng, tổ chức nhân lực và phương tiện để đưa cuộc đấu tranh tới thành công là công việc của đội ngũ cán bộ nòng cốt.

Một tổ chức chính trị luôn luôn phải tôn trọng một tỉ lệ nào đó giữa đội ngũ cán bộ nòng cốt và tổng số thành viên. Sức khỏe cần hơn sức vóc. Phẩm chất cao hơn số lượng. Trong thời đại hiện nay, khi mà phương tiện truyền thông cho phép một nhóm nhỏ quan hệ trực tiếp và thường xuyên với quần chúng, vai trò của đội ngũ cán bộ nòng cốt lại càng quan trọng.

3. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện

Cuộc đấu tranh nào muốn thành công cũng cần phương tiện. Phương tiện không phải chỉ là phương tiện vật chất, mà có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức và đến từ nhiều nguồn khác nhau. Có thể là do những thành viên và cảm tình viên đóng góp hay xây dựng, cũng có thể là của các

tổ chức đồng minh, và cũng có thể là khả năng vận động những yểm trợ của các tổ chức quốc tế, các cơ quan truyền thông, các tổ chức phi chính phủ, và của quần chúng. Điều quan trọng là phải tiên liệu được và hoạch định được sự sẵn sàng của các phương tiện. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện là điều tối quan trọng bởi vì trong đấu tranh chính trị hoặc phải có phương tiện cần thiết cho đường lối đấu tranh của mình, hoặc sẽ phải, không nhiều thì ít, thực hiện đường lối của kẻ cung cấp phương tiện.

4. Xây dựng cơ sở quần chúng

Cơ sở quần chúng trước hết là tập thể thành viên ngoài đội ngũ cán bộ nòng cốt. Nó cũng là những tập thể thân hữu của tổ chức và sau cùng cũng là vốn cảm tình mà tổ chức tranh thủ được. Xây dựng cơ sở quần chúng chủ yếu là cố gắng tuyên truyền để đạt được hai mục tiêu : một là thuyết phục quần chúng rằng mọi người Việt Nam gắn bó với nhau bởi một tương lai chung, tương lai của Việt Nam, và do đó cần phải đóng góp vào một giải pháp chung cho đất nước chứ mỗi người không thể tự giải quyết bằng những giải pháp cá nhân ; hai là tranh thủ sự đồng tình của quần chúng đối với tổ chức.

Mọi tổ chức chính trị đều cần có cơ sở quần chúng. Nhưng cũng nên chú ý là sự thành công trong việc xây dựng cơ sở quần chúng tùy thuộc vào cơ sở tư tưởng và đội ngũ cán bộ nòng cốt. Trong một bối cảnh đặc biệt nào đó cho phép xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng nhưng cơ sở tư tưởng chưa thành hình, đội ngũ cán bộ chưa mạnh thì những cơ sở quần chúng này rồi cũng sẽ yếu dần đi và sẽ rã hàng.

5. Tiến công giành chính quyền

Chỉ sau khi bốn giai đoạn trên đã được thực hiện mới có thể nghĩ đến việc tiến công giành chính quyền. Tuy nhiên chúng ta phải khẳng định ngay bây giờ là dứt khoát loại bỏ giải pháp vũ trang. Chiến lược của những người dân chủ Việt Nam là diễn tiến hòa bình và phương thức đấu tranh là bất bạo động.

Những trình bày trên đưa đến bốn nhận định :

Một là, mỗi giai đoạn đều có tầm quan trọng của nó. Nếu vì nôn nóng hay vì một lý do nào đó mà bỏ qua một hay vài giai đoạn thì chắc chắn sẽ thất bại.

Hai là, năm giai đoạn này phải đi theo một thứ tự nhất định, như trình bày ở trên, nhưng không nhất thiết là phải hoàn tất giai đoạn trước rồi mới bắt đầu giai đoạn kế tiếp. Các giai đoạn thường gối đầu lên nhau.

Ba là, hai giai đoạn đầu chiếm hầu hết thời gian và công lao của một cuộc cách mạng. Phải một vài thập niên mới xây dựng được một cơ sở tư tưởng mạnh và một đội ngũ cán bộ chừng vài trăm người, với vài chục người là những cán bộ thực sự nòng cốt, nắm vững cơ sở tư tưởng, có bản lĩnh, có quyết tâm, có kỹ thuật và kỷ luật đấu tranh. Nhưng một khi hai yếu tố này đã có, tổ chức có thể dựa vào một vận hội lịch sử mà phát triển rất nhanh chóng và giành được thể chủ động trong vòng vài năm, thậm chí vài tháng.

Bốn là, tiến trình năm giai đoạn là một điều kiện cần nhưng không là một điều kiện đủ. Đi sai thì chắc chắn thất

bại, nhưng theo đúng tiến trình này chưa chắc thành công. Sự thành công còn tùy thuộc nhiều yếu tố định lượng : cơ sở tư tưởng được hưởng ứng đến mức độ nào, cán bộ nhiều hay ít và khả năng thế nào, phương tiện dồi dào đến mức nào.

Nhìn lại quãng đường đã qua

Trong gần ba mươi năm qua đối lập dân chủ Việt Nam đã gặp rất nhiều yếu tố thuận lợi. Trước hết là đảng cầm quyền rất suy yếu và không ngừng tự phân hóa. Đảng cộng sản không phải chỉ bị những người dân chủ đã góp phần xây dựng đảng như Trần Độ, Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận hay những thanh niên đã được chế độ ưu đãi như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình phản đối. Cũng không phải chỉ bị những vị lão thành cách mạng hay cựu quân nhân như Cao Hồng Lĩnh, Thanh Sơn, Nguyễn Cao Phong, Lê Hiếu Tử tố cáo là vô cùng độc ác hay kêu gọi các chiến binh Việt Nam đứng lên loại trừ chính quyền này. Cũng không phải chỉ bị những nhà trí thức, văn nghệ sĩ như Nguyễn Văn Trấn, Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến, Nguyễn Thanh Giang, Trần Khuê, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Dương Thu Hương lên tiếng chỉ trích. Đảng cộng sản còn bị chính ngay những người đầu não trong đảng, đã từng ở trong bộ chính trị, trong trung ương đảng, từng là bộ trưởng công an, bí thư thành ủy Sài Gòn, trưởng ban tư tưởng và văn hóa, trưởng ban dân vận trung ương như Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, Trần Trọng Tân, Dương Đình Thảo, Phan Minh Tấn công khai phê bình là đã phạm quá nhiều lỗi lầm và nhận định rằng đảng đang đi vào ngõ cụt, vào chỗ chết.

Một yếu tố thuận lợi khác là trong khi đảng cộng sản bị toàn dân chán ghét và thế giới kết án thì đối lập dân chủ được nâng đỡ bởi trào lưu dân chủ, được trợ giúp bởi các tổ chức bảo vệ nhân quyền và được thừa hưởng những tiến bộ của những phương tiện truyền thông, một vũ khí rất lợi hại để đánh đổ các chế độ độc tài.

Nhưng với những yếu tố thuận lợi đó và với một khoảng thời gian khá dài, đối lập dân chủ vẫn chưa hình thành được một lực lượng chính trị có tầm vóc. Tại sao ?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta thử nhìn lại những hoạt động của các tổ chức chính trị ở hải ngoại trong những thập niên trước đây. Hầu hết đều dùng thì giờ và khả năng để xây dựng ngay cơ sở quần chúng, có khi chủ trương ngay cả việc "*tiến công giành chính quyền*". Sau hơn một phần tư thế kỷ, với nhiều quyết tâm và cố gắng để xây dựng một tổ chức chính trị, nhiều người đã phải ngậm ngùi nhìn tổ chức của mình suy thoái hay tan rã.

Làm sao có thể thành công trong cuộc vận động dân chủ khi không vận động được quần chúng ? Và làm sao có thể vận động được quần chúng khi không có một dự án chính trị và những lý luận để giải thích dự án đó ? Làm sao có thể thành công trong việc xây dựng cơ sở quần chúng khi không có một đội ngũ cán bộ nòng cốt ? Và làm sao có thể có một đội ngũ cán bộ nòng cốt khi không

Cuộc cách mạng dân chủ và tuổi trẻ Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệp

Ở Việt Nam, đặc biệt là từ sau năm 1975, khá nhiều từ ngữ đã mất đi nội dung chân chính, hay không còn giữ được ý nghĩa nguyên thủy, hoặc bị hiểu theo một nghĩa rất đơn tính. Từ *cách mạng* là một thí dụ điển hình. Nó đã bị áp đặt một cách tùy tiện đến độ hễ nói đến cách mạng, người ta chỉ liên tưởng đến những cuộc bạo động cướp chính quyền, hay đơn thuần lật đổ một chế độ. Cách mạng còn được dùng để chỉ những kẻ ăn có sau ngày ba mươi tháng tư, và trong nhiều trường hợp nó còn được đánh đồng luôn với chuyên chính vô sản. Sau cùng nó được sử dụng như một khái niệm trừu tượng có thể đồng nghĩa với đúng, hay, tài giỏi, cao cả, tuyệt đối, v.v. có khả năng biện minh cho tất cả và chấm dứt mọi bàn cãi. Thí dụ về sự tùy tiện này qua câu nói khả ố của Hoàng Phủ Ngọc Tường, khi phát biểu về các nạn nhân trong cuộc thảm sát ở Huế vào Tết Mậu Thân 1968 : "*Cách mạng giết chúng như giết loài rắn độc !*".

Nếu trả lại cho danh từ cách mạng một nội dung căn bản khác, nghĩa là những tác động tạo nên những biến chuyển sâu sắc trên các giá trị nền tảng của xã hội theo chiều hướng tiến bộ, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy xã hội Việt Nam đã không có được những cuộc cách mạng mang lại những thành tựu đúng nghĩa. Từ đầu thế kỷ 20, chúng ta đã có những chí sĩ đáng kính phát động ra những phong trào quần chúng, trong mục đích duy tân, nhằm duy trì và cổ xúy những giá trị mới được đem vào xã hội Việt Nam từ phương Tây. Những nỗ lực này đã không gặt hái được nhiều kết quả như mong đợi bởi vì phong trào phải đương đầu với quá nhiều trở ngại. Về phía những người cộng sản, họ chủ trương cướp chính quyền bằng bạo lực, áp đặt duy ý chí những hệ luận từ phép biện chứng cầu thả - dựa trên căn bản của học thuyết Mác-Lênin - lên toàn xã hội Việt Nam. Hậu quả của chủ trương này là nó giết chết những giá trị tích cực vừa được nảy sinh, đồng thời dung hợp và củng cố những cái dở của nền văn hóa truyền thống để tồn tại.

Tuy vậy, với những hệ lụy tiêu cực vừa kể trên, ít ra

dân tộc Việt Nam đã không bắt đầu cuộc hành trình vào tương lai với hai bàn tay trắng. Thực tiễn cho thấy xã hội Việt Nam vẫn luôn âm ỉ cố vươn thoát khỏi những vòng kiềm tỏa. Đất nước cho đến nay chưa thể thoát ra để tiến xa bởi vì cơ thể còn bị nhiễm nhiều độc tố. Đã có nhiều lần trở để đưa ra những lời giải thích về tình trạng trì trệ, tụt hậu của Việt Nam ngày hôm nay. Yếu tố tâm lý và văn hóa của dân tộc là ụ cản mà nhiều người đã nhận ra và báo động. Đã có đồng thuận hầu như tuyệt đối của mọi thành phần dân tộc là phải chấm dứt sự độc tài chính trị của đảng cộng sản với một giá phải chăng nhất, vì quyền lợi trước hết của đất nước. Nhưng điều kiện cần này sẽ không có nghĩa lý bao nhiêu nếu những thành phần đấu tranh không trang bị cho mình một thái độ dứt khoát là phải đưa dân tộc tiến vào quỹ đạo dân chủ thực sự ngay sau đó, để đất nước sớm bắt kịp với trào lưu tiến bộ của thế giới văn minh.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy có nhiều nước, trên nguyên tắc đã có dân chủ, nhưng đến nay vẫn còn ỉ à ỉ ạch. Hãy so sánh các nước châu Mỹ La Tinh với các nước Bắc Mỹ, Tây Âu. Hai khối này đều có dân chủ nhưng rất chênh lệch. Sự khác biệt này là do văn hóa của các dân tộc. Văn hóa tự nó hàm chứa sự vận động, tức là phải mang tính đào thải và cải tiến không ngừng những giá trị. Những giá trị được phát sinh hay du nhập sẽ trở nên uổng phí nếu không trở thành những cách ứng xử trong xã hội. Nhưng văn hóa truyền thống cổ hủ đang kìm hãm sự tiếp cận và phát triển của dân chủ, chính chúng không sớm thì muộn cũng sẽ bị đào thải trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Một dân tộc mà văn hóa bị đào thải và không có thay thế thì bị đặt trước nguy cơ giải thể. Đối mới văn hóa, tiếp thu và thể hiện văn hóa dân chủ, vì thế cũng là bổn phận giữ nước.

Một nền dân chủ khai phóng toàn diện không chỉ dừng lại ở việc thực hiện những quyền công dân cơ bản. Nó đòi hỏi sự tham gia tích cực của tất cả các giai tầng trong xã hội vào mọi lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội, từ truyền thông báo chí, các tổ chức thiện nguyện (non-profit organizations), đến các tổ chức phi chính phủ (NGOs).

có mục tiêu và đường lối đấu tranh có khả năng thu hút và liên kết những người quan tâm đến đất nước.

Có thể nói một cách nôm na : nguyên nhân những thất bại này là do không theo tiến trình năm giai đoạn của một cuộc đấu tranh cách mạng.

Nhưng tại sao không theo ? Không phải là không biết tiến trình năm giai đoạn là cần thiết cho cuộc vận động dân chủ. Trong cuốn *Cơ Sở Tư Tưởng* - tiền thân của những *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*, được phổ biến khá rộng rãi trong giới chính trị, từ năm 1986 - đã đề cập đến "*Năm giai đoạn của tiến trình đấu tranh cách mạng*", với những trình bày khá đầy đủ. Và thật ra, với sự lô-gích, tự nó đã có tính thuyết phục.

Nguyên nhân chính là do di sản tiêu cực của lịch sử và

văn hóa. Và đó cũng là nguyên nhân đã khiến cho một số tổ chức, ít nhất là một, đã hoạt động theo đúng tiến trình năm giai đoạn nhưng kết quả thu gặt được vẫn còn khiêm tốn.

Để hình thành một kết hợp dân chủ có tầm vóc, trước hết chúng ta phải thay đổi một số tập quán và tâm lý không thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ do di sản tiêu cực của lịch sử và văn hóa.

Võ Xuân Minh

Chú thích :

(1) Võ Xuân Minh, "Để chấm dứt chế độ độc tài đảng trị", *Thông Luận*, tháng 2-2004.

(2) Nguyễn Gia Kiểng, "Hoại loạn kết hợp và phân hóa giải thoát", *Thông Luận*, tháng 3-2004.

Mọi phó mặc thụ động của người dân vào phương thức sinh hoạt chính trị kiểu dân chủ đại diện (representative democracy) là những nguyên nhân biểu lộ sự tiêu cực trong một nền dân chủ. Tính khai phóng của nền dân chủ do đó cần được khai thác tối đa. Nói cách khác, cần thực hiện thể chế chính trị dân chủ đa nguyên để qua đó thể hiện triệt để triết lý dân chủ đa nguyên trong xã hội.

Nhấn mạnh đến sự khai phóng toàn diện của dân chủ không có nghĩa là coi nhẹ hai thành tố tiên quyết và căn bản của một nền dân chủ thực thụ, đó là tính *pháp trị* và *khả năng hoạt động lành mạnh của chính trị đảng phái* (partisan politics). Sự quan sát tổng thể về những điểm mạnh và yếu của các nền dân chủ trên thế giới đáng để chúng ta cùng rút ra những bài học hữu ích chung.

Dân tộc và tuổi trẻ Việt Nam nói riêng hiện đang đứng trước một khúc rẽ dẫn vào đại lộ vinh quang. Khối gần 40 triệu thanh niên Việt Nam đã có được những cánh chim báo bão, những cánh én dẫn đường. Đó là những anh hùng Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và những tuổi trẻ âm thầm khác. CƠn bão sẽ nổi đối với sự ngoan cố của chế độ cộng sản và mùa xuân sẽ đến với cộng đồng dân tộc. Tuổi trẻ Việt Nam chỉ cần lấy một quyết định mạnh dạn.

Tiến trình dân chủ hóa đất nước và công cuộc xây dựng dân chủ sau này cần sự hiện diện và góp tay nhiệt tình của tuổi trẻ Việt Nam trong và ngoài nước. Tuổi trẻ Việt Nam cần được trang bị văn hóa tổ chức cho chính mình thật sớm. Văn hóa tổ chức trước hết là phải biết tự ghép mình để sinh hoạt trong tổ chức, chịu chấp nhận những hệ lụy của tổ chức. Sinh hoạt tổ chức là quan trọng nhưng không phải với bất cứ giá nào, với bất cứ tổ chức nào. Một tổ chức ô hợp ngăn cản việc khai thác hết tiềm năng của từng cá nhân cũng như sức mạnh tổng hợp của tổ chức. Tính ô hợp của một tổ chức thể hiện qua sự không đồng điệu về thành phần nhân sự do sự kết hợp vội vã, hoặc không có nội quy minh bạch để mọi người tuân theo, hoặc không có một dự án chính trị, hoặc không ai biết ai thực sự có thẩm quyền nào. Một kết hợp như vậy sẽ là một tập hợp ô hợp, có hại cho tiến trình chung, ngay cả nếu mọi thành viên đều là những cá nhân ưu tú, bởi vì nó sẽ thất bại và tạo ra thất vọng. Cần có sự cảnh giác này để tránh mọi thất vọng và những khuyết điểm khi chúng ta quyết định tìm đến một tổ chức để sinh hoạt.

Xã hội Việt Nam đang cần có một cuộc cách mạng đúng nghĩa, cuộc cách mạng dân chủ. Cuộc cách mạng dân chủ này đòi hỏi một tổ chức dân chủ lớn và mạnh, và muốn như vậy thì trước hết chúng ta cần thật nhiều người trẻ được trang bị văn hóa tổ chức. Cuộc cách mạng dân chủ sẽ đem ánh sáng tự do và nhân quyền vào vùng đất đang còn bị phủ bóng tối của văn hóa chuyên chính áp bức.

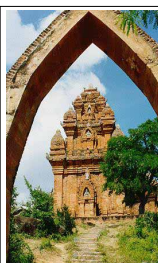
Tuổi trẻ Việt Nam đang đứng trước một thách thức lớn là chinh phục tương lai của chính mình, của thế hệ mình vì đất nước mình. Đây là một cuộc chinh phục khó khăn nhưng trong tầm tay, đồng thời cũng là một nguồn tự hào.

Nguyễn Văn Hiệp
(North Carolina, Hoa Kỳ)

Thơ

Chiều về bên tháp Po Nagar

Chiều vừa xuống bên chân tháp Nagar,
Ta lại về đây,
Cho lòng ngực căng đầy,
Mùi thơm hoa Champa
của ngàn năm cũ trong cánh gió xa.
Hoa rụng đầy mặt đất,
Nhưng vẫn tươi màu, và phảng phất mùi hương.
Hồn Champa còn động khắp nẻo đường,
Bao máu lệ đã trôi chân tháp cũ,
im lìm nhưng vẫn ngủ yên...
Sờ những bức tường đá ong rêu phủ,
Lòng ta sống dậy chuyện năm xưa...
Cờ Champa trùng trùng lộng gió
Giữa đế đô Vijaya,
Jaya,
Jaya Sinhavarman (1), đa tình, hào sảng,
Nguyện dâng sông núi đổi trái tim yêu.
Người Champa xưa si tình thế đấy.
Nhưng cũng có thời,
Cờm giáo sáng ngời,
Người Champa bình Tây, phạt Bắc...
Champa xưa anh hùng thế đấy.
Hôm nay
Tôi ôm hồn Champa năm cũ,
đi qua những xóm nghèo
lòng quặn thắt theo từng cơn gió biển
Đâu rồi, những thành phố đã mất tên ?



Tháp Po Nagar

Vijaya,
Kauthara,
Panduranga.
Đất vàng trăm năm cũ,
Nay dân tôi lam lũ không đủ miếng ăn.
Tới mùa lễ hội,
Con gái, con trai gầy đen ốm đói
Lại phải đi làm trò múa rối
Giúp vui cho ai ?
Cho bọn ngồi trên đầu,
Trên lưng kẻ già người trẻ đất Champa
Ồi, sao lòng ta nhớ mãi những mùa hoa,
Hoa say tình,
Hoa rục rở chiến công.
Ta muốn đánh lên vạn hồi công,
Cho trẻ già tỉnh dậy,
Cùng chung vai làm sống dậy giấc mơ chung.
Cho hoa vui lại nở khắp núi rừng,
Cho biển cả réo sóng mừng ngày hội.
Quét cho sạch những năm dài tăm tối,
Cờ Champa phất phật mở lối đi,
Trẻ, già, trai, gái siết tay,
Trùng trùng góp gió dựng xây cơ đồ.

Chế Liêm (Úc)

(1) Chế Mân

Những con mắt mở muện

Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, Trần Trọng Tân, Phan Minh Tấn, Dương Đình Thảo là những vị đại thần của triều đại cộng sản buổi giao thời, từ hưng thịnh chuyển sang tàn tạ. Họ đều nghỉ hưu hơn chục năm nay, đều ở tại Sài Gòn để hưởng thụ cuộc sống phú quý cuối đời, và chứng kiến cảnh biến đau của chế độ "ta".

Đầu năm 2003, Ban dân vận trung ương đảng cộng sản - chuẩn bị cho cuộc Hội nghị trung ương 7 bàn về "Đoàn kết dân tộc, xây dựng dân chủ và tự do tôn giáo" - đã lấy ý kiến của nhiều cán bộ cũ đã nghỉ hưu và viết đi viết lại đến hơn mười lần bản dự thảo nghị quyết. Cuộc họp diễn ra 9 ngày và để ra một bản nghị quyết dài hơn 20 trang, nhưng vẫn bị đánh giá là : cũ rích, không có gì mới, không đáp ứng tình hình xã hội, rất chung chung, vô tích sự !

Điều đặc biệt đáng chú ý là ý kiến của năm nhân vật kể trên đối với bản nghị quyết của ban dân vận. Họ là những người đã từng một thời thét ra lửa, từng ở trong bộ chính trị, trong trung ương đảng, từng là bộ trưởng công an, bí thư thành ủy Sài Gòn, trưởng ban tư tưởng và văn hóa, trưởng ban dân vận trung ương... Phải chờ cho đến khi ra ngoài vòng quyền lực, tuổi cao, gần đất xa trời, họ mới có thể bắt đầu nhìn ra được đôi điều sự thật và nói lên được đôi điều phải lẽ.

Sau đây vài ý kiến "đặc sắc" của họ trong biên bản ; sự thật cứ như họ vừa được họ khám phá ra, toàn là những điều nhiều phó thường dân đã nhìn thấy từ lâu rồi !

Đảng độc quyền một mình một chợ là... chết !

Đây là ý kiến ông Mai Chí Thọ, em ruột ông Lê Đức Thọ, nguyên ủy viên bộ chính trị, bộ trưởng công an :

"Cái gì cũng giai cấp đấu tranh ! Chửi phong kiến, chửi đủ thứ hết mà không biết phong kiến nước mình không triều đại nào là không có ông vua, ông quan yêu nước và anh hùng ! "Lúc nào ta chỉ đề cao đấu tranh theo kiểu địch ta thì đều thất bại" (*như cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa*). "Khi có chính quyền là đảng ta xa rời quần chúng ; nói độc quyền lãnh đạo, rồi độc quyền cách mạng luôn ! Bây giờ ta giành hết, không cho ai làm cả, một mình một chợ ! Điều này là chết !".

"Vấn đề thành phố xin lập hội Hướng Đạo, nói hoài mà không ai giải quyết ! Rồi chúng tôi đề nghị lập Hội bảo trợ trẻ em mồ côi và người tàn tật, kể cả thương phế binh nguy (*vẫn theo kiểu nói trích thượng, ôm riết thù hận*) mà không cho, sao lại sợ cả người tàn tật ? Rồi xin lập Hội khuyến học, ra đời hơn một năm mới được giấy phép, hai năm sau mới được phép cho cấp quận, huyện !".

"Đoàn kết dân tộc gì mà đền thờ cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng bị lấn chiếm, mộ cụ Nguyễn Du cả nhiều năm vẫn "sè sè nằm đất bên đường". Cũng không ai kỷ niệm Thích Quảng Đức ; lúc người ta tự thiêu thì ta hết sức ca ngợi, sao ta không cùng sư sãi Phật giáo làm kỷ niệm ? Rồi Phật giáo

Việt Nam Thống Nhất, người ta đấu tranh như thế, mình có chính quyền rồi là loại người ta ra".

"Về hòa hợp dân tộc, sau giải phóng, cái hay là không có giết một ai (!), nhưng bắt đi học cải tạo lâu quá, làm nhiều gia đình tan tác, vợ đi lấy chồng khác, con gái đi bán bar ; mình có thấy trách nhiệm ở đó không ? Có chiến thắng rồi, chiếm lĩnh toàn quốc rồi là coi khẩu hiệu "hòa hợp dân tộc" là hết rồi !".

"Hàng ngàn nhà ở cũ của viên chức chế độ cũ thì giải quyết thế nào ? Đây không thuần túy là vấn đề nhà ở, mà là vấn đề chính trị".

"Ở Tây Nguyên, nổi lên vụ cấm đoán đạo Tin Lành vì cho là liên hệ với Mỹ, Fulro, cái đó không nên. Tin Lành ở miền xuôi, miền Nam, miền Bắc được hoạt động, Tây Nguyên bị cấm là để rồi lắm !".

Vấn đề dân tộc rất là... nguy !

Dưới đây là tóm tắt ý kiến ông Phan Minh Tấn, nguyên trưởng ban dân vận trung ương đảng :

"Dân tộc là mãi mãi, tôn giáo là lâu dài ! Xu thế thế giới : dân tộc là toàn cầu hóa, tôn giáo là chính trị hóa. Vấn đề dân tộc cực lớn, ta có trên một triệu, với 13 dân tộc ; tình hình đang có biến động ; ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ đều đang có chuyện các dân tộc di cư, bỏ trống vùng biên giới trọng điểm ; di dân đến quá 4% số hộ dân là có vấn đề rồi ! Vấn đề dân tộc nghiêm trọng là để rã quốc gia !".

"Các mâu thuẫn bây giờ ghê gớm lắm ! giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, nhưng hiện nay lại đi làm thuê cho chủ trong nước, chủ ngoài nước ! Trí thức nước ta thì đã già, số trẻ ra sao ? Mâu thuẫn chủ yếu bây giờ là sự va chạm giữa nhân dân lao động với chính quyền. Do quan liêu, hách dịch, tham nhũng nên mâu thuẫn với nhân dân. Đây là vấn đề nóng bỏng. Chính quyền giải quyết không tốt là mất ! Có thể đường lối, chính sách không sai, nhưng thi hành sai thì cũng chết !".

"Đảng sai thì phải sửa sai, không chịu sửa thì không lấy được niềm tin của dân ! Vụ Trần Độ là thất bại chính trị vô kể, gây một cái xấu trong đảng, những người ngoài đảng cũng e dè, bất mãn ; hành động đó trái với đạo lý, vô nhân đạo. Khi con của Trần Độ phát biểu đáp lại (*bác bỏ*) điều văn thì hàng ngàn người đứng vỗ tay hoan hô ; rõ là mình thất bại !".

Đảng mắc nhiều khuyết điểm rất nặng nề !

Ý kiến ông Dương Đình Thảo, nguyên trưởng vụ thành ủy, trưởng ban tư tưởng văn hóa, giám đốc sở thông tin văn hóa :

"Đảng Cộng Sản Trung Quốc vừa họp Đại hội 16, cho ta nhiều bài học. Họ nêu : đảng cộng sản trước ngã ba đường ; đảng cộng sản trước nguy cơ mất quyền lãnh đạo.

Tôi cho rằng đảng ta đã mắc nhiều khuyết điểm rất nặng nề, phải kiểm điểm nghiêm túc ; tôi có cảm giác chẳng bao lâu nữa đảng mất quyền lãnh đạo ! Bây giờ có những cái chuyển biến không lường trước được !".

"Nhân tố thắng lợi gồm cả đảng và dân ; vậy mà cứ Đảng là viết hoa, còn dân thì viết thường ! Rồi hễ Xuân về là mừng đảng, mừng Xuân ! Xuân là của cả dân tộc chứ không phải của riêng đảng !".

"Dân vận lẩn này không phải chỉ là đối nội, mà còn là đối ngoại. Các nước trên thế giới không chỉ trông chờ xem Việt Nam giàu lên, văn minh hiện đại, mà họ còn xem mình đối xử với dân như thế nào, để người ta xem mình có dân chủ hay không ; người ta trông chờ cái đó !".

"Lý tưởng cộng sản bị phai nhạt ; chỉ tiền thôi ! Bây giờ người ta đâu có lý tưởng gì nữa ! Bây giờ là đồng tiền không tình nghĩa. Đồng lương thực tế không đủ sống ; mặt trái kinh tế thị trường thật sự phát triển, là những rào cản nguy hiểm cho hòa hợp toàn dân".

Mấy ông bộ chính trị chỉ giữ đạo mạo trên... tivi !

Ý kiến ông Trần Bạch Đằng, nguyên bí thư thành ủy Sài Gòn :

"Nghị quyết không có gì mới ! Chỉ lặp lại một số khẩu hiệu ! Thực tiễn thì thay đổi dữ dội, tình hình ngày càng xấu đi, mà ta cứ lặp đi lặp lại như con két (*con vịt*). Chúng ta không dám nhìn vào sự thật, cứ phán như cũ, thì đó là triệu chứng của sự sụp đổ !".

"Mắc gì mà trong một thời gian rất ngắn ta tặng cả chục cái huân chương Sao Vàng ? Làm như trấn trời vậy ! Tức là sắp chết đến nơi, chia gia tài đi ! Kỳ cục, không sao hiểu nổi !".

"Bây giờ ngay trong đảng không đoàn kết với nhau, nói gì đến đoàn kết bên ngoài ! Khổ là mất đoàn kết vì tiền, vì địa vị, thăng cha này ngôi chỗ này, thăng cha nọ ngôi chỗ kia ! Tất cả chi phối toàn bộ cái rối loạn trong nội bộ đảng! Hết sức nguy hiểm, là chết thôi !".

"Quốc hội cũng đủ thứ chuyện ! Người ta nói tư bản nỏ đỡ, nhưng cái gì nó cũng đưa ra, còn mình thì giấu !".

"Sao chỉ kết tội Bùi Quốc Huy là thiếu trách nhiệm, trong khi trong tài liệu và căn cứ báo chí đưa ra thì ông này cũng là "tay tổ" ?".

"Vấn đề rất lớn là huy động tài năng ; nhưng tài năng là cái gì ? Rốt cuộc tài năng chỉ là thăng nào nịnh giỏi, thăng nào bợ đít hay, dạ dạ vâng vâng, chí phải chí phải thì thăng đó là tài năng !".

«Ngay như với Dương Văn Minh cũng cần có quan điểm đúng ; phải đấu tới đấu lui mới làm dịu đi, không kết án, không chửi ; cái công của người ta giữ cho thành phố được giải phóng mà không đổ máu thì công đó nhỏ à ?".

Những nạn nhân... do sai lầm của đảng !

Ý kiến ông Trần Trọng Tân, nguyên trưởng ban tư tưởng và văn hóa trung ương đảng :

"Cần chú ý đến tâm trạng xã hội của những nạn nhân do sai lầm của những chính sách của đảng. Cái tâm trạng này còn nặng lắm, nhất là nạn nhân của chính sách cải tạo

; nạn nhân của các loại án sai... ; mình phải nói cho khéo, cho thấu đáo. Tại sao Trung Quốc họ dám làm, họ sửa đến mức mà ai bị oan thì được khôi phục hết, khôi phục danh dự đến các chế độ. Công khai hóa hết mà sửa, sửa đâu ra nghị quyết đó, rất được lòng dân".

"Cần chú ý xu thế dân chủ của thế giới tác động vào dân ta ; nếu không đáp ứng những khát vọng dân chủ của nhân dân thì mình sẽ lạc hậu và không thể đoàn kết nổi. Ta cứ nói chủ nghĩa tư bản nó tàn tệ, vậy mà không phải ! Không phải có con cá ngon, rẻ là nó mua đâu ; người làm ra cá có đời sống thế nào, có điều kiện lao động thế nào nó mới mua. Những cái đó mình đã theo kịp đâu ! Ta phải bắt kịp xu thế mới, nền văn hóa mới ấy".

"Tôi ghé qua Đài Bắc, chờ máy bay quá cảnh, bắt chuyện với một cô Việt kiều ; hai vợ chồng bán cơm, bị mất trộm ; ba tháng sau được báo tên trộm đã bị bắt ; ra tòa, ngoài đồ ăn trộm trả lại đủ, tên trộm còn phải trả cho khổ chủ tiền đi máy bay, ở khách sạn để hầu tòa, và thêm cả tiền đền bù do phải nghỉ kinh doanh. Công bằng, dân chủ, nhân đạo của thời đại là vậy đó".

"Đáng lẽ chính trị là phải bênh dân chứ ! Sao ta lại để cho dân oan đi khiếu kiện thân cô thế cô ! Bây giờ dân bị oan, không thấy mấy ông cộng sản đâu hết ! Người đảng viên cộng sản có lương tâm phải xông vô bảo vệ dân, nay lại có «19 điều cấm», không cho đảng viên làm !".

Vài lời của người tóm lược

Tập biên bản này dài 13 trang, rút gọn lại cho dễ đọc, vẫn giữ lại những ý chính ; tuy đã hơn một năm vẫn còn tính thời sự.

Các nhân vật phát biểu trên đây toàn là những tên tuổi vốn bảo thủ cứng rắn khi đương quyền. Rồi chính quyền chuyên chế, họ có điều kiện thấy ra ít nhiều sự thật hiển nhiên. Trong thời mở cửa, giao lưu rộng rãi họ cũng mở mắt và mở mang đầu óc ra ít nhiều.

Những điều họ góp ý với những người lãnh đạo đảng và nhà nước hiện đương chức - vốn là cấp dưới của họ - có thể giúp ta hiểu rõ hơn tình hình chính trị nội bộ cũng như hiện tình xã hội ở trong nước.

Nét bao trùm dễ nhận ra là tình hình chính trị xã hội là nghiêm trọng, nghị quyết thì rất nhiều nhưng chẳng mấy có hiệu quả, các tệ nạn ngày càng nặng nề, sự lãnh đạo yếu kém, - có lãnh đạo mà không có lãnh tụ - không có một cái đầu nào nổi lên, cá mè một lứa, tranh giành ngôi thứ khá quyết liệt. Đặc biệt vấn đề thay đổi nhân sự nửa nhiệm kỳ - giữa Đại hội 9 và Đại hội 10 - cử thủ tướng mới, chủ tịch mới, có thể cả tổng bí thư mới và chủ tịch quốc hội mới, và thay một số ủy viên ban chấp hành như Lê Minh Hương, Trương Tấn Sang hay cả Phạm Văn Trà... đang là vấn đề rất gay gắt, chưa đạt đồng thuận dù tương đối. Từng ủy viên bộ chính trị sắp phải tự phê bình và bị chất vấn trong khai tài sản cá nhân và gia đình một cách ngay thật, như nghị quyết yêu cầu...

Bùi Tín

(Paris tháng 3-2004)

ĐỔI MỚI "GỌI LÀ" VÀ ĐỔI MỚI "THỰC SỰ"

Tôn Thất Thiện

Cần biết về tác giả

Đây là một tác phẩm *đặc biệt* về chế độ cộng sản Việt Nam. Đặc biệt không phải vì nó đề cập đến những vấn đề mới, đưa ra những dữ kiện và những quan điểm mới về chế độ đó. Những vấn đề, dữ kiện, và quan điểm này đã được nói đến nhiều trong 30 năm qua rồi, nên bàn về chúng không có gì đặc biệt. Cái đặc biệt là tính cách chính xác của những dữ kiện và nhận xét được đưa ra. Đây là đặc điểm của tác phẩm, và đặc điểm này có được vì tác giả là một người đặc biệt: ông có đồng thời một số điều kiện cần thiết để viết ra những điều rất chính xác khó phản bác được về chế độ đó. Điểm này làm tôi nhớ đến một câu của nhà văn hào Pháp André Gide: "*La beauté est dans le regard, non dans la chose regardée*". Cái đặc biệt là ở nơi tác giả, không phải nơi tác phẩm! Vì vậy, để hiểu tác phẩm, cần biết về tác giả.

Tôi đã được biết đến anh Võ Nhân Trí cách đây gần 40 năm, qua một tác phẩm của anh ấy, vào khoảng đầu thập niên 1960. Lúc đó tôi đang làm luận án tiến sĩ ở Genève. Ở thư viện trường tôi có một quyển sách nói về kinh tế của Việt Nam (sau này được xuất bản với tựa: *La Croissance économique de la République démocratique du Vietnam, 1945-1967*, ELE, Hà Nội, 1967), Tôi mượn về đọc. Lúc đó, tôi không biết Võ Nhân Trí là ai. Nhưng đọc được lối 10 trang, tôi liệng quyển sách đó xuống, vì nó sặc mùi "xã hội chủ nghĩa". Tôi kết luận rằng Võ Nhân Trí là một "trí thức cộng sản". Gần 30 năm sau tôi mới gặp lại anh "trí thức cộng sản" này, nhưng lúc đó anh chàng này lại sặc mùi chống cộng...

Tôi gặp anh Trí vào mùa hè năm 1988 ở Singapore, nhân dịp một hội thảo quốc tế lớn về Việt Nam do trung tâm Information and Resource Center tổ chức. Lúc đó anh đang là học giả được Singapore Institute of Southeast Asian Studies mời làm nhân viên nghiên cứu (Fellow), sau khi đã làm việc với tư cách đó trong mấy năm ở Institute of Development Studies ở Tokyo. Lúc đó, giữa anh ấy với tôi, không có gì ngăn cách, vì anh đã bỏ cộng sản.

Trong thời gian ở Singapore, tôi có dịp tiếp xúc nhiều với anh Trí, hoặc trong những buổi làm việc chung, hoặc trong những buổi tụ hội thân mật ở nhà trọ của anh, hay chuyện trò khá dài và rất cởi mở ở bờ biển Singapore. Qua những cuộc tiếp xúc đó, có hai điều làm tôi để ý:

1. Anh ấy tỏ ra còn hận thù cộng sản hơn cả những người quốc gia chống cộng.

2. Anh ấy có một sự hiểu biết về chế độ cộng sản Việt Nam sâu rộng hơn sự hiểu biết của tất cả những tác giả đã viết về Việt Nam mà tôi đã đọc. Đây là điểm liên hệ đến tính cách đặc biệt của tác phẩm cần được giải thích.

Muốn viết chính xác và khó phản bác được về chế độ cộng sản Việt Nam phải thỏa mãn mười điều kiện, trong

đó có ba điều kiện căn bản (2). Ba điều kiện đó là:

1. biết rõ Đảng Cộng Sản Việt Nam từ trong;

2. là một người cộng sản tỉnh ngộ;

3/ nằm ngoài vòng truy hiếp của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam.

Theo tôi biết, hiện nay, anh Trí là một trong những người rất hiếm có hội đủ những điều kiện trên đây, ngoài những điều kiện khác.

Anh Trí là tiến sĩ Luật khoa (ban Kinh tế). Anh ấy đã được đào tạo tại những trường quốc tế danh tiếng. Ở những nơi đó, anh đã được huấn luyện kỹ về phương pháp sưu tầm, nghiên cứu khoa học. Luận án của anh ấy viết về kinh tế của một nước cộng sản, tất nhiên anh phải nghiên cứu kỹ càng về các chủ thuyết Mác, Lê-nin, cùng chính trị, kinh tế, xã hội của lịch sử cận kim. Anh đã được mời làm việc tại các trung tâm quốc tế có uy tín. Điều này chứng minh là trình độ học thuật và chuyên môn của anh được các giới quốc tế đánh giá rất cao.

Về hiểu biết về cộng sản, anh là một người hiếm có, vừa hội đủ những điều kiện trên đây, vừa là một người cộng sản, đã làm "cách mạng" với cộng sản trong 32 năm: 8 năm với Đảng Cộng Sản Pháp (1952-1960), và 24 năm với Đảng Cộng Sản Việt Nam (1960-1984). Ngay sau khi tốt nghiệp (năm 1960), anh quyết định hồi hương để theo "cách mạng". Anh đã phục vụ ở Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, với tư cách là chuyên viên trong Viện Kinh Tế ở Hà Nội và Viện Khoa Học Xã Hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trí đã ở với cộng sản Việt Nam một thời gian rất dài, do đó anh có đủ điều kiện biết rõ chế độ từ trong. Anh ấy tiết lộ với tôi rằng ngay sau sáu tháng đầu, anh đã nhận thấy là anh lầm rồi, nhưng không thể công khai chống chế độ và không làm được gì khác hơn là tiếp tục cho đến khi có cơ hội "nhảy" được. Năm 1984 anh mới thực hiện được cuộc "nhảy" này. Và từ đó anh đã tích cực tham gia cuộc tranh đấu cho dữ kiện trên đây là một điều may: nhờ chống chế độ, tuy rằng chỉ chống ngầm thôi, anh Trí đã chú ý đến những khía cạnh tiêu cực, xấu, "mặt thực" của chế độ, mà họ muốn dấu đi. Hơn nữa, với sự huấn luyện anh đã hấp thụ được, anh biết rõ cần biết những gì, và tìm ở đâu để hiểu rõ chế độ cộng sản chỉ là một chuyên chính vô sản, một cụm từ mà anh thích dùng để nói "chuyên chế vô sản".

Cuối cùng, ở ngoài tầm truy hiếp của công an và những ủy viên kiểm soát tư tưởng của Đảng, anh Trí được tự do nói hết được những gì mình muốn nói, hay thấy cần phải nói lên, không bị vướng mắc nhiều vì lý do này hay lý do khác, như trường hợp của những người tranh đấu ở trong nước.

Những chi tiết trên đây được nhắc đến để nhấn mạnh tính cách đặc biệt của tác phẩm *Việt Nam Cần Đổi Mới*

Thật Sự. Hai chữ then chốt ở đây là "thật sự". Nó là chủ đề của tác phẩm. Quyển sách này được sáng tác với một chủ đích rõ ràng, là : đánh tan một số ngộ nhận về chế độ cộng sản hiện tại, nhất là trong các giới Việt kiều và quan sát viên ngoại quốc. Anh Trí viết quyển sách này để cảnh báo : lời cảnh báo "như một số người lầm tưởng" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, cũng như cụm từ "cái gọi là", được gắn liền với các danh xưng mà Đảng Cộng Sản Việt Nam thường dùng để che đậy thực chất của chế độ : "chủ nghĩa xã hội đổi mới", "nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội", "nhà nước của dân, do dân, vì dân", "dân chủ xã hội chủ nghĩa", v.v.

Anh Trí đã vạch trần sự xảo trá của Đảng Cộng Sản Việt Nam về việc dùng "cái bẫy ngữ nghĩa" (*semantic trap*) để lừa gạt người khác về "đổi mới", và về bản chất của chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại. Với người ngoài, cộng sản Việt Nam rêu rao "đổi mới", nhưng với nhau thì họ nhấn mạnh "đổi mới nhưng quyết không đổi màu" ; họ thường tuyên bố về "tư nhân hóa", và "thành phần kinh tế tư nhân", nhưng đó không phải là con đường rẽ để đi tới chủ nghĩa tư bản mà, trái lại, là một con đường vòng để quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; về căn bản, chế độ hiện tại vẫn là một chế độ chuyên chính vô sản.

Có một điểm nữa cần ghi là : khác với rất nhiều tác giả khác, anh Trí không nói bừa, hay nói bằng quơ : tất cả những gì anh đưa ra đều tôn trọng nguyên tắc khoa học "nói có sách, mách có chứng".

Kinh tế "đổi mới" : vẫn là xã hội chủ nghĩa

Bây giờ xin bàn đến cấu trúc và nội dung của tác phẩm.

Cấu trúc của tác phẩm nói lên trọng tâm của tư tưởng anh Trí về vấn đề đổi mới. Sách dày 256 trang, chia làm ba chương : chương I nói về "Ý thức hệ của chính sách đổi mới", chương II nói về "Đổi mới kinh tế", chương III nói về "Đổi mới chính trị". Ba chương này không cân đối : chương I chỉ có hai phần, dài 30 trang ; chương II gồm ba phần, dài 40 trang ; chương III gồm mười phần, dài 134 trang. Rõ ràng khía cạnh chính trị lấn áp hai khía cạnh ý thức hệ và kinh tế. Lý do là anh Trí muốn đánh tan một quan niệm mà anh cho là sai lầm, hấp tấp, lan tràn trong nhiều giới cho rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam "đã từ bỏ chủ nghĩa xã hội" và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những giới này muốn tránh né vấn đề chính trị. Anh Trí thì ngược lại. Anh đã bỏ rất nhiều công để làm thật rõ quan điểm : đổi mới, thực sự, không phải là một vấn đề kinh tế, mà là một vấn đề chính trị ; muốn đổi mới kinh tế, phải đổi mới chính trị.

Về nội dung thì, ở chương I, anh Trí nhấn mạnh rằng cơ sở ý thức hệ (hay "tư duy chính trị") của chính sách "đổi mới" chỉ là "một sự chuyển hóa" từ chủ nghĩa xã hội cổ điển sang cái gọi là chủ nghĩa xã hội *đổi mới* "theo kiểu Mác-Lê-Đặng" và tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ đã bắt chước "một cách mù quáng" mô hình Trung Quốc, chứa đựng đầy mâu thuẫn khó dung hòa.

Về tư tưởng Hồ Chí Minh, thì Đảng Cộng Sản Việt Nam nêu bật lên tư tưởng này không phải vì họ muốn thay thế


chủ nghĩa Mác-Lê đã lỗi thời bằng tư tưởng Hồ Chí Minh, mà họ chỉ dùng uy danh của Hồ Chí Minh để lừa phỉnh nhân dân dễ dàng hơn, vì ông này được coi như còn có ít nhiều bản sắc dân tộc. Nhưng, thật ra, cơ sở ý thức hệ của ông Hồ chính là chủ nghĩa Mác-Lê. Ông vẫn coi nó là "học thuyết đúng nhất, cách mạng nhất", và là "kim chỉ nam cho hành động".

Tư tưởng Hồ Chí Minh có năm điều chủ yếu : 1. Mác-Lê là chủ nghĩa đúng đắn nhất ; 2. lãnh đạo của Đảng phải tuyệt đối ; 3. áp dụng triệt để "chuyên chế vô sản" kiểu Mác, Lê-nin, Stalin ; 4. tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ; 5. giữ vững tinh thần quốc tế vô sản.

Trong những điều trên đây, chủ trương tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là "**nguyên nhân**" (3) của cuộc khủng hoảng toàn diện, khủng hoảng tổng thể của xã hội, kinh tế và xã hội, tinh thần và đạo đức, tư tưởng và chính trị. Phần khác, "*tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội*" là "*sai lầm to lớn nhất của Hồ Chí Minh trong lãnh vực kinh tế*". Anh Trí kết luận rằng : "*nếu dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh*" để hỗ trợ cho chính sách "đổi mới" chính trị thì phải nói thẳng ra là "*có đổi nhưng không có gì mới !*".

Khía cạnh "Đổi mới kinh tế" được bàn đến ở chương II. Anh Trí nhận xét rằng trước năm 1986, Việt Nam "lâm vào khủng hoảng suy thoái trầm trọng" vì Đảng Cộng Sản Việt Nam đã "*bắt chước một cách máy móc mô hình xã hội chủ nghĩa theo kiểu Stalinít-Maoít*". Đại hội 6 của đảng cộng sản đã đưa ra chính sách "đổi mới", bỏ chế độ bao cấp, và chấp nhận một nền kinh tế "nhiều thành phần". Đến Đại hội 7, đảng cộng sản lại nói rõ rằng kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải "*vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*". Đại hội 8 lại nhấn mạnh thêm rằng nền kinh tế nhiều thành phần phải "*nhằm mục đích xây dựng xã hội chủ nghĩa*" chứ không phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra từ đầu năm 1990 "*cũng là sao chép mô hình kinh tế thị trường của đảng cộng sản Trung Quốc*".

Đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương là kinh tế quốc doanh. Theo giáo điều, "*Đảng Cộng Sản Việt Nam không chấp nhận việc để bất cứ ai tham gia vào việc phát triển lực lượng sản xuất mà chỉ để dành việc này chủ yếu cho kinh tế quốc doanh mà thôi*". Như thế, mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, anh Trí nói, cái "ket" là ở chỗ đó : kinh tế quốc doanh làm ăn tồi quá, không phát triển lực lượng được bao nhiêu trong nhiều năm qua. Bế tắc chính là "*cái lô-gích của Đảng Cộng Sản Việt Nam dẫn đến nghịch lý như vậy*".

Anh Trí ghi nhận rằng trong 25 năm từ Đại hội 4 (1976) đến Đại hội 9 (2001), các cấp lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhiều lần khẳng định là với chính sách "công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa" - mà họ cho là ưu việt hơn công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa - Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp hiện đại, nhưng "*thực tế hoàn toàn phủ định tham vọng này*". Năm 1976, Lê Duẩn tuyên 


ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC ?


Đặng Ung Hà

Lời tòa soạn : Mục "Vì đất nước hôm nay và ngày mai" đã góp mặt trên Thông Luận từ những số đầu tiên đến nay. Trước nay mục này do những cây bút thường xuyên của Thông Luận phụ trách. Nay đã đến lúc chúng tôi có thể trông cậy vào bạn đọc khắp nơi để cùng đóng góp ý kiến vào những vấn đề đất nước. Ban biên tập mời gọi bạn đọc tham gia bàn bạc về những vấn đề mà xã hội đang quan tâm và đang nói đến. Tất cả đều vì hôm nay và tương lai của đất nước. Đề tài hôm nay xoay quanh một số những suy nghĩ của một số các vị quan tâm đến vấn đề giáo dục trong nước hiện nay, xem như một khởi điểm thảo luận. Chúng tôi sẽ lần lượt bàn bạc cùng bạn đọc những vấn đề văn hóa giáo dục khác trong những số tới.

Vấn đề nổi của giáo dục Việt Nam hiện nay là chuyện chất lượng giáo dục. Từ các cơ quan truyền thông đại chúng cho đến báo chuyên ngành giáo dục, từ ngoài xã hội cho đến quốc hội, mọi người mọi giới đều bàn bạc về vấn đề giáo dục. Quả là thế. Bàn bạc và quan tâm đến vấn đề giáo dục là nghĩ đến việc đầu tư chắc chắn và lâu dài cho tương lai đất nước. Trong hai ngày cuối tháng 3-2004, lại có cuộc hội thảo quy tụ cả nghìn người tham dự để bàn về việc "Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam : cơ hội và thách thức" do Bộ Giáo Dục-Đào Tạo tổ chức tại Hà Nội. Khung cảnh thật rộn rã. Trong không khí rộn ràng như thế, thật là không yên tâm khi nghe nhận định của những người dự hội nghị, là "chất lượng, hiệu quả đào tạo của giáo dục đại học Việt Nam đều thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực"... Khi đưa tin về cuộc hội thảo nói trên, báo Tuổi Trẻ không quên ghi nhận cảm tưởng chung của những người tham dự : "Những nhận định như vậy được đề cập trong hầu hết các tham luận, ý kiến, phúc họa về một thực trạng không mấy lạc quan của giáo dục đại học Việt Nam...".

Giáo dục của một quốc gia không phải chỉ có giáo dục đại học, mà còn nhiều bộ phận khác nữa, mà giáo dục phổ thông là phần chiếm nhiều vốn đầu tư của quốc dân vào đó. Bỏ qua những khó khăn phải có trong một cuộc thay đổi lớn từ thời kì bao cấp sang thời kì mở cửa vào hội nhập với thế giới, chỉ nhìn trên những nét định hướng lớn thôi cũng đã thấy giáo dục phổ thông của nước ta có nhiều vấn đề. Trong gần hai mươi năm trở lại đây đã có nhiều đợt thay đổi mà giới chuyên môn gọi là "cải cách giáo dục". Qua một số đợt cải cách rồi lại cải cách suốt từ năm 1985 đến nay, công chúng rút ra được một bài học thấm thía là: chuyện cải cách giáo dục chỉ là những giải pháp tình thế nối tiếp nhau chứ không hẳn là một viễn kiến bất rã từ mối quan tâm đến tương lai thế hệ trẻ Việt Nam. Mấy thế hệ học sinh đã thay nhau làm vật thí nghiệm cho những sáng kiến bốc đồng của một số người ưa lập dị kiểu như chương trình thể nghiệm giáo dục mệnh danh là "công nghệ giáo dục".

Trong bối cảnh của xã hội lao vào cuộc chạy nước rút vào nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ 

 bố Việt Nam "đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa để đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa... trong vòng 20 năm", nghĩa là năm 1996. Nhưng năm 1996, Đại hội 8 lại khẳng định là chỉ trong vòng 20 năm nữa, nghĩa là năm 2015, Việt Nam mới trở thành một nước công nghiệp hiện đại hóa. Đại hội 9, năm 2001, lại khẳng định là mục tiêu đó sẽ đạt được vào năm 2020... Các mô hình mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã áp dụng từ 1976 đến nay đều thất bại, đẩy công nghiệp Việt Nam "vào bước suy thoái chưa từng có", và "đang dẫn đến bế tắc". Máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp nhà nước của ta "lạc hậu so với thế giới và khu vực từ 10 đến 20 năm, thậm chí 30 năm..., trình độ cơ khí hóa, tự động hóa dưới 10%, mức độ hao mòn hữu hình từ 30 đến 50%". Trên đây là những nhận xét mà anh Trí trích của chính những chuyên gia của chế độ.

Theo một chuyên gia của Đại học trứ danh Harvard, giáo sư David Dapice, thì nếu tăng trưởng của Việt Nam trong tương lai chỉ là 6%/năm thôi thì GDP/đầu người của Việt Nam trong 20 năm nữa (2022) cũng chưa đạt được một nửa GDP/đầu người của Thái Lan năm 1999. Và nếu mức tăng trưởng của Việt Nam là 10%/năm thì chỉ đến năm

2019 GDP/đầu người của Việt Nam mới vượt GDP/đầu người của Thái Lan vào năm 1999 !

Điều đáng chú ý, anh Trí nhấn mạnh, là "kinh tế Việt Nam hiện nay là một nền kinh tế hỗn hợp tích lũy các khía cạnh tiêu cực nhất, vừa của chủ nghĩa xã hội hoang tàn, vừa của tư bản hoang dại, theo kiểu Trung Quốc". Cơ bản, kinh tế Việt Nam vẫn là một kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong khi Việt Nam là một nước lạc hậu. Quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và sự lạc hậu là một "quan hệ nhân quả". Nguyên nhân trực tiếp của sự lạc hậu của Việt Nam là chủ nghĩa xã hội.
(Còn tiếp một kỳ)


Tôn Thất Thiện
(Ottawa, tháng 3-2004)

Chú thích :

(1) Đồng Á, 2147 Commercial Drive, Vancouver, B. C., V5N 4B3, Canada. Tel : 604-251. 2222, Fax : 604-251. 2279.

(2) Vì thiếu chỗ, không thể kê hết mười điều kiện đó được. Trong bài này chỉ có thể nói đến ba điều kiện quan trọng và đặc biệt nhất cho các tác phẩm nói về Việt Nam.

(3) Trong bài này, trừ một số ít sẽ được báo riêng, tất cả các gạch đậm và nhấn mạnh là của anh Võ Nhân Trí.

 nghĩa, giáo dục phổ thông xuất hiện những hiện tượng quá ư mà giáo dục nước ta chưa từng thấy: giáo dục là một cái chợ học để đi thi, kiểm bằng cấp làm cần câu cơm. Cấp lớn cấp nhỏ đều có lớp luyện thi. Thi cử trong năm, thi cử cuối cấp học, thi tuyển sinh... được xem là một mục tiêu của cải cách giáo dục.

Thi cử như hiện nay là tàn dư của chế độ giáo dục lạc hậu, là phương tiện để "hốt bạc" nuôi thân. Thi cử không được quan niệm như việc kiểm tra đánh giá những thành quả của học viên trong một giai đoạn học tập. Hiện nay thi thi cử được xem như là hình thức thưởng cho những học viên chăm chỉ thuộc bài và trừng phạt những học viên lười. Dường như những người làm việc trong ngành giáo dục ở xứ mình không ai được chỉ dạy cho biết là thi cử là những dữ liệu quý giá để xã hội đánh giá chất lượng giáo dục - nghĩa là đánh giá chất lượng chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy ; ngoài ra thi cử còn là để giúp nhà giáo dục đánh giá khả năng học tập của học viên và dự đoán định hướng và thành quả học tập của học viên trong tương lai. Nói cách khác, thi cử là để phục vụ giảng dạy và học tập chứ không phải ngược lại như hiện nay.

Một mục tiêu khác của cải cách giáo dục là sự phát triển võ da của cái chợ sách giáo khoa cải cách giáo dục. Cứ đến mùa tựu trường là lại một cơn sốt sách giáo khoa. Hóa ra nghề giáo dục cũng giỏi tiếp thị, cũng giỏi kinh tế quá chứ !

Chỉ tiếc là có một mục tiêu cơ bản và rất quan trọng là sự phát triển cá nhân mỗi con em chúng ta thì chưa đạt lắm. Về mặt giáo dục, chúng ta có quá nhiều thợ dạy học nhưng chưa có nhiều nhà giáo dục. Giáo dục mà không được quan niệm đúng đắn thì chỉ làm hư hại thế hệ tương lai mà thôi.

Một nhà giáo dục trong nước cho rằng : *"Đừng nên trách trẻ con hôm nay gian dối lưu manh. Chính người lớn đã dạy chúng như thế. Đừng trách trẻ mà nên trách người lớn. Bắt trẻ học như con vẹt, làm bài mẫu đúng theo sách giáo khoa, là một cách tập cho trẻ tính giả dối và tính gian lận"* (Dương Thiệu Tống, trả lời phỏng vấn của báo *Lao Động*).

Thí dụ trên chỉ là một điểm nhỏ trong một bức tranh toàn cảnh về giáo dục đang rất có vấn đề. Cũng theo nhà giáo dục vừa kể trên, hiện nay, nền giáo dục quốc dân đang thiếu một định hướng đúng đắn. Ông cho rằng :

"Một cuộc cách mạng xã hội có thể phá đổ chế độ xã hội ngay lập tức, nhưng không thể phá bỏ một chế độ giáo dục, vì giáo dục gắn bó với văn hóa và truyền thống, không thể nhất đán phá bỏ ngay được."

Việt Nam thiếu một chiến lược giáo dục. Không thể cứ nhìn ở tầm mức chiến thuật mà sửa sang, đến khi biết sai thì lại diễn cái khác vào. Cho đến nay, vẫn chưa có một nền giáo dục Việt Nam được xây dựng trên cơ sở triết lý giáo dục của riêng mình. Xây dựng một nền giáo dục cũng như xây một ngôi nhà, chúng ta cần kiến trúc sư, kỹ sư và những người thợ xây. Thế nhưng, chúng ta thiếu kiến trúc sư. Ở ta, người có quyền chưa hẳn là người kiến trúc sư giỏi ; ngược lại kiến trúc sư giỏi mà không có quyền thế thì nói cũng chẳng ai nghe !

Giáo dục của ta hiện nay ví như căn nhà không có móng. Chúng ta bận bịu với những hướng giải quyết vấn đề trước mắt, nhưng giáo dục là nhìn về tương lai. Những giải pháp tình thế có khi sẽ là những trở lực cho sự đổi mới trong tương lai" (Dương Thiệu Tống, bài báo dẫn trên).

Ghi lại những ý kiến trên đây của một nhà giáo dành trọn đời cho sự nghiệp giáo dục, chúng tôi không hề có ý bôi đen bức tranh giáo dục của nước ta, mà chỉ muốn qua đó để hiểu rõ thêm những ý kiến phát biểu dưới đây mà chúng tôi tìm thấy trên một trạm thông tin liên mạng. Trường hợp dưới đây ghi thêm một dấu chấm than vào bức tranh giáo dục có một không hai trên thế giới ở đầu thế kỷ XXI này :

"Bản tin từ vnn.vn cho biết, theo quyết định mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo kí ngày 23-2-2004, sinh viên hệ chính quy các trường Cao đẳng-Đại học toàn quốc bắt buộc phải thi tốt nghiệp ba môn thuộc các phần : khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức chuyên môn. Các môn học của bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hiện đang được giảng dạy tại tất cả các trường Đại học, Cao đẳng gồm : triết học Mác-Lênin, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh. Quyết định này áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2002 và sẽ có hiệu lực từ ngày 09-3-2004, tức sau 15 ngày kể từ ngày công bố".

"...Trong bối cảnh của một nền kinh tế thị trường hóa và hội nhập với kinh tế toàn cầu, trong bối cảnh một xã hội đang gấp rút xây dựng một xã hội văn minh và dân chủ, cần đặt câu hỏi một cách nghiêm túc : giáo dục Đại học đào tạo ra những con người như thế nào để thỏa mãn yêu cầu của xã hội và góp phần đẩy mạnh sự vận động đi lên của xã hội ? Những môn học phổ cập bắt buộc với tất cả mọi sinh viên Việt nam phải là những môn như thế nào để thỏa mãn những yêu cầu đó của xã hội ?

Chúng tôi xin trả lời rằng xã hội Việt Nam, đất nước Việt Nam cần ở những sinh viên tốt nghiệp đại học, ngoài kiến thức chuyên môn của mình, đúng những điều mà các trường đại học ở nước ngoài yêu cầu ở sinh viên của họ. Đó là kiến thức công dân về nhà nước, về quốc gia, về lịch sử. Đó là những kiến thức cơ sở trong việc tiếp nhận và làm quen với kho tàng trí thức nghệ thuật, âm nhạc, của cha ông và của thế giới. Đó là có kiến thức về giao tiếp, trình bày và kỹ năng viết cơ bản. Những điều này càng quan trọng bởi thực trạng đào tạo phổ thông khiến cho việc tiếp cận những kiến thức này ở phổ thông bị hồng huyệt.

Những môn học mà Bộ Giáo dục muốn bắt buộc sinh viên Việt Nam học có thỏa mãn những yêu cầu bức xúc và thiết thực của xã hội không ? Không. Và đây là những lý do cơ bản nhất :

- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : Nội dung chủ yếu của môn học này là liệt kê các quyết định của các kỳ đại hội Đảng, kể từ khi thành lập. Việc đưa lịch sử đảng cộng sản, chứ không phải lịch sử quốc gia và dân tộc thành một môn học bắt buộc là một việc không những đi ngược lại với yêu cầu của xã hội mà còn phản lịch sử, phản dân tộc, và phản

tiến bộ.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh : tôi không đủ thẩm quyền để nhận xét nội dung môn học này, nhưng đủ tự tin để phản đối tính chất nền tảng và ích lợi của nó cho mỗi công dân có học của xã hội Việt Nam so với các yêu cầu tối thiểu về hệ thống pháp luật, tổ chức nhà nước và tư tưởng của Hiến pháp.

- Triết học Mác-Lê : một chủ thuyết triết học, dù có tiến bộ trong những thời điểm nhất định của lịch sử phát triển loài người, chỉ là một trong hàng trăm ngọn đuốc soi con đường đi của nhân loại. Tuyệt đối hóa một chủ thuyết đã được xây dựng cách đây hàng trăm năm, bỏ qua tất cả quá khứ và sự phát triển tiếp theo của nhân loại là một điều điên rồ. Con đường đi của nhân loại có hàng trăm những ngọn đuốc khác mà chỉ bằng cách đặt chúng bên nhau trong sự bổ sung và phản biện lẫn nhau, con người mới tiếp cận đến chân lí. Sùng bái duy nhất một chủ thuyết độc tôn, và nhồi nhét điều đó vào tuổi trẻ là một hành động ngu dân phản tiến bộ mà hậu thế sẽ phải trả giá và lịch sử sẽ phán xét. Huống chi, ở chính những nơi khởi xướng ra những học thuyết ấy, con người và đất nước họ đã vượt qua nó từ lâu, đã biết học lấy những sai lầm, những bài học quý giá từ đó bằng cách đặt nó bên cạnh kho tàng trí thức rộng lớn của nhân loại.

- Kinh tế chính trị Mác-Lê : dựa trên những quan điểm phân tích kinh tế của Mác trong thời kì xây dựng tư bản. Nó không những đã lạc hậu rất nhiều so với bản thân nền kinh tế thế giới mà còn bất cập và đã được vượt qua từ lâu bởi nền kinh tế Việt Nam.

- Chủ nghĩa cộng sản khoa học : một khái niệm chưa bao giờ được diễn giải rõ ràng. Một viễn cảnh dựa trên các quan điểm kinh tế và triết học đã không còn ích lợi gì trong việc giải thích và xây dựng xã hội Việt Nam. Nó cũng không ăn nhập gì với tất cả những phương châm vận động của xã hội, thậm chí cả của chính đảng đang lãnh đạo đất nước. Không ai có thể nhìn vào thực trạng của xã hội Việt Nam mà xác định được rằng Việt Nam đang tiến đến chủ nghĩa cộng sản.

Nội dung của những môn học trên đây liệu có còn một tí ti ứng dụng thực tiễn trong đời sống xã hội Việt Nam hay không, có thể còn cần đến tranh luận công khai, có thể còn tốn giấy bút và trí óc hơn những luận lí trong bài viết này nhiều. Nhưng chính điều đó lại càng làm cho việc đưa những môn học này thành những môn học bắt buộc toàn quốc :

- là phản tiến bộ về phương diện giáo dục,
- là đi ngược lại các mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo theo những chuẩn mực quốc tế,
- là lãng phí thời gian và tiền bạc của quốc gia,
- là tước bỏ quyền được học những môn học thiết thực, bổ ích khác của sinh viên phục vụ cho yêu cầu xây dựng xã hội và đất nước.

Việc Bộ giáo dục ra quyết định học bắt buộc với những môn học trên, trong bối cảnh không có bất kì một môn học khác để tham chiếu và so sánh là cố tình quay lưng lại với thực tế xã hội, với các yêu cầu của đất nước" (Quốc Việt, "Về Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 23-2-

Thơ

Tình chân nông



(Thân tặng gia đình các chiến sĩ dân chủ đang bị ngục tù vì đấu tranh cho lẽ phải)

Nếu một mai ta cần có nhau
Em yêu ơi hãy tin lời anh :
Ta phải đi đến tận cuối đường
Để dân tộc mình sống dưới trời xanh !

Vậy anh hơi cứ bền chí, kiên gan,
Vì bên anh biết bao quả tim vàng
Của đồng bào cùng bạn bè khắp chốn
Mãi mãi theo anh không hề nao núng !

Sao dân tộc ta vẫn còn nghèo khổn ?
Sao bạo quyền dốt nát còn ngạo nghễ ?
Rất thương các anh trong vòng xiềng xích
Hiên ngang cất cao tiếng hát tương lai !

Tình mình mặt trời Cam soi,
Tình mình lẽ phải loài người đã đi.
Hãy đợi em người bạn quý,
Dân mình rầm rập theo chân chiến sĩ !
Ai ngăn được dòng lệ rơi ?
Dừng chân đây bằng Khuàng bên đường
Em nhớ người qua từng sợi cỏ đọng sương !
Biển ơi có đủ xanh tươi ?
Để hiểu lòng ta, yêu tổ quốc và tình chàng mãi mãi !
Một ngày không xạ dân mình đứng đây,
Em lại được ôm người trong vòng tay
Trên quê hương không còn một cách ngăn !

Nguyễn Long Vân (Tokyo)

2004", <http://www.talawas.org> ngày 02-03-2004).

Chúng tôi xin mượn lời tác giả để mời gọi bạn đọc hưởng ứng lời kêu gọi của ông : "Xin hãy lên tiếng".

Hiện tượng giáo dục như trên chỉ là một trong rất nhiều những "chính sách", những "quyết định" của thành phần thứ lại mới trong ngành giáo dục ở mọi cấp. Những loại quyết định như vừa nêu lên ở trên kia ra đời không phải do hiểu biết về khoa học giáo dục. Những quan chức thứ lại như thế không hiểu rằng họ đang lãng phí quá sức tương tượng tiến vốn đầu tư tương lai của xã hội ngày hôm nay. Nếu nhìn giáo dục như là một cuộc đầu tư vốn vào tương lai thì dường như cuộc đầu tư này có quá nhiều bất trắc.

Để cho ngành giáo dục có được những người quản lí giỏi và đúng, cần có những định hướng đúng của những người hiểu biết về khoa học giáo dục, từ các bộ môn triết lí giáo dục cho đến thiết kế chương trình và nhất là quản lí giáo dục.

Đặng Ứng Hà (London)

Thực trạng và tương lai của Trung Quốc

Nguyễn Minh

Xã hội Trung Quốc trên đà phát triển ?

Ngày 20-1-2004 Cục Thống Kê Quốc Gia Trung Quốc cho biết tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc năm 2003 là 9,1%. Đây là một tỷ lệ kỷ lục cao nhất từ 1997 (8,8%) đến nay. Cụ thể như sau : quý 1 tăng 9,9% ; quý 2 giảm xuống còn 6,7% (vì bị ảnh hưởng bởi dịch cúm SARS) ; quý 3 tăng lên 9,6% ; quý 4 là 9,9%. Với thành tích này, lợi tức đầu người/năm của Trung Quốc lần đầu tiên vượt trên con số tâm lý 1.000 USD. Con số đứng nhất là 1.090 USD/đầu người/năm.

Nguyên do của sự bội phát này là bối cảnh sinh hoạt nhộn nhịp của xã hội Trung Quốc chuẩn bị tổ chức Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 và Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010. Tại khắp nơi, trong hai thành phố lớn này, người ta thấy những tòa nhà chọc trời khổng lồ, các cao ốc thương nghiệp dùng làm văn phòng cho mọc lên như nấm. Nửa khuya người ta còn thấy những đốm lửa xanh hàn xì cắt sắt từ các công sự nhà cao tầng không ngừng bay trong không khí, như pháo bông trắng xanh trên bầu trời Bắc Kinh và Thượng Hải. Có thể so sánh sự tưng bừng này với không khí náo nhiệt tương tự của Nhật Bản trong thập niên 1960 khi chuẩn bị tổ chức Thế Vận Hội Tokyo (1964) và Expo Osaka (1970).

Cùng đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế vừa nói là những dự án xây cất đồ sộ đang được tiến hành nhằm đưa Trung Quốc lên hàng các quốc gia phát triển : đường xe lửa cao tốc Bắc Kinh-Thượng Hải dự định khai trương vào năm 2008, tương tự như đường Shikansen (Đông Hải Đạo) của Nhật năm 1964 ; đập Tam Hiệp lớn nhất thế giới cũng dự định hoàn thành vào năm 2009 ; hệ thống ống dẫn khí đốt ("Tây khí Đông du") dài hàng ngàn dặm từ thung lũng Talin (Tân Cương) đến các đô thị công nghiệp bên bờ Đông Hải. Tất cả những công trình tầm vóc này đều mô phỏng theo các kế hoạch xây dựng hạ tầng cơ sở đại qui mô của thủ tướng Ikeda (thập niên 1960) và chương trình "cải tạo quần đảo Nhật" của thủ tướng Tanaka (thập niên 1970).

Mục tiêu lâu dài của Bắc Kinh là tiếp tục giữ tỷ lệ phát triển mỗi năm trên 7% từ 10 đến 20 năm. Như vậy từ năm 2000 đến năm 2010 tổng sản lượng quốc nội (GDP) phải tăng lên vượt bậc. Để biến ước mơ thành sự thật, Bắc Kinh dự trù năm 2020, tức 20 năm tới, GDP sẽ tăng gấp 4 lần so với năm 2000. Cụ thể hơn, Viện Khoa Học Xã Hội Trung Quốc ước tính đến năm 2010, GDP của Trung Quốc sẽ là 1.920 tỷ USD. Nếu so với Nhật hiện nay (GDP năm 2003 khoảng 4.000 tỷ USD), con số này quá thấp nhưng Bắc Kinh hy vọng đến năm 2010 mĩ lực của người Trung Quốc sẽ vượt qua Nhật, và cứ theo đà này GDP năm 2025 của Trung Quốc sẽ vượt xa Mỹ !

Sau năm 2010 ?

Trước những dự đoán lạc quan xa rời thực tế vừa nói, hầu hết các chuyên gia nước ngoài am hiểu tình hình Trung Quốc cho biết sau khi tổ chức Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 và Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010 xong, quả bóng kinh tế của Trung Quốc, được bơm hơi quá sức chịu đựng, có thể sẽ bị nổ bùng hoặc xì hơi rất nhanh. Lý do :

- Giá thuê và bán các văn phòng trong các cao ốc, được xây cất tràn lan vượt quá nhu cầu thực tiễn, sẽ bị xuống giá thê thảm và gây ra một cuộc khủng hoảng tài chánh vì các công ty xây dựng địa ốc không còn đủ khả năng trả nợ ngân hàng quốc tế và quốc nội.

- Ngay trước khi thế vận hội bắt đầu, do sức ép của Mỹ-Nhật, đồng Nguyên (Nhân Dân Tệ) của Trung Quốc buộc phải lên giá hoặc bị thả nổi, thu nhập của dân chúng sẽ bị sút giảm vì giá cả hàng hóa gia tăng. Hậu quả của tình trạng này là nạn ứ đọng hàng hóa không bán được, nhiều công ty xí nghiệp sẽ bị phá sản, những cuộc sa thải nhân công hàng loạt sẽ tạo ra nhiều biến động xã hội khó lường.

- Thêm vào đó là giá nhiên liệu (dầu hỏa và hơi đốt) mà Trung Quốc nhập khẩu ồ ạt hàng năm để thỏa mãn nhu cầu xây dựng trong nước gia tăng, ảnh hưởng đáng kể trên cước phí chuyên chở và giá thành. Trung Quốc sẽ gặp khó khăn trong việc xuất khẩu hàng hóa vì giá cả đắt hơn lúc trước, nhất là cước phí chuyên chở.

Thực ra mâu thuẫn xã hội khó giải quyết và đáng sợ nhất của Trung Quốc là "khoảng cách biệt" :

- Bảng tương trình "Trung Quốc năm 2020" của Ngân Hàng Thế Giới, do Đại Học Havard (Mỹ) thực hiện, cho biết khoảng cách biệt giữa các khu vực, đặc biệt là giữa nông thôn và thành thị, giữa các tỉnh nằm sâu trong lục địa và các tỉnh phía Đông dọc bờ biển Thái Bình Dương, ngày càng khó san bằng. Đây là vấn đề mà giới lãnh đạo Trung Quốc lo sợ nhất. Số "lưu dân" (những người nông dân từ thôn quê ra thành thị tìm việc làm, không có nơi cư trú cố định phải sống lang thang, hoặc di chuyển liên tục từ địa phương này sang địa phương khác làm việc) ngày càng đông, sẵn sàng làm bất cứ việc gì và với bất cứ giá nào. Hiện nay tổng số lưu dân tìm việc dọc vùng ven biển phía Đông của Trung Quốc đã trên 120 triệu người.

- Một khoảng cách biệt quan trọng khác là hố sâu chia cách người giàu kẻ nghèo trong các đô thị ngày càng sâu rộng. Mâu thuẫn xã hội khó hàn gắn nhất là một số ít người được hưởng đặc quyền, đặc lợi đã khéo lợi dụng luật pháp và chế độ sống phè phỡn và phô trương sự giàu có một cách đầy thách đố, trước một đám đông ô hợp chỉ ước mơ tìm được một việc làm hay có một bữa cơm trong ngày. Đây là nỗi thuốc súng lớn có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, và khi bùng nổ sẽ làm tan vỡ luôn sự thống nhất của Trung Quốc. Trong tổng số 900 triệu nông dân, 30 triệu người sống dưới

mức nghèo khó (chưa tới 2 USD/ngày) ; trong thực tế con số này là 90 triệu vì thống kê chỉ dựa vào các bảng kê khai của các ủy ban nhân dân địa phương chứ không tính những người không có công ăn việc làm hiện đang sống rất cực khổ. Số người nghèo khó ngày càng tăng, do không tìm được công ăn việc làm sự bất mãn của họ sẽ rất khó lường.

Nghịch lý của xã hội Trung Quốc là tỷ lệ phát triển kinh tế càng cao, số người thất nghiệp càng tăng ! Cuối năm 2002, Bắc Kinh cho biết số người thất nghiệp thành thị là 7,7 triệu người, tương đương với 4,4% dân số hoạt động. Trong thực tế số thất nghiệp thật sự là 14 triệu (7,2%), vì số người bị cho tạm nghỉ việc (6,3 triệu người, khoảng 2,8% dân số hoạt động) không được kể vào. Theo Ủy ban thanh tra tài sản quốc hữu của chính phủ, năm 2008 sẽ có 5,1 triệu người thất nghiệp vì 2.500 xí nghiệp quốc doanh bị bắt buộc khai phá sản. Đó là chưa kể vào năm 2015 Trung Quốc sẽ có khoảng 200 triệu người già trên 60 tuổi, 4% dân số.

Cũng nên biết hiện nay tiền trợ cấp hưu bổng thường được phát trễ vì thiếu ngân sách. Đây là một vấn nạn lớn của xã hội Trung Quốc hiện nay vì, do chính sách một con, số người đến độ tuổi lao động không tăng kịp với số người đến tuổi về hưu để có thể trích tiền lương trả cho người già.

Thái độ cần phải có

Với những dẫn chứng trên, quốc gia khổng lồ Trung Quốc đang sống một giai đoạn đầy thử thách. Nếu vượt qua, Trung Quốc sẽ vinh hạnh bước vào quỹ đạo nhỏ hẹp dành cho một thiểu số quốc gia giàu có và phát triển nhất thế giới. Không vượt qua nổi, đó sẽ là một thảm họa không riêng gì cho Trung Quốc mà toàn thế giới. Không ai tiên liệu được những hậu quả của đội quân thất nghiệp khổng lồ và ô hợp bất mãn gây ra. Số "lưu dân" không tìm được việc làm trong nước sẽ bằng mọi cách tìm đường di cư sang những quốc gia lân cận hoặc giàu có khác để lập nghiệp. Sự hiện diện của những di dân bất hợp pháp này sẽ gây ra nhiều căng thẳng chính trị và xã hội trong các quốc gia bị đội quân thất nghiệp này xâm nhập. "Họa da vàng" có thể xuất phát từ đây.

Bắc Kinh phải rất khiêm nhường và thận trọng trong việc giao tiếp với thế giới bên ngoài, nhất là với những quốc gia muốn giúp Trung Quốc phát triển và ổn định. Những thành tựu ngoạn mục về kinh tế ngày hôm nay sở dĩ có được là nhờ rất nhiều vào sự giúp đỡ từ bên ngoài, đúng hơn nhờ rất nhiều vào đầu tư của nước ngoài, đặc biệt là Đài Loan và Nhật Bản. Vì sau hơn 50 năm đặt dưới sự cai trị của chế độ cộng sản, lãnh thổ mệnh mông của Trung Quốc chỉ bị tiêu hao và Trung Quốc cũng chưa cống hiến cho nhân loại một phát minh có ích nào cho nhân quần.

Tổng số tiền viện trợ cho không (ODA) của chính phủ Nhật từ 1979 đến 2003 cho Trung Quốc đã đến 3.000 tỷ Yen, khoảng 30 tỷ USD. Đây là chưa kể đến những số tiền đầu tư khổng lồ khác của tư nhân Nhật Bản, con số thực tế cao hơn gấp trăm lần. Với những ODA, Nhật Bản đã giúp Trung Quốc xây dựng được nhiều cơ sở hạ tầng to lớn từ nhà máy chế thép Bảo Sơn đến hệ thống đường xe điện

Linear motorcar. Có thể nói không có cục diện phát triển kinh tế quan trọng nào của Trung Quốc trong hơn 20 năm qua mà không có viện trợ của Nhật. Nhưng từ hai năm qua, Nhật Bản bắt đầu thất vọng về hiệu quả của những viện trợ này.

Theo tài liệu nghiên cứu của David Anasel, giáo sư đại học Pamora (Mỹ) làm cho trung tâm W. Wilson International Center (2003), thì sáu mục tiêu của viện trợ ODA của Nhật Bản dành cho Trung Quốc là : phát triển kinh tế ; nâng đỡ phe cải cách trong cơ cấu quyền lực trung ương ; hỗ trợ sự trao đổi giữa Nhật Bản với Trung Quốc ; chấm dứt những phê phán về hành động xấu của Nhật trước và trong thế chiến II ; giới hạn hoạt động quân sự của Trung Quốc, Bắc Triều Tiên ; tạo quan hệ hợp tác tin tưởng nhau, có thiện ý với nhau.

Hiện nay chỉ có ba mục tiêu đầu tạm thời có kết quả. Ba mục tiêu sau kết quả đã ngược lại. Trung Quốc đã không những tăng cường thêm thế lực quân sự mà còn phản đối Nhật Bản được nhận là thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Chính vì thế từ sau năm 2001, Nhật đã giảm hẳn các viện trợ ODA dành cho Trung Quốc.

Việt Nam và viện trợ ODA của Nhật

Người hưởng lợi trong sự thay đổi thái độ này của Nhật là Việt Nam. Từ sau năm 2001, Việt Nam là quốc gia nhận viện trợ ODA lớn nhất từ chính phủ Nhật để thực hiện những công trình kiến trúc hạ tầng lớn như xây dựng phi trường mới cho thành phố Hà Nội, hệ thống bốc hàng mới ở cảng Đà Nẵng, khu chế xuất dầu Dung Quất, mở rộng hải cảng và phi trường quốc tế Cam Ranh, v.v.

Thật ra chương trình viện trợ ODA của Nhật đã bắt đầu từ 1998, khi giúp xây dựng nhà máy phát nhiệt điện Phù Mỹ, trung tâm vệ sinh công cộng tỉnh Nghệ An, trang bị nhà máy Platenarium cho thành phố Vinh, lập hồ sơ tân trang cảng Đà Nẵng, bảo tồn di tích ở Hội An, nghiên cứu tuyến giao thông tối ưu cho khu chế xuất Dung Quất, v.v.

Năm 2003, Việt Nam được chính phủ Nhật viện trợ không hoàn lại khoảng 100 tỷ Yen (1 tỷ USD) để thực hiện 56 công trình trọng điểm trên qui mô cả nước và những kiến trúc hạ tầng ở cấp địa phương như đường sá, cầu cống, nhà máy phát nhiệt điện, bệnh viện, trường học, đài thiên văn... Đại sứ Nhật ở Việt Nam đã dành 30% thời giờ để đi tham quan, đôn đốc các công trình của viện trợ ODA.

Trong sáu mục tiêu đi kèm với viện trợ ODA của Nhật, hai mục tiêu "mở rộng dân chủ" và "giới hạn hành động quân sự của Bắc Triều Tiên" đã không được phía Việt Nam tôn trọng. Nhận thấy Việt Nam đang đi theo bánh xe Trung Quốc, chỉ lợi dụng sự rộng lượng của Nhật khi cần trong ngắn hạn, chính phủ Nhật đang xét lại chương trình viện trợ cho Việt Nam. Từ 2004, các chương trình viện trợ ODA của Nhật ưu tiên dành cho Iraq.

Việt Nam đang đánh mất một cơ may vượt khỏi sự nghèo khó chỉ vì sự thiếu cần của giới cầm quyền cộng sản, từ gần 60 năm qua chỉ biết chạy theo đuôi Trung Quốc.

Nguyễn Minh (Tokyo, tháng 3-2004)

QUAN... DÂN CHỦ !

Từ đầu năm nay, dân ta ở cả quốc nội và hải ngoại đến ù tai bởi những tuyên truyền của nhà nước về cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân từ cấp xã (*phường ở thị trấn lớn*), đến huyện (*quận*), rồi tỉnh (*thành phố*). Cuộc bầu cử vào ngày 25-4 sắp tới được phô trương như một bước tiến (*nhảy vọt kiểu Mao ?*) thể hiện nền "dân chủ từ cấp cơ sở".

Có thực vậy sao ?

Không đâu. Sự trình bày của nhà nước chỉ đúng với hiện thực khi được bỏ tước một chút xíu (*giấy trắng mực đen thay vì hiểu ngầm*): đó là nền "dân chủ xếp hàng" (*dài dài, thường lệ*) với đôi ba thể thức thêm thắt (*để ra điều "đổi mới"*) cho phù hợp với mục tiêu đương đại (*của đảng, tất nhiên, không phải của trào lưu dân chủ*). Danh sách đại biểu vẫn do Mặt Trận Tổ Quốc (*được đảng ủy nhiệm*) duyệt xét chung quyết. Và thẩm quyền của những cấp hội đồng nhân dân từ xã đến tỉnh (*cũng như cái "hội đồng nhân dân tối cao" là quốc hội*) vẫn hạn định trong giới hạn "gật" (*bản chất rubber stamp quen thuộc*).

Người tò mò sẽ tìm thấy hai tiêu chuẩn "quan trọng" (*theo nhãn quan và ý niệm của đảng*) và một dữ kiện "độc đáo" (*không nước nào nghĩ đến và đặt ra được*) đã duy trì và củng cố thêm trong đạo luật bầu cử quốc hội thông qua (*gật đồng loạt*) ngày 26-11-2003.

Một tiêu chuẩn là nhân số đại biểu qui định theo dân số (*gồm tất cả già trẻ lớn bé*) thay vì số cử tri (*trên 18 tuổi*). Căn bản là dưới một ngàn người - xã, thị trấn - sẽ có 15 đại biểu ; nếu trên một ngàn và dưới hai ngàn được bầu 19 đại biểu. Vậy là ở đơn vị nhỏ nhất thì cứ 66 người có một đại biểu (*đã nghi sẽ cho rằng bất chước định giá đồng euro so với đồng franc cũ = 1 EUR là 6,55957 FRF, nhưng thực tế dân chúng - và các chủ tiệm to nhỏ, dĩ nhiên - tính tròn 6,60 quan !*). Một ngàn người tiếp sau ở cùng xã thì phải 250 người mới có một đại biểu (*1000 : 4*). Số đại biểu phụ trội lại khác biệt : thêm một cho mỗi bốn ngàn người thặng dư ở cấp phường ; mười ngàn ở cấp huyện, quận, và thị xã (*năm ngàn ở miền núi hay đảo*) ; năm mươi ngàn ở tỉnh miền xuôi và thành phố (*ba mươi ngàn ở miền núi hay đảo*). Và giới hạn tổng số tối đa là 35 đại biểu ở cấp phường ; 40 ở cấp huyện và thị xã ; 85 ở cấp tỉnh và thành phố ; 95 ở thủ đô Hà Nội và thành phố trực thuộc trung ương có trên ba triệu dân (*để cho Sài Gòn dù đông gấp đôi hay gấp ba cũng chỉ có số đại biểu ngang với Hà Nội*). Theo tiêu chuẩn dân chủ kiểu xã hội chủ nghĩa, đơn vị ít người có tỉ lệ đại biểu cao nhất ; Sài Gòn phải hơn ba trăm ngàn đầu người mới có một đại biểu so với 66 đầu người ở đơn vị xã chỉ có một ngàn dân.

Căn bản dân chủ theo đầu người bất kể thành niên hay vị thành niên với tỉ lệ và tổng số phụ trội được tính rất chi li (*nhỏ mọn*) như trên, phải chăng là sự thể hiện nền xã hội chủ nghĩa "dân chủ một triệu lần hơn" nền dân chủ tư sản (*đồng nghĩa với phản động, ở Âu, Mỹ, Nhật, Úc*) với thước

đo của những "đỉnh cao trí tuệ" (*nước ngoài thường phải "bái phục"*) ?

Một thành tích khác là sự ghi nhận 169 người "tự ứng cử" (*trong tổng số suýt soát bảy ngàn ứng viên*). Ghi nhận không đồng nghĩa với đắc cử (*thực tế tỉ lệ may mắn ngang đương nhiệm - hay quá nhỏ trong trường hợp hội đồng nhân dân*) nên sự gia tăng người tự ứng cử không thể khen ngợi được như một thành quả dân chủ do trí tuệ đỉnh cao tạo nên (*tiếc quá, tiếc quá !*).

Điểm đặc thù (*đảm bảo chỉ Việt Nam mới có*) là ứng viên được tổ chức, đoàn thể giới thiệu hay tự ứng cử đều phải lần lượt vượt mấy cửa ải, chẳng khác bị qua mấy vòng đấu phiếu sơ bộ. Lần này, để được ghi vào danh sách ứng cử, họ đã phải trải qua ba kỳ tuyển lựa gọi là hội nghị hiệp thương (*điểm mặt phe anh phe tôi, thương lượng chia chác ở hậu trường*) giữa ứng viên với cấp bộ nhà nước (*gồm đại diện đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức và đoàn thể "chính trị - xã hội" - tay chân của đảng cả*), hội đồng nhân dân (*sắp mãn nhiệm*), và cử tri (!) ở đơn vị.

Sự gia tăng ứng viên tự ứng cử và được giới thiệu (*gấp bội số thành viên hội đồng nhân dân ấn định*) cho thấy chân đại biểu hội đồng nhân dân có sức hấp dẫn, đáp ứng nguyện vọng của một số phần tử muốn bước vào vòng quyền lực chính trị (*dù què quặt, hạn hẹp*). Chế độ thì có nhu cầu thỏa mãn đòi hỏi "bình thường" và "hợp lý" của những tay em (*trên căn bản "đạo đức xã hội chủ nghĩa" : ăn cho đều, chia cho sòng*), đánh đổi lấy sự trung thành và tuân phục (*ngoài mặt*) với điều kiện chính sách ban bố hay chỉ thị đưa xuống không làm suy giảm thế lực và quyền lợi họ đang nắm giữ (*một cách chính đáng hay không là vấn đề khác !*).

Ngày xưa, người Pháp thực dân nhìn thấu "trong lòng mỗi người An-nam có một ông quan" đã phỉnh gạt dư luận với cơ cấu dân chủ giả tạo và hình thức là hội đồng tỉnh (*con rối*), viện dân biểu (*bù nhìn*). Cũng ứng cử, vận động rồi bầu "bán" rùm beng (*thực sự bán phiếu, bán ghế hầu như công khai*), tạo ra một số "quan hội đồng", "quan nghị viên" cho Nam kỳ và Bắc kỳ (*Trung kỳ đã có lạm phát quan tước của Nam triều rồi*).

Nay đảng và chế độ "ta" nổi nghiệp phong kiến thực dân, đã tiếp tục truyền thống "cao đẹp" ấy và phát triển nhân số những vị "quan dân chủ" (*làm sống lại nhân vật lịch sử Bang Bạnh do tờ Phong Hóa sáng chế... dưới nhãn hiệu xã hội chủ nghĩa*). Ôi, vĩ đại thay !

Nghiêm Văn Thạch (Paris, 04-2004)

"Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước này là của chung mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người.

Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm và đều có thể làm ngay. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau khám phá ra sự mâu thuẫn của những giá trị rất đơn giản như tự do, dân chủ, hòa hợp dân tộc".

(*Thành Công Thế Kỷ 21*, Tóm lược, tr. 142)

Nhã nhạc cung đình Huế

Một di sản văn hóa âm nhạc ngàn năm

LTS : Không phải tình cờ Tổ Chức Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc (Unesco) nhìn nhận Nhã nhạc cung đình Huế là một trong 28 kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Đó là một cố gắng liên tục và vượt bậc của những người Việt Nam và một số nhà văn hóa Nhật Bản đã vinh danh một nghệ thuật cổ truyền của Việt Nam, tưởng đã bị chìm vào quên lãng, lên hàng tài sản văn hóa chung của nhân loại.

Nhã nhạc cung đình Huế là gì ?

Nhã nhạc cung đình Huế là một thể loại âm nhạc dân tộc cổ điển, bác học thật sự kế thừa một truyền thống ngàn năm, kể từ khi những dàn nhạc - trong đó có mặt nhiều nhạc khí cung đình - xuất hiện dưới dạng tác phẩm chạm nổi trên các bệ đá kê cột chùa thời Lý, thế kỷ 11-12, đến lúc ông vua cuối cùng triều Nguyễn thoái vị năm 1945.

Các chế độ chính trị cứ lần lượt nối tiếp nhau qua đi, văn hóa luôn luôn còn lại, vì đó là sáng tạo của con người, sức sống của dân tộc, niềm tự hào của nhân loại. Sau 30 năm từ ngày chế độ quân chủ cáo chung tới ngày được Unesco vinh danh là di sản văn hóa của loài người, Nhã nhạc cung đình Huế vẫn luôn tồn tại cho dù đã phải trải qua biết bao thăng trầm. Đó là nhờ công lao của một bà mẹ vua đã âm thầm gìn giữ cho nó sống ; đó cũng nhờ sự kiên trì của một số nghệ nhân, nhạc sĩ, nhà nhạc học trong và ngoài nước - được sự yểm trợ của những nhà văn hóa và cơ quan văn hóa nước ngoài "biết người biết cửa" - giữ cho nó sống. Đó là một may mắn cho dân tộc Việt Nam nói riêng và cho cả nhân loại nói chung, bởi vì nhiều giá trị lịch sử và nghệ thuật của một nền văn hóa có nguy cơ thất truyền đã được phục hồi.

Có lẽ không có một loại âm nhạc Việt Nam nào được ghi vào sách sử Hán Nôm, sách báo tiếng Việt, Pháp, Anh, Đức, Ý... rồi sản phẩm nghe nhìn hiện đại, nhiều và lâu dài như Âm nhạc cung đình Việt và Nhã nhạc cung đình Huế, từ An Nam chí lược đời Trần, Đại Việt sử ký toàn thư đời Lê, Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ đời Nguyễn, đến đĩa vinyl 33 vòng "Âm nhạc Việt Nam truyền thống Huế" năm 1969, đĩa CD-Rom "Nhạc khí dân tộc Việt" năm 2001, những sách vở, bài viết gần đây của Trần Văn Khê, Trần Kiều Lại Thủy, Nguyễn Đắc Xuân...

Sau khi Nhã nhạc cung đình Huế được vinh danh, cánh cửa hy vọng đi vào lâu đài di sản văn hóa nhân loại từ nay rộng mở. Theo tin từ Bộ Văn Hóa và Hội Văn Nghệ dân gian Việt Nam, mười loại hình văn hóa âm nhạc độc đáo khác của Việt Nam cũng đang được lập hồ sơ để chuyển

tới Unesco xét duyệt với hy vọng được công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại. Đó là các điệu Hát ả đào (ca trù), Hát quan họ, Hát xoan hát ghẹo, Hát chèo tàu, Hát dô, Hát văn, Sứ thi Tây Nguyên, Hát Sli hà lù hà lô Tây-Nùng và 32 điệu Múa Thái cùng với Áo dài Việt Nam.

Một sự thật không thể chối cãi là Nhã nhạc cung đình

Huế có một giá trị nghệ thuật cao. Giáo sư Trần Văn Khê giải thích :

"Nhạc khí dùng trong nhạc cung đình rất đẹp trong hình thức, đóng ráp kỹ, chạm trở khéo, đầy đủ màu âm, có tiếng kim, tiếng thổ, tiếng tơ, tiếng trúc, tiếng đồng, tiếng đá, tiếng da, tiếng mộc.

Dàn nhạc đa dạng : Đại nhạc gồm đại hồng chung, trống đại, trống võ, bồng, mõ, thanh la, chập chõa, sinh

tiền, kèn, nhị ; Tiểu nhạc (hay Nhã nhạc) có đàn dây tơ : đàn nguyệt (2 dây), đàn tam (3 dây), tỳ bà (4 dây), đàn nhị (2 dây có cung kéo) ; có 2 sáo trúc, trống bồng một mặt, 3 thanh la nhỏ, sinh tiền.

Việc thành lập những dàn nhạc không quan tâm đến số lượng mà đặt trọng tâm vào chất lượng và sự phối hợp màu âm : trong nhã nhạc, khi các nhạc công hòa tấu ta vẫn nghe rõ tiếng của từng cây đàn : tiếng chũng chạc, trang nghiêm của đàn nguyệt, tiếng chuyên tiếng phi bay bướm của tỳ bà, tiếng trong vắt, vuốt ve nên lời dịu ngọt của đàn nhị, tiếng đục khi về khi khảy của đàn tam, tiếng nỉ non, vi vút của hai chiếc sáo trúc, tiếng kim của tam âm la, tiếng mộc của sinh tiền, tất cả nhạc khí đồng theo tiếng nhịp của trống bồng khi khoan khi nhặt, khi vào nội phách, khi ra ngoại phách, tấu lên 10 bài Ngự, từ nhịp điệu khoan thai của mấy bản Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, lần lần dồn dập của mấy bài Hồ quang, Liên hoàn, Bình bán, Tây mai, Kim tiền, rộn rã từ Xuân phong qua Long hổ, đi đến náo nhiệt như tiếng vó ngựa phi trong bài Tẩu mã.

Thang âm điệu thức đa dạng, tiết tấu phong phú, bài bản dồi dào.

Công dụng, chức năng đa dạng : khi là nhạc lễ trong các tế giáo, tế miếu, trong những buổi đại triều, thường triều, khi là loại thính phòng cung trung chi nhạc, đàn cho vua chúa triều thần nghe chơi, lúc lại là những điệu nhạc giúp



Dàn Tiểu nhạc của Nhã nhạc cung đình Huế

vui trong yến tiệc, phụ họa cho các điệu múa cung đình, cho những vở tuồng hát bội.

Nhạc công, nhạc sĩ, các nghệ sĩ đàn ca, múa hát đều có kỹ thuật rất cao vì chỉ triều đình mới có khả năng tài chánh, quyền lực chính trị để qui tụ nhiều tài năng từ khắp nơi trong đất nước, có thể tạo điều kiện cho các nghệ sĩ ấy có thời gian và phương tiện trau dồi nghệ thuật để trở nên những nghệ nhân cao tay nghề, sáng tác dồi dào và biểu diễn tinh vi" (1).

Để có được giá trị nghệ thuật lớn ấy, âm nhạc cung đình Việt và nhã nhạc cung đình Huế không những đã trải qua nhiều thế kỷ sáng tạo nghệ thuật, mà còn trải qua một thời gian dài giao lưu âm nhạc, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm, Việt - Hoa, kể cả đem chuông đi đánh xứ người.

Vài ví dụ : từ cuối thế kỷ 10, người Việt, thời Lê Đại Hành, đã tiếp thu âm nhạc cung đình Chăm-pa ; đầu thế kỷ 15, thời Lê sơ, âm nhạc cung đình triều Minh, Trung Quốc, được tham khảo, thậm chí bị sao chép ; cuối thế kỷ 18, triều Thanh đã có dịp thưởng thức cái mà họ gọi là "An Nam quốc

nhạc" của thời Tây Sơn ; năm 1970, đoàn Ba Vũ (Huế) đã biểu diễn một số bài bản và điệu múa của *Nhã nhạc cung đình Huế* tại Expo quốc tế Osaka, Nhật Bản, v.v. để rồi 33 năm sau giới yêu chuộng âm nhạc ở năm châu bốn biển khám phá lại kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu này của Việt Nam dâng cho nhân loại.

Vài niên đại, thời điểm, sự kiện vừa kể có thể làm chứng cho một cuộc đại phiêu lưu sáng tạo nghệ thuật và giao lưu văn hóa dài 10 thế kỷ của một dân tộc thương người, yêu thơ, mến nhạc, trọng nhân nghĩa, thủy chung, thiết tha công lý, khao khát hòa bình.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, khi thưởng thức và trân trọng Nhã nhạc cung đình Huế, nói hay viết về nó, người Việt Nam chúng ta không thể không ghi ơn tất cả những ai đã góp phần sáng tạo nó, gìn giữ bảo vệ, phổ biến, ủng hộ, tài trợ nó, để có được cuộc trung hưng vẻ vang, xứng đáng với giá trị của nó như hôm nay.

Đó là những điều sẽ được cố gắng gợi tả qua Niên biểu sơ lược này :

NIÊN BIỂU 10 THẾ KỶ LỊCH SỬ Âm nhạc cung đình Việt Nam và Nhã nhạc cung đình Huế

Thời vua Lê Đại Hành (trị vì 980-1005)

Năm 982, vua xâm nhập lãnh thổ vương quốc láng giềng Chăm-pa, chiếm kinh đô Indrapura rồi đưa về Hoa Lư 100 cung kỹ (ca nhi, vũ nữ) Chăm. Kể từ ấy, ảnh hưởng Chăm thâm nhập âm nhạc cung đình Việt.

Đời Lý : triều đại quân chủ đầu tiên (thế kỷ 11 và 12)

Trên nhiều bệ đá kê các cột chùa Vạn Phúc (còn gọi là chùa Phật Tích, vùng Kinh Bắc - Bắc Ninh) thấy chạm nổi một dàn nhạc 10 người chơi 8 nhạc khí : thổi tiêu, sanh (ống sáo), đánh phách, trống cơm, kéo nhị, gảy đàn cầm, đàn tam, tỳ bà. Dàn nhạc gồm 4 nhạc khí dây, 2 nhạc khí thổ, 2 nhạc khí gỗ này gồm những nhạc khí thuần Việt, hoặc có gốc gác Ấn Độ, Chăm-pa, Trung Quốc (2).

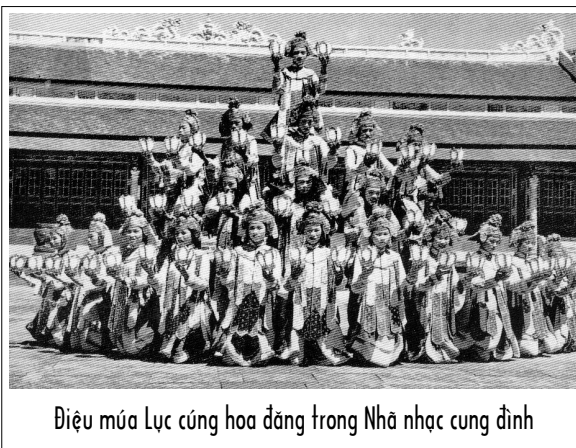
Thời vua Lý Thái Tông (1028-1054)

Năm 1044, vua đánh Chăm-pa chiếm thành Phật Thệ, đưa về Thăng Long nhiều cung nữ giỏi hát múa *Khúc điệu Tây Thiên* (khúc hát, điệu múa Chăm gốc gác từ Ấn Độ).

Năm 1060, là người giỏi thơ văn, thích múa nhạc, vua đích thân phiên dịch một khúc nhạc Chăm-pa, ghi chép một điệu trống Chăm-pa rồi sai nhạc công tập luyện, biểu diễn.

Năm 1069, vua đánh Chăm-pa, bắt được vua Chăm Chế Củ và dân chúng 5 vạn người. Chế Củ buộc lòng nộp 3 châu Bố Chánh, Địa Lý và Ma Linh (Quảng Bình, bắc Quảng Trị ngày nay) để chuộc lại tự do. Cuộc Nam tiến của người

Việt bắt đầu. Một bộ phận nhân dân Đại Việt và một bộ phận nhân dân Chăm-pa bắt đầu chung sống với nhau, với cái tốt nhất và cái xấu nhất có thể xảy ra.



Điệu múa Lục cúng hoa đăng trong Nhã nhạc cung đình

Thời vua Lý Nhân Tông (1066-1128)

Dựa trên sách sử và văn bia, nhà sử học - văn hóa học Trần Quốc Vượng đã "*Phác họa chân dung nhạc sĩ Lý Nhân Tông*" : đặc biệt giỏi âm luật, vua đích thân sáng tác những bài ca khúc nhạc cho nhạc công ca nữ cung đình luyện tập. Văn bia chùa Đọi ghi "*Vua ta : từ thơ thâu tóm thiên biến vạn hóa của Đất, Trời, nhạc phổ hòa hợp âm thanh của Đường, Phạn*" (3).

Thời vua Lý Cao Tông (1176-1204)

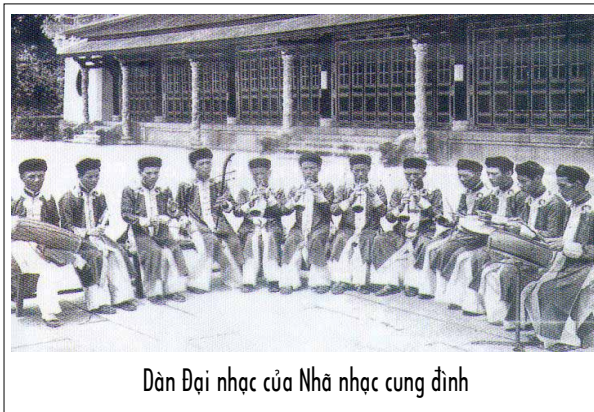
Năm 1202, vua sai nhạc sĩ cung đình đặt ra *Khúc nhạc Chăm* ("Chiêm Thành âm") tiếng trong trẻo, ái oán, náo nùng, người nghe phải chảy nước mắt.

Đời Trần : thế kỷ 13-14

Năm 1306, công chúa Huyền Trân, em vua Trần Anh Tông (1293-1314), "nước non ngàn dặm ra đi" sánh duyên cùng vua Chăm Chế Mân, và sinh lễ là hai châu Ô và Rí (nam Quảng Trị, Thừa Thiên, bắc Quảng Nam). Sau khi công chúa ca bài *Lý qua đèo*, nhân dân hai vương quốc Đại Việt và Chăm-pa xích lại gần nhau hơn chút nữa, nhạc cung đình Thăng Long và nhạc dân gian Thuận Quảng "nhuộm

màu Chàm" hơn chút nữa.

Năm 1307, Lê Tắc, trong *An Nam chí lược*, cho biết : nhạc cung đình đời Trần có Đại nhạc, trong dân gian có Tiểu nhạc với cả thấy 12 loại nhạc khí : đàn gáo, đàn cầm, tỳ bà, thất huyền, tranh, tam, kèn tất lật, sáo dọc (tiêu), sáo ngang (địch), phách, tiểu bát và *trống com* (phạn cổ). Trống này, Lê Tắc nói rõ là có gốc gác Chăm.



Đời Lê sơ : đầu thế kỷ 15 - đầu thế kỷ 16

Trị vì từ 1428 đến 1433, Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đã giao cho Nguyễn Trãi, tác giả *Đại cáo bình Ngô*, định ra qui chế triều phục và nhã nhạc. Chưa kịp triển khai thì vua mất.

Lê Thái Tông (1434-1442) lại giao việc đó cho Nguyễn Trãi tiếp tục làm, cùng với quan hoạn Lương Đăng. Do trình độ tầm thường và tinh thần vọng ngoại của người này, Nguyễn Trãi xin trả lại công việc được giao. Vua ưng thuận rồi sau đó nghe theo ý kiến của Lương Đăng bất chấp sự phản đối của Nguyễn Trãi và bốn đại thần khác.

Năm 1437, Lương Đăng trình vua hai loại nhạc cung đình mới sao chép theo qui chế nhã nhạc triều Minh : *Nhạc ở trên điện vua* và *Nhạc ở dưới điện vua*. Nguyễn Trãi tiếp tục phản đối và trình vua một quan điểm nhân văn và dân chủ cao quý về âm nhạc : "*Đời loạn dụng võ, thời bình chuộng văn... Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than. Như thế mới không mất cái gốc của âm nhạc*" (*Toàn thư*). Vua khen ngợi tư tưởng của Nguyễn Trãi, nhưng việc thụ động sao chép nhạc nước ngoài là việc đã rồi. Năm năm sau, ngày 19-9-1442 cả nhà Nguyễn Trãi bị kết án tru di tam tộc.

Năm 1470, Lương Thế Vinh, tác giả *Hí phường phá lục*, đã cùng Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận lại tham khảo nhã nhạc triều Minh và trình với vua Lê Thánh Tông (1460-1497), người đã chính thức tẩy oan và khôi phục danh dự cho Nguyễn Trãi năm 1464, hai loại nhạc cung đình mới : *Đồng văn* (khí nhạc) và *Nhã nhạc* (thanh nhạc).

Giai đoạn tốt đẹp nhất của đời Lê là thời Hồng Đức của Lê Thánh Tông (1470-1497). Đó là giai đoạn của *Hội Tao đàn*, của *Thánh Tông di thảo*, *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Hồng Đức bản đồ*, *Thiên Nam dư hạ tập*... Nhạc cung đình đời Lê đạt đến đỉnh cao với 8 thể loại : *nhạc Tế giao*, *nhạc Tế miếu*, *nhạc Tế ngũ tự* (5 vị thần), *nhạc cứu Mặt Trời*, *Mặt Trăng* (khi có Nhật thực, Nguyệt thực), *nhạc Đại triều*, *nhạc Thường triều*, *Nhạc cử 9 lần khi đại yến*, *nhạc dùng trong cung*.

Từ khi chịu ảnh hưởng Trung Quốc mạnh mẽ, nhạc cung đình Việt (được tôn là *Nhã nhạc* nghĩa là nhạc tao nhã) bắt đầu đối lập với nhạc dân gian lâu đời (vốn được các vua Lý, Trần quý trọng, bấy giờ bị chê bai là *tục nhạc*, nghĩa là nhạc thô thiển, thậm chí bị gọi là *dâm nhạc*, tức là nhạc bậy bạ), bị cấm không được trình diễn trong cung

đình nữa. *Toàn thư* ghi : "*bãi bỏ các trò chèo hát*".

Thời Mạc, Lê trung hưng, Trịnh và Lê mạt ở Thăng Long và Đàng Ngoài : thế kỷ 16-18

Bên cạnh *Đại Việt sử ký toàn thư* (thế kỷ 15-17), *Lê triều hội điển* (thế kỷ 17), tài liệu phong phú nhất về âm nhạc Đại Việt (Đàng Ngoài) thời kỳ này là những ghi chép quý báu của Phạm Đình Hồ

trong *Vũ trung tùy bút* và của Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục*.

Trong ba thế kỷ sau đời Lê sơ, ngoài các loại nhạc cung đình kể trên còn có *Cổ xúy đại nhạc*, *Nhạc huyền*, *Quân nhạc*, *Nhạc Bả lệnh* (dùng trong phủ chúa Trịnh), *Nhạc Giáo phường* (vốn là nhạc dân gian, được đưa vào cung đình thay thế cho *Đồng văn* và *Nhã nhạc* bị sa sút). Ba thế kỷ ấy cũng là thời nội chiến Mạc-Lê, Trịnh-Nguyễn liên miên, phân tranh chia cắt kéo dài, chúa tiếm quyền vua, nông dân khởi nghĩa, xã hội lâm than loạn lạc ; đó là những nguyên nhân góp phần làm cho nhạc cung đình Đàng Ngoài ngưng đọng và dần dần đình đốn.

Thời các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong : 1623-1777

Từ những năm 30 của thế kỷ 17, nhà văn hóa lớn của Đàng Trong là Đào Duy Từ (1572-1634) - tác giả của *Hổ trướng khu cơ*, *Ngọa long cương văn*, *Tư dung văn*, của hai lữ Trường Dục và Nhật Lệ còn gọi là Lữ Thầy - tương truyền là tác giả một số bài hát, điệu múa và vở hát bội cung đình. Về sau ông được thờ như một trong những vị tổ của âm nhạc và sân khấu Huế tại nhà từ đường Thanh Bình ở Huế đầu thế kỷ 19. Ông đã tiếp thu âm nhạc và sân khấu Đàng Ngoài để giúp chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1623-1634) lập ra một hệ thống lễ nhạc, triều nhạc mới ở Đàng Trong : *Hòa thanh thụ* của các chúa ở Phú Xuân là một tổ chức nhạc cung đình lớn gồm ban nhạc, đội ca, đội múa đông đảo (*Đại Nam thực lục tiền biên*).

Vào cuối thế kỷ 17 - đầu thế kỷ 18, nhạc cung đình Phú Xuân (Huế) đã khá hoàn chỉnh, phong phú, hấp dẫn, theo những ghi chép và đánh giá của nhà sư Trung Quốc Thích Đại Sán, thượng khách của chúa Nguyễn Phúc Chu (1692-1725) sau chuyến đi thăm Phú Xuân và Đàng Trong. Được mời xem ca múa nhạc và hát bội tại phủ chúa, nhà sư cho biết điệu múa nổi tiếng thời đó là *múa Thái liên* (hái sen) diễn tả dáng dấp đài các, trang nhã, tình tứ của các cô tiểu hầu đô thành Đàng Trong vừa uyển chuyển chèo thuyền vừa tươi cười hái hoa. Các ca nhi vũ nữ ấy "*đội mào vàng, áo hoa xanh dài phết đất, thoa son đôi phấn rất mực diễm lệ làm nao lòng người*" (4).

Thời Tây Sơn : 1788-1802

Năm 1790, sau đại thắng Đống Đa ở Thăng Long, vua Quang Trung (giả) cầm đầu một đoàn sứ giả sang thăm



Điệu múa hái sen mang ảnh hưởng văn hóa Champa

hữu nghị triều Thanh ở Bắc Kinh, cống nạp lễ vật, cầu hòa và chúc thọ hoàng đế Càn Long 80 tuổi. Hoàng đế phong cho vua Quang Trung tước "An Nam quốc vương" và vui vẻ thưởng thức đoàn "An Nam quốc nhạc" biểu diễn chúc thọ. Nhờ những ghi chép sinh động, cụ thể của *Đại Thanh hội điển sự lệ* và tập văn kiện ngoại giao *Đại Việt quốc thư* thời Tây Sơn mà nhạc cung đình của ta cuối thế kỷ 18 hiện ra khá rõ nét.

Hội điển triều Thanh mô tả chính xác trang phục các nhạc công, ca công, vũ công của ta.

Về phần nhạc khí, theo giáo sư Trần Văn Khê, nghệ nhân cung đình Tây Sơn chơi 8 loại nhạc khí mà hội điển triều Thanh đã ghi lại bằng chữ Nôm: "Một cái cổ (kai kou : trống), một cái phách (kai p'ò), hai cái sáo (kai chao), một cái đàn huyền tử (kai-t'an hien-tse), một cái đàn hồ cầm (kai t'an hou k'in), một cái đàn song vận (kai t'an choang wen), tức là đàn nguyệt, một cái đàn tỳ bà (kai t'an p'i p'a), một cái tam âm la (kai san in lo).

Về phần hát xướng, *Đại Việt quốc thư* của ta bổ sung như sau: Nhân dịp lễ thượng thọ của Càn Long 80 tuổi, đoàn quốc nhạc Đại Việt gồm 6 nhạc công và 6 ca công cung đình Phú Xuân đã biểu diễn cho hoàng đế nhà Thanh nghe "*Nhạc phủ từ khúc thập điệu*". Có thể đây chính là liên khúc 10 bản *Thập thủ liên hoàn*, còn gọi là *Mười bản Tấu* hay *Mười bài Ngự* nổi tiếng trong nhã nhạc cung đình Huế, thậm chí có nghệ nhân còn gọi sai là "Mười bản Tàu" (có sự lẫn lộn giữa Tấu và Tàu, Tâu) (5).

Thời thịnh triều Nguyễn : 1802-1885

Thời kỳ vàng son của âm nhạc cung đình Đại Việt, Việt Nam, Đại Nam là thời thịnh của triều Nguyễn từ khi Gia Long lên ngôi (1902) đến trước lúc kinh đô Phú Xuân (Huế) thất thủ (1885).

Theo những tài liệu chủ yếu như *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (đầu thế kỷ 19) và các công trình lớn của Quốc sử quán (giữa thế kỷ 19) như *Đại Nam thực lục chính biên*, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* thì nhã nhạc cung đình Phú Xuân trong suốt 80 năm đã được phục hồi, chấn chỉnh và phát triển. Các loại *Giao nhạc*, *Miệu nhạc*, *Ngũ tự nhạc*, *Đại triều nhạc*, *Thường triều nhạc*, *Yến nhạc*, *Cung trung chi nhạc* đã ảnh hưởng qua lại, thâm nhập lẫn nhau với nhạc cổ điển thính phòng (ca Huế,

đờn Huế) và nhạc tuồng cung đình (thanh nhạc và nhạc múa của hát bội Huế).

Đáng chú ý là nhiều nhà hát, rạp hát lớn nhỏ của vua chúa, đại thần và của cả dân thường được xây dựng: *đài Thông minh* trong cung Ninh Thọ đời Gia Long, *Duyệt thị đường* trong hoàng cung đời Minh Mạng, *Minh khiêm đường* trong Khiêm cung (lăng Tự Đức), rạp hát Ông Hoàng Mười, nhà hát Mai Viên trong tư dinh thượng thư Đào Tấn đã không loại trừ hay lấn lướt sự tấp nập dân gian của những rạp hát Ông Sáu Ốt (Nguyễn Nhơn Từ), rạp hát gia đình họ Đoàn (ở An Cựu), rạp hát Bà Tuần (tồn tại đến 1975), v.v.

Đời Gia Long (1802-1820), *Việt tương đội*, kế thừa *Hòa thanh thự* của các chúa Nguyễn, là một tổ chức âm nhạc cung đình lớn với 200 nghệ nhân ưu tú tuyển từ nhiều nơi trong nước. Sân khấu ca múa nhạc và hát bội đầu tiên được dựng lên là *đài Thông minh*, dành cho vua và hoàng gia.

Đến đời Minh Mạng (1820-1840), nhà vua cho dựng nhà hát lớn đầu tiên trong lịch sử âm nhạc và kịch nghệ Việt Nam: *Duyệt thị đường* (1824), đổi Việt tương đội thành *Thanh bình thự* với qui mô lớn hơn, lại lập thêm *đội Nữ nhạc* với 50 ca nữ, vũ nữ, nhạc nữ; đặc biệt triều đình còn cho dựng Nhà thờ các tổ sư nghệ thuật âm nhạc và hát bội Huế thờ Đào Duy Từ và hàng chục vị khác: đó là *Thanh bình từ đường* (1825), trước nhà thờ dựng bia và một sân khấu để biểu diễn trong các dịp tế lễ. Văn bia cho biết vào đời Minh Mạng âm nhạc và kịch nghệ cung đình đã phát triển tốt đẹp.

Đời Tự Đức (1841-1883), âm nhạc thính phòng (ca Huế, đờn Huế), nhã nhạc và hát bội cung đình đạt tới đỉnh cao. Nhà hát lớn *Minh Khiêm đường* được dựng trong Khiêm cung (sau khi vua mất sẽ trở thành Khiêm lăng). Ông hoàng bà chúa tham gia dựng rạp hát, sáng tác nhạc và tuồng hát bội. Tương truyền *Tứ đại cảnh* là một tác phẩm của Tự Đức (?), ông vua này đã lập ra một thứ Hội Tao đàn mang tên *Hiệu thư phòng*, nơi vua và các danh nho thời ấy xướng họa thơ văn, thưởng thức âm nhạc, sáng tác và nhuận sắc các vở tuồng hát bội. Nhà thơ và nhà soạn tuồng lỗi lạc Đào Tấn (1845-1907) là một trong những cột trụ của cơ quan văn hóa cung đình ấy. Thời Tự Đức, nhiều tác phẩm viết về nhạc Huế cổ điển và cung đình ra đời (được các nhạc sĩ Vĩnh Phan, Nguyễn Hữu Ba, giáo sư Hoàng Xuân Hãn sưu tầm, gìn giữ): đó là những *Nam cầm phổ*, *Nguyệt cầm phổ*... ghi dấu một thời vang bóng.

Thời suy triều Nguyễn : 1885 -1945

Thực dân Pháp gây hấn và bắt đầu xâm lược vương quốc Đại Nam từ Đà Nẵng rồi lấn chiếm dần các tỉnh Nam bộ, Bắc bộ (1858-1883). Triều đình vội ký hàng ước rồi tháng 8-1885 kinh đô Phú Xuân (Huế) thất thủ. Các vua Nguyễn sau Tự Đức đều được Pháp đưa ra ngôi làm vua, mất hết thực quyền. Đời sống cung đình tẻ nhạt, âm nhạc cung đình ngày càng sa sút.

Thành Thái (1889-1925) lập *Võ can đội*, rồi thêm đội *Đồng ấu* (nhạc công diễn viên thiếu niên làm dự bị cho Võ can đội). Tất cả đều hoạt động lai rai, cầm chừng.

Khải Định (1916-1925) dựng thêm nhà hát *Cửu tư đài* trong cung An Định.

Trong thời gian từ 1914 đến 1944, một sự kiện văn hóa đáng ghi nhớ : *Tập san Những Người Bạn của Huế Cổ Kính* (Bulletin des Amis du Vieux Huế, tiếng Pháp) ra đời tại Huế và đã xuất bản tổng cộng 120 tập, dày hàng vạn trang trong suốt 30 năm, dưới sự điều khiển của hai nhà Việt Nam học lỗi lạc : linh mục Cadière và ông Orband. Nhiều bài khảo tả có giá trị về âm nhạc và lễ hội cung đình được công bố, nổi bật là công trình của Hoàng Yến (1919) về *Âm nhạc ở Huế* và của R. Orband về *Lễ tế Nam Giao*.

Thời Bảo Đại (1933-1945), Võ can đội đổi thành *Ba vũ đội* gồm cả một đội Đại nhạc và một đội Tiểu nhạc với khoảng 100 nhạc công, ca công, vũ công hoạt động rời rạc trong lúc chờ đợi làm nhiệm vụ chính : tham gia phục vụ phần nhạc và múa trong lễ Tế Nam giao (tổ chức ba năm một lần). Ba vũ đội quen được gọi là *đội Nhạc chánh Nam triều*.

Năm 1942, triều Nguyễn cử hành lễ Tế Nam giao, cũng là lần cuối cùng Nhã nhạc cung đình Huế biểu diễn trọng thể và đúng qui cách trước công chúng.

Ngày 31-8-1945, trên khán đài uy nghi của Ngọ Môn, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn thoái vị. Nhã nhạc cung đình tạm thời rã đám.

Nửa thế kỷ cố gắng phục hồi : 1945-1993

Một ít lâu sau ngày Bảo Đại thoái vị, cựu hoàng thái hậu mà nhân dân Huế thời ấy kính gọi là *Đức Từ Cung* (hay *Đức Từ*) thực sự là người có công cứu Nhã Nhạc cung đình Huế thoát nguy cơ tuyệt tự. Từ 1946 đến 1975, với tiền riêng và biết chọn mặt gửi vàng, bà ủy nhiệm cho ông Nguyễn Hữu Hòa (tức Đội Hòa, con ông Đội Thức, người chỉ huy Ba vũ đội nổi tiếng một thời) đi gom một số nhạc công cung đình thất nghiệp (Lữ Hữu Thi, Nguyễn Mạnh Cẩm, La Châu, Nguyễn Kế, Trần Kịch...) rồi lập lại một ban lễ nhạc gồm khoảng mười người và các con cháu thạo nhạc của họ để thỉnh thoảng phục vụ các buổi tế lễ, kỵ lập do bà và Tôn nhơn phủ tổ chức. Chính các cụ nghệ nhân ấy (năm nay nếu còn sống thì cũng đã trên 90 xuân) và con cháu của họ là hạt nhân của *đoàn Ba vũ* đã hoạt động cầm chừng tại Huế cho đến trước 1975.

Năm 1962, được sự tài trợ của Viện bảo tàng quốc gia nghệ thuật Á Đông Guimet và Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (CNRS) Pháp, luận án tiến sĩ của Trần Văn Khê, *La Musique vietnamienne traditionnelle*, được nhà xuất bản PUF (Paris) cho phát hành. Lần đầu tiên hơn 100 trang nghiên cứu nhạc học bằng tiếng Pháp được dành cho Nhã nhạc cung đình Huế. Sau khi tác phẩm này được công bố, trong những thập niên 1960-1990, Trần Văn Khê đã được nhiều nhà xuất bản các bộ bách khoa thư Âu, Mỹ mời viết về nhạc Việt Nam và nhạc châu Á.

Trong những năm 1963-1968, hai nhà nhạc học Việt Nam, Nguyễn Hữu Ba (Tỳ bà trang, Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Huế, Sài Gòn) và Trần Văn Khê (CNRS, CEMO Paris) được viện trưởng Viện Quốc Tế Nghiên Cứu Âm Nhạc Đối Chiếu (Tây Bá Linh), Alain

Daniélou, tài trợ. Tại Huế, nghệ sĩ Nguyễn Hữu Ba, người trực tiếp phụ trách sưu tầm, ghi âm, chụp ảnh, tập hợp tài liệu nghiên cứu... làm việc với ông Đội Hòa và các lão nghệ nhân trong và ngoài đoàn Ba Vũ để ghi âm nhiều bài bản nhạc Huế cổ điển và cung đình. Sau gần sáu năm làm việc, nhiều tác phẩm âm nhạc cổ điển và nhạc cung đình Huế sẽ được chọn lọc và công bố trong một đĩa nhựa vinyl dành riêng cho âm nhạc Việt Nam, do Unesco bảo trợ trong *Bộ Hợp Tuyển Âm Nhạc Phương Đông* (Anthologie musicale de l'Orient).

Năm 1967, cuốn *Musique du Vietnam* của Trần Văn Khê được nhà xuất bản Buchet-Chastel Paris phát hành. Trong tác phẩm cập nhật hóa này (được bổ sung năm 1996), tác giả đã dành hơn 50 trang để nói về nhạc khí, lịch sử và giá trị nhạc cổ điển, nhạc cung đình Huế.

Năm 1969, Unesco công bố cùng một lúc tại Paris, New York và Cộng Hòa Liên Bang Đức đĩa hát *Âm nhạc Việt Nam I : truyền thống Huế*, do Trần Văn Khê và Nguyễn Hữu Ba ghi âm và giới thiệu bằng ba thứ tiếng (Anh, Pháp, Đức), và Viện Quốc Tế Nghiên Cứu Âm Nhạc Đối Chiếu phát hành (Barenreiter Musicaphon BM30L2022). Nội dung đĩa hát gồm 11 tác phẩm về lễ nhạc, nhạc tôn giáo và nhạc tiêu khiển : *Mã vũ và Mang, Phượng vũ, Đờn đàn, Mười bài Ngự, Đào diên, Ngũ lôi cổ, Tụng Lăng nghiêm, Tán Nhứt điển, Độc tấu đàn bầu, Phú lục chậm và Tứ đại cảnh*.

Ngay sau khi được phát hành, đĩa hát này đã liên tiếp nhận hai giải thưởng lớn : *Giải âm nhạc Deutscher Schallplatten* của Cộng Hòa Liên Bang Đức năm 1969 và *Giải dân tộc nhạc học* của Viện Hàn Lâm Đĩa Hát Pháp năm 1970. Sự thành công của đĩa hát âm nhạc truyền thống Huế này đánh dấu sự sống lại của một di sản văn hóa từ lâu bị lãng quên. Từ sau ngày đó thế giới văn hóa biết đến nền âm nhạc cổ điển, nhạc cung đình Việt Nam xứng đáng sánh vai với *Ya-yue* của Trung Quốc, *Gagaku* của Nhật Bản, *Ah-ak* của Triều Tiên.

Năm 1970 một đoàn nghệ nhân Việt Nam, do giáo sư Nguyễn Hữu Ba dẫn đầu, đã được mời lên biểu diễn trên sân khấu lớn của Expo quốc tế Osaka (Nhật Bản), một số bài ca bản nhạc và điệu múa cung đình.

Năm 1981, tổng giám đốc Unesco Amadou Matar M'Bow đến Hà Nội và Huế phát động *Cuộc vận động quốc tế giúp Việt Nam bảo vệ trùng tu di tích lịch sử, văn hóa Huế*. Nhân buổi biểu diễn ca múa nhạc cung đình tại Huế, chào mừng đoàn thượng khách, giáo sư Trần Văn Khê đã gợi ý với tổng giám đốc Unesco nên bảo vệ nền thi ca, âm nhạc, vũ điệu, kịch nghệ của cung đình Huế, vì đó là cái hồn, cung điện lăng tẩm của cố đô chỉ là cái xác.

Năm 1997, nhà xuất bản Thuận Hóa (Huế) công bố cuốn *Âm nhạc cung đình triều Nguyễn* của Trần Kiều Lại



Cố nghệ sĩ Nguyễn Hữu Ba
(1914-1997)

Thủy, công trình đầu tiên bằng tiếng Việt đáng chú ý về đề tài này.

Di tích lịch sử - văn hóa cổ đô Huế và Nhã nhạc cung đình Huế được nhìn nhận là di sản văn hóa chung của nhân loại : 1993-2003

Tháng 6-1993, Unesco tổ chức *Hội thảo quốc tế về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại* tại Paris, trong đó dự án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của cố đô Huế và của các sắc tộc thiểu số Việt Nam.

Tháng 12-1993, tổng giám đốc Unesco, ông Federico Mayor, tuyên bố *Tổng thể di tích lịch sử - văn hóa cổ đô Huế*, di sản nghệ thuật kiến trúc của Việt Nam, là *di sản văn hóa của nhân loại*.

Để chuẩn bị lễ kỷ niệm 10 năm (1993-2003) cố đô Huế được nhìn nhận là di sản văn hóa của nhân loại, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế đã lập : *Dự án qui hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa* (trình chính phủ), *Hồ sơ Nhã nhạc cung đình Huế* (trình Unesco), thành lập *Nhà hát nghệ thuật cung đình Huế*, xuất bản nhiều sách nghiên cứu và sách giới thiệu di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Huế...

Đầu năm 1994, Unesco tổ chức hai buổi hội thảo quốc tế khác, một tại Hà Nội về *Di sản văn hóa phi vật thể các sắc tộc Tây Nguyên* do giáo sư G. Condominas chủ tọa và một tại Huế về *Di sản văn hóa phi vật thể cố đô Huế* do bà Noriko Aikawa và giáo sư Trần Văn Khê chủ tọa.

Tháng 7-1994, cơ quan văn hóa Arion Edo của Nhật Bản mời đoàn nghệ thuật âm nhạc và múa cung đình Huế, do nữ nghệ nhân La Cẩm Vân dẫn đầu, biểu diễn tại Đại nhạc hội quốc tế mùa hè ở thủ đô Tokyo, cố đô Kyoto và nhiều thành phố khác. Đài truyền hình NHK đã chiếu lại toàn bộ các buổi trình diễn cho dân chúng Nhật Bản xem.

Năm sau, do sự vận động của hai giáo sư Yamakuti Osamu và Tokumaru Yoshihito, quỹ Toyota Foundation đã tài trợ cho đoàn nghiên cứu nhạc học và chuyên viên kỹ thuật nghe nhìn Nhật Bản, với những trang bị tối tân nhất, sang Việt Nam thu âm và ghi hình tất cả những gì mà các lão nghệ nhân còn nhớ được về Nhã nhạc cung đình Huế để mang về nghiên cứu. Tất cả đã được đúc kết lại thành bộ *Hồ sơ nhạc học* sinh động và đồ sộ tồn trữ tại Viện đại học Osaka và Tokyo, bản sao gửi tặng Việt Nam.

Những năm kế tiếp, 1995 và 2002, hai đoàn nghệ thuật Việt Nam (hát ả đào, nhạc cổ điển và cung đình Huế) đến Pháp trình diễn tại trụ sở Unesco (Paris), Nhà Văn hóa Thế giới Paris, nhiều thành phố khác tại Pháp và châu Âu. Các lão nghệ nhân cung đình đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

Năm 1997, hai giáo sư Yamakuti và Tokumaru lại vận động quỹ Japan Foundation tài trợ cho Đại học Huế *mở lớp đào tạo 4 năm* Nhã nhạc cung đình. Tháng 6-2000, dưới sự điều dắt của hai nghệ nhân lão thành và ba giảng viên nhạc

học, 11 sinh viên đầu tiên được cấp bằng tốt nghiệp cử nhân âm nhạc cung đình.

Trong hai ngày, 26 và 27-8-2002, *Hội thảo quốc tế về Nhã nhạc cung đình* lần đầu tiên được tổ chức tại Huế. Nhân dịp này bà Noriko Aikawa, trưởng Vụ văn hóa và sáng tạo nghệ thuật Unesco, và giáo sư Trần Văn Khê đã giúp phía Việt Nam chấn chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ Nhã nhạc cung đình trình Unesco.

Đầu năm 2003, loạt bài của nghệ sĩ Trịnh Bách viết về *Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn* (6) chứa đựng nhiều tư liệu độc đáo về nhã nhạc cung đình Việt Nam, nhất là đã làm bất tử những các cụ nghệ nhân, những "di sản văn hóa sống" : Lữ Hữu Thi, Lê Văn Lương, Lữ Hữu Cử...

Ngày 7-11-2003, tại Paris, tổng giám đốc Unesco, ông Koichiro Matura, tuyên bố *Nhã nhạc cung đình Huế* cùng với 27 kiệt tác của các nước khác được nhìn nhận là *di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại*.

Trong buổi trao bằng *Di sản văn hóa phi vật thể Nhã nhạc cung đình Huế* ngày 31-1-2004, hơn một ngàn người có mặt trong hội trường Unesco (Paris) đã có dịp thưởng thức bài *Tam luân cửu chuyển*, *Mười bài Ngự*, các điệu múa *Lân mẹ đẻ lân con*, *Lục cúng*



Điệu múa quạt trong Nhà nhạc cung đình

hoa đăng... đặc sắc của những nghệ nhân Việt Nam, trong đó có cụ Trần Kích 90 tuổi.

Để kết thúc, xin mượn lời tâm huyết của giáo sư Trần Văn Khê : "*Chúng ta rất vui mừng, phấn khởi khi được thế giới công nhận nhạc cung đình Việt Nam là một kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại... Di sản văn hóa của ông cha ta để lại có bề dày của lịch sử, bề sâu của nghệ thuật. Chúng ta nên vô cùng thận trọng trong việc giữ gìn và nhất là trong việc phát triển. Đừng để cho nhiệt tình của chúng ta [...] làm biến chất cái hay của truyền thống*".

Đó cũng là lời nhắn nhủ dành riêng cho những người làm công tác quản lý văn hóa ở trong nước : *Phải biết gìn giữ trọn vẹn di sản của ông cha cho con cháu*.

Lê Văn Hảo (Paris)

Chú thích :

(1) Trần Văn Khê, tham luận đọc tại Hội thảo quốc tế Nhã nhạc cung đình Huế, Huế, 26-27 tháng 8-2002 : "*Giá trị lịch sử và nghệ thuật của Nhã nhạc cung đình Huế*", tạp chí *Kiến thức ngày nay*, tháng 9-2002, tr. 7-11.

(2) *Phát hiện khảo cổ học tại chỗ* của Louis Bezacier năm 1940 ; *Nghiên cứu nhạc học* của Trần Văn Khê cuối thập kỷ 1950.

(3) *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, 2000, tr.712.

(4) Bản dịch *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, 1963.

(5) *Đại Thanh hội diễn sự lệ*, bản in 1908, quyển 528, Thư viện Hội châu A Paris ; *Đại Việt quốc thư*, Trung tâm Học liệu Bộ Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1962.

(6) Tạp chí *Xưa và Nay*, Hà Nội, số 134-136, tháng 2/3-2003.

Nghị quyết của đảng cộng sản về cộng đồng NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Ngày 26-3-2004, ông Phan Diễn, ủy viên Bộ chính trị và thường trực Ban bí thư trung ương đảng, công bố nghị quyết số 36 về chính sách đối với người Việt ở nước ngoài.

Qua nghị quyết này, Đảng Cộng Sản Việt Nam ước lượng số người Việt sinh sống ở nước ngoài là 2,7 triệu người, 80% định cư tại các nước phát triển. Ngoài ra còn có "hàng trăm nghìn" người khác đã ra nước ngoài lao động, du học, đoàn tụ gia đình. Sự ước lượng này phù hợp với những ước lượng vẫn thường được đưa ra, theo đó có khoảng ba triệu người Việt sống ở nước ngoài.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đánh giá cộng đồng người Việt có "tiềm lực kinh tế nhất định" và "vị trí nhất định" trong sinh hoạt tại các nước sở tại, nhưng không giải thích "nhất định" có nghĩa thế nào.

Nghị quyết này nhận xét "nhiều trí thức có trình độ học vấn và chuyên môn cao : một số người giữ vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các công ty và tổ chức quốc tế, có khả năng tạo dựng quan hệ với các cơ sở kinh tế, khoa học ở nước sở tại" và "một số ít người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc, ra sức chống phá đất nước, phá hoại mối quan hệ hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam". Một điểm đúng về cộng đồng người Việt hải ngoại là "việc giữ gìn tiếng Việt và bản sắc dân tộc trong thế hệ trẻ còn khó khăn". Một nhận xét đúng khác là : "sự đóng góp của bà con vào công cuộc xây dựng đất nước, nhất là về trí thức, chưa tương xứng với tiềm năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài".

Về các biện pháp, nghị quyết nói rằng cần quan tâm đến cộng đồng người Việt hải ngoại hơn nữa, tăng ngân sách cho công tác kiều vận, hoàn chỉnh các sách giáo khoa dạy tiếng Việt, gửi giáo viên tiếng Việt tới những nơi có nhu cầu, khen thưởng những người có công với chế độ, thu hút và trọng dụng các chuyên gia, giản dị hóa thủ tục cấp hộ chiếu về thăm gia đình, nhưng hăm dọa sẽ "có biện pháp phù hợp đấu tranh với những biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích dân tộc, phá hoại quan hệ giữa các nước có đông người Việt Nam sinh sống với Việt Nam hoặc gây chia rẽ trong cộng đồng người Việt hải ngoại ở nước sở tại". Các biện pháp này nhằm mục tiêu thực hiện điều mà nghị quyết coi là "chủ trương đại đoàn kết dân tộc" bởi vì "Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam".

Ngoài hai biện pháp cụ thể là tăng ngân sách kiều vận và chú trọng vào việc dạy tiếng Việt cho thanh thiếu niên Việt Nam hải ngoại, nghị quyết này không có gì mới. Vẫn ngôn ngữ lưỡi gươm thông thường coi những người dân chủ là thù địch. Nói chung vẫn một chính sách lợi dụng tối đa những đóng góp của người Việt hải ngoại nhưng từ khước mọi đối thoại về chính trị, vẫn lập trường cố hữu : "quyết định là của chúng tôi, quyền cúi đầu là của các anh".

Điều ngộ nghĩnh là sau khi nghị quyết được ban hành,

thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Phú Bình đã viết một bài phụ họa trên báo *Nhân Dân* ngày 1-4-2004. Ông Bình viết rằng : "*Cần có những bước đi và biện pháp để thực hiện đúng chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc*". Đây là lập trường mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đưa ra từ đầu thập niên 1980 và đảng cộng sản đã phản bác kịch liệt qua một loạt bài đăng trên *Tạp Chí Cộng Sản*, coi nó không những không cần thiết mà còn là một âm mưu để đánh phá chế độ. Thì ra khi vô tình người ta vẫn nói lên những điều mà trong thâm tâm mình nghĩ là đúng. Ông Bình coi chừng mất chức vì không thuộc bài. Như thế thì rất uổng, vì qua câu này ông Bình chứng tỏ ông là người sáng suốt.

Cộng đồng người Việt hải ngoại đóng góp rất lớn cho Việt Nam. Theo thống kê của ngân hàng quốc gia thì hàng năm người Việt ở nước ngoài gửi về khoảng 3 tỷ USD qua ngã chính thức. Con số thực sự chắc là cao hơn nhiều và lớn hơn bất cứ viện trợ quốc tế nào. Tuy vậy chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn coi cộng đồng người Việt hải ngoại là kẻ thù. Liên lạc với người Việt ở nước ngoài có thể bị kết tội là "gián điệp" và bị xử những bản án rất nặng như trường hợp của Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và sắp tới Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Nguyễn Đan Quế. Những người về thăm quê hương bị tình nghi có lập trường khác với đảng cộng sản cũng gặp vô số phiền phức : bị hỏi cung liên tục, gần như mỗi ngày, và bị theo dõi rất sát.

Một điểm quan trọng khác là trong gần 30 năm qua đã có hàng ngàn người đem vốn về nước kinh doanh. Hầu như tất cả đều phá sản vì tham nhũng và sách nhiễu.

Nguyễn Văn Huy

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@thongluan.org.

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

CHIRAC ĐẠI BẠI

Cánh hữu Pháp, trừ đảng cực hữu Le Pen, đã thất bại thê thảm trong cuộc bầu cử các vùng ngày 28-3-2004 vừa qua. Trên tổng số 22 vùng, họ chỉ còn giữ được một vùng Alsace, cũng là vùng nhỏ nhất phía đông bắc nước Pháp. Đảng Xã Hội, mới đại bại cách đây hai năm trong hai cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội đã thắng lớn, chiếm tất cả mọi vùng còn lại.

Tuy nhiên thắng lợi của đảng Xã Hội Pháp không vinh quang. Cử tri Pháp đã chỉ bỏ phiếu biểu lộ sự bất mãn với đảng cầm quyền của Chirac chứ không phải vì tín nhiệm đảng Xã Hội. Từ hai năm nay, sau tái đắc cử tổng thống với đa số 82% và giành được đa số áp đảo trong quốc hội, tổng thống Chirac, qua thủ tướng Jean-Pierre Raffarin rất thân cận của ông, đã đưa ra chính sách cải tổ hệ thống an sinh xã hội và cải tổ hệ thống giáo dục. Cả hai chính sách cải tổ này đều gặp chống đối dữ dội, mặc dầu đều là những cải tổ rất cần thiết.

Hệ thống an sinh xã hội lổn nhổn và không thể tiếp tục, nó cũng rất phức tạp và bất công, thiệt thòi cho khu vực tư và ưu đãi công chức. Pháp có đến hơn 50 qui chế hưu bổng khác nhau. Hệ thống giáo dục của Pháp rất nặng nề với hơn một triệu công chức mà hiệu lực ở cấp đại học lại rất thấp. Mặc dầu vậy, người Pháp rất mâu thuẫn, một mặt họ nhìn nhận là phải cải tổ, mặt khác họ lại chống bất cứ đề nghị cải tổ nào. Kết quả là bất cứ đảng nào được bầu lên cũng bị đặt trước một tình trạng thiếu hụt ngân sách trầm trọng và đều bị bắt buộc phải cải tổ để bị đánh bại trong cuộc bầu cử ngay sau đó. Một kịch bản đã trở thành quen thuộc trong gần 20 năm nay là đối lập thắng lớn trong tuyển cử và sau đó chỉ hai hoặc ba năm lại đại bại.

Tổng thống Chirac rất xứng đáng để thất bại, nhưng vì lý do khác. Ông tỏ ra coi thường các giá trị dân chủ và nhân quyền. Ông ủng hộ các chính quyền độc tài thô bạo tại Việt Nam, Trung Quốc, Trung Đông và châu Phi : trải thảm đỏ đón Hồ Diệu Bang, bảo vệ tới cùng Saddam Hussein, làm ngơ khi hệ thống tòa án Việt Nam, do Pháp giúp đỡ thành lập, dùng làm dụng cụ đàn áp những người dân chủ. Ông cũng đã hai lần tuyên bố rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước nghèo. Tuy vậy cử tri Pháp đã không trừng phạt Chirac vì đạo đức chính trị. Họ đã chỉ bỏ phiếu chống ông vì những việc ông làm đúng là cải tổ nước Pháp.

Nói chung cả giới lãnh đạo Pháp lẫn dân chúng Pháp đều sa sút về mặt tinh thần.

ĐÀI LOAN và TRUNG QUỐC một quan hệ tế nhị

Ngày 20-3-2004, ông Trần Thủy Biển, Đảng Dân Tiến, đã tái đắc cử tổng thống Đài Loan lần thứ ba với một tỷ số vừa đủ : 50,2%.

THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

Kết quả cuộc bầu cử này đã không làm Trung Quốc hài lòng vì đặt mọi kỳ vọng vào ông Liên Chiến, Quốc Dân Đảng, người mà Bắc Kinh hy vọng ít cứng rắn hơn ông Trần Thủy Biển trong việc thực hiện chương trình gọi là "Ba Thông" (thông

hành, thông thương và thông tin) mà Bắc Kinh đề nghị để khuyến khích dân chúng Đài Loan qua lại thường xuyên hơn với lục địa. Mục đích của Bắc Kinh là muốn sát nhập Đài Loan vào lãnh thổ Trung Quốc.

Trong thực tế, sự qua lại của dân chúng Đài Loan với lục địa đã diễn ra một cách tự nhiên, và không bên nào lập hàng rào ngăn cấm. Đài Loan là quốc gia đầu tư nhiều nhất vào Trung Quốc với hơn 60.000 công ty lớn nhỏ, số người Đài Loan thường trú tại Trung Quốc hiện nay trên một triệu người. Ngược lại, năm 2003 Trung Quốc là nước buôn bán nhiều nhất với Đài Loan, vượt hẳn Hoa Kỳ. Với trọng lượng kinh tế này, không bên nào muốn phá vỡ.

Điều mà Bắc Kinh lo sợ nhất là cuộc trưng cầu dân ý mà ông Trần Thủy Biển hứa sẽ tổ chức vào năm 2006 để hợp thức hóa bản hiến pháp mới, dự trù có hiệu lực từ tháng 5-2008 nếu được bầu thuận. Bản hiến pháp mới này sẽ không còn qui chiếu vào lãnh thổ Trung Quốc cũ, quốc hiệu "Trung Hoa Dân Quốc" đổi thành "Cộng Hòa Đài Loan", và thủ đô "Nam Kinh" đổi thành "Đài Bắc".

Theo giới thạo tin về Trung Quốc, cuối năm 2003 vừa qua Bắc Kinh đã lấy quyết định sẵn sàng chịu bị tẩy chay hay hủy bỏ Thế Vận Hội 2008 khi dùng giải pháp quân sự giải quyết vấn đề Đài Loan, nếu đảo này tuyên bố độc lập vào tháng 5-2008.

HÀ NỘI BỒI RỐI trước sự hỗ trợ của thế giới cho Phạm Quốc Dương và Nguyễn Vũ Bình

Nguyễn Vũ Bình, người trí thức dân chủ trẻ, cựu biên tập viên *Tạp Chí Cộng Sản*, bị xử án 7 năm tù và 3 năm quản chế ngày 31-12-2003 với tội danh gián điệp. Bình lập tức chống án. Bình thường thì phiên tòa phúc thẩm xét xử một hay hai tháng sau đó. Nhưng ba tháng đã trôi qua mà ngày xử phúc thẩm vẫn chưa được quyết định.

Hà Nội tỏ ra lúng túng rõ rệt trước phản ứng mãnh liệt của dư luận thế giới. Quốc hội và bộ ngoại giao Mỹ đã lên tiếng. Ba tổ chức bảo vệ nhân quyền tích cực và uy tín nhất thế giới là Amnesty International (Ân Xá Quốc Tế, trụ sở tại London), Human Rights Watch (Theo Dõi Nhân Quyền, trụ sở tại New York) và Reporters Sans Frontière (Ký Giả Không Biên Giới, trụ sở tại Paris) đã lên tiếng quyết liệt đòi Hà Nội hủy bỏ bản án thô bạo này. Riêng tổ chức Ký Giả Không Biên Giới đặc biệt bảo vệ Nguyễn Vũ Bình vì là một đồng nghiệp của họ. Nhiều luật sư trên thế giới đã yêu cầu được đến Hà Nội bảo vệ Bình. Tại Pháp có luật sư Jean-Louis Malterre, tại Bỉ hội Luật Sư Không Biên Giới cũng yêu cầu được gửi luật sư của họ tới Hà Nội bào chữa cho Bình.

Vụ Phạm Quế Dương còn phức tạp hơn nữa. Ngày 3-2-2004, Phạm Quế Dương được trao bản cáo trạng buộc ông tội gián điệp. Phiên tòa được dự trù vào cuối tháng 2-2004. Sau đó Hà Nội tuyên bố hoãn một tháng tới đầu tháng 4 mới xử, đồng thời họ cũng rút lại bản cáo trạng, nói là để thay thế bằng một bản cáo trạng mới trong đó Phạm Quế Dương chỉ bị buộc "tội gián điệp trong trường hợp không nghiêm trọng". Với tội danh này thì theo điều 80, điểm 2 của bộ luật hình sự, Phạm Quế Dương chỉ có thể bị xử tù từ 5 đến 15 năm tù thay vì có thể bị xử tù chung thân hay tử hình theo bản cáo trạng trước.

Các phản ứng bảo vệ Phạm Quế Dương đã đồng loạt và mạnh mẽ. Ba tổ chức Amnesty International, Human Rights Watch và Reporters Sans Frontière đã lên tiếng phản đối. Nhiều tổ chức nhân quyền khác cũng đã lên tiếng. Tổ chức Luật Sư Không Biên Giới Bỉ yêu cầu được gọi luật sư biện hộ. Tại Pháp luật sư Jean-Louis Malterre, tại Mỹ hai luật sư Arthur Liu và Tom Hiester cũng yêu cầu được sang bào chữa cho Phạm Quế Dương. Các tổ chức nhân quyền cũng đã viết thư cho chủ tịch Liên Hiệp Châu Âu và các chính phủ dân chủ yêu cầu can thiệp. Chính phủ Pháp bị đặt trước một tình trạng tế nhị. Pháp đã giúp Việt Nam thiết lập hệ thống pháp luật và đã xây một "Tòa nhà luật pháp" tại Hà Nội để làm biểu tượng cho sự hợp tác này. Chính phủ Pháp, đặc biệt là bộ trưởng tư pháp Dominique Perben, bị chất vấn về việc Hà Nội dùng các tòa án làm dụng cụ đàn áp. Tuy không có phản ứng chính thức nào nhưng chắc chắn trong hậu trường Pháp bắt buộc phải yêu cầu Hà Nội chấm dứt những phiên tòa thô bạo này.

Các phản ứng quốc tế đã có tác dụng lên chính quyền cộng sản Việt Nam. Một nguồn tin đáng tin cậy từ Việt Nam cho hay Bộ chính trị chia rẽ về cách đối xử với những người dân chủ đối lập. Một số ủy viên Bộ chính trị, trong đó có cả tổng bí thư Nông Đức Mạnh, đặt câu hỏi: "Có bằng cứ gì buộc Phạm Quế Dương về tội gián điệp không, và bỏ tù Phạm Quế Dương có lợi gì cho Đảng và Nhà nước không?".

Nên biết ông Phạm Quế Dương, đại tá quân đội nhân dân, có lúc từng là giám đốc Ty lâm sản Thái Nguyên, bà Phạm Quế Dương từng là phó giám đốc kiêm chủ tịch công đoàn lâm sản tại đây, vào lúc đó Nông Đức Mạnh mới chỉ là một cán bộ lâm nghiệp. Ông Mạnh quen biết và kính trọng ông bà Phạm Quế Dương.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM đổi thể đảng, loại bỏ đảng viên

Một chỉ thị của ban bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam mang số 29-CT/TW do ông Phan Diễn, thường trực ban bí thư, ký ngày 17-10-2003, được phổ biến ở trung ương và cấp tỉnh, thành ủy đảng qui định một đợt đổi thể đảng viên đảng cộng sản từ ngày 19-5-2004 đến 19-5-2005 (ngày 19-5 được coi là ngày sinh của ông Hồ Chí Minh).

Sẽ có năm đợt phát thể đảng viên mới, vào những ngày 19-5-2004, 2-9-2004, 7-11-2004, 3-2-2005 và 19-5-2005.

Thông Luận 180 - Tháng 04.2004

Những người không được cấp thể đảng viên mới sẽ phải qua một thời gian thử thách 6 tháng, sau đó nếu không được cấp thể đảng viên mới họ coi như bị khai trừ.

Trong đợt đầu, 19-5-2004, các đối tượng được ưu tiên cấp thể đảng viên là những đảng viên đã được tặng "huy hiệu đảng" và những người già đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng. Các đợt sau dành cho những đảng viên được đánh giá là "có đủ tư cách".

Chỉ thị nhấn mạnh phải "gắn việc đổi thể đảng viên với xây dựng, chỉnh đốn đảng" bởi vì "ý nghĩa chính trị của thể đảng viên chưa được phát huy, tác dụng giáo dục đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở đã còn hạn chế" !

Thực ra "ý nghĩa chính trị của thể đảng viên" hoàn toàn không còn. Số người muốn gia nhập đảng rất đông, nhưng không phải vì lý do chính trị mà vì quyền lợi. Thể đảng đã trở thành một giấy thông hành để được thăng thưởng hay được hưởng những ưu đãi trong sinh hoạt thường ngày.

TRƯỜNG SA leo thang tranh chấp

Ngày 24-3-2004, sở du lịch tỉnh Khánh Hòa cho biết sẽ tổ chức những chuyến du lịch ra xa ngoài khơi Việt Nam tới quần đảo Trường Sa. Chuyến đi đầu tiên dự trù sẽ thực hiện vào trung tuần tháng 4-2004, "du khách" sẽ được thăm cơ sở khai thác dầu tại đảo Trường Sa, Đá Tây và một số vị trí khác trong quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam. Theo sở du lịch Khánh Hòa, việc tổ chức các chuyến du lịch loại này có sự phối hợp với bộ quốc phòng, tức lực lượng hải quân. Nếu thành công, nghĩa là không bị các quốc gia đang tranh chấp phản đối, sở du lịch Khánh Hòa sẽ tổ chức thường xuyên những chuyến du lịch (tour) ra thăm quần đảo Trường Sa cho dân sự.

Sự thông báo này không phải tình cờ. Theo ông Đỗ Phú Nhuận, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện đảo Trường Sa, mục đích của các chuyến du lịch này, là để tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam. Đó là một lời cảnh cáo nhắm vào Đài Loan và Trung Quốc.

Cũng nên biết, ngày 23-3-2004, Đài Loan cho một xuồng cao tốc (zodiac) từ đảo Ba Bình (Itu Aba) chở 7 người ra bãi cạn Bàn Than (Grisan), đo đạc, cắm cọc, rồi đổ bốn cột bê tông cao khoảng 2,5 m tạo thành một ô vuông cách nhau khoảng 3 m để dựng một nhà sàn... quan sát chim (theo lời phát ngôn viên bộ ngoại giao Đài Loan). Bàn Than là bãi san hô phía Bắc quần đảo Trường Sa, tọa độ 10°23,2 bắc và 114°24,5 đông, thuộc chủ quyền Việt Nam. Hà Nội đã lên tiếng phản đối và yêu cầu Đài Loan chấm dứt ngay các hoạt động này.

Trước đó, trong cuộc hội đàm vòng 8 giữa Việt Nam và Trung Quốc, tổ chức tại Bắc Kinh ngày 15 và 16-3-2004, hai bên tái khẳng định tiếp tục đàm phán nhằm tìm một giải pháp cơ bản lâu dài có thể chấp nhận được để giữ gìn hòa bình và ổn định trên biển Đông. Nhưng khi hay tin Việt Nam dự định tổ chức du lịch ra tận quần đảo Trường Sa, bộ ngoại giao Trung Quốc liền lên tiếng khẳng định chủ quyền trên quần đảo Trường Sa và cảnh cáo Việt Nam

Trang 29

không được tổ chức du lịch ngoài khơi tới quần đảo này.

Nhắc lại, tháng 11-2002, Trung Quốc và sáu quốc gia ASEAN có tranh chấp trên quần đảo Trường Sa đã ký một tuyên bố chung về cách ứng xử của các bên trên biển Đông, nghĩa là tự kiềm chế để không gây ra căng thẳng. Trước đó nhiều cuộc đụng độ quân sự đã diễn ra giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 1988 và 1992.

Chủ quyền trên quần đảo Trường Sa hiện nay được phân phối như sau : Việt Nam làm chủ 6 đảo (đảo lớn nhất là Nam Yết) và 16 bãi san hô ; Trung Quốc làm chủ một đảo (Thị Tứ) và 9 bãi san hô ; Philippines : 6 đảo và hai bãi san hô ; Mã Lai : 4 bãi san hô ; Đài Loan đảo Ba Bình (Itu Aba) và Brunei bãi Louisa Reef.

HÀ NỘI ỨNG CỬ VÀO Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc

Ngày 17-3-2004, ông Đào Viết Trung, trợ lý bộ trưởng ngoại giao, thông báo Việt Nam sẽ ứng cử vào Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc. Ông Trung cũng sẽ là trưởng đoàn Việt Nam tham dự khóa họp thứ 60 của ủy ban này.

Những lời tuyên bố của ông Trung chứng tỏ chính quyền không hiểu gì về nhân quyền. Ông nói : "*Chiến tranh, xung đột, bạo lực, nạn khủng bố, nghèo đói, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, v.v. ngăn cản việc thực hiện quyền con người*". Đây chỉ là một quan niệm về quyền con người ở cấp thấp nhất. Cốt lõi của quyền con người là những quyền tự do căn bản : quyền phát biểu ý kiến của mình, quyền thành lập và tham gia các tổ chức theo đuổi những mục tiêu mà mình chia sẻ, quyền ứng cử và bầu cử tự do, v.v. Ông Trung, và qua ông chính quyền cộng sản Việt Nam, còn sai lầm hoàn toàn khi ông nói : "*Việc bảo vệ và thực hiện quyền con người ở mỗi nước là trách nhiệm của từng quốc gia, không thể áp đặt một mô hình từ bên ngoài*". Như vậy là các quốc gia có quyền tùy tiện quyết định cái gì là nhân quyền ? **Bản Tuyên Ngôn Toàn Cầu Về Nhân Quyền** (mà người Việt Nam hay dịch một cách cẩu thả và sai là bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền) nằm trong hiến chương Liên Hiệp Quốc mà mọi quốc gia thành viên phải tôn trọng. Nó qui định một cách rõ rệt những quyền chính trị, đặc biệt là chính quyền phải do dân bầu ra qua những cuộc bầu cử dân chủ lương thiện.

Có triển vọng Việt Nam sẽ được bầu vào ủy ban này vì ủy ban này rất bê bối? Nó là một vết nhơ của Liên Hiệp Quốc. Trong quá khứ các chế độ hung bạo như Cuba, Libya, Romania đã từng là những nước chủ tịch ủy ban này, phần lớn thành viên của nó cũng là những nước độc tài vào ủy ban này vì mục đích chính trị là chống nhân quyền. Điều ngộ nghĩnh là ông Trung lại nhận xét : "*Trong một thời gian dài, Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc đã bị chính trị hóa*". Ủy ban này từ sau khi khối cộng sản sụp đổ đã có nhiều tiến bộ và không bị "chính trị hóa" như trước. Chính vì vậy mà gia nhập ủy ban này sẽ không có lợi gì cho Hà Nội và còn bị thường xuyên chất vấn. Hà Nội sẽ còn gặp khó khăn hơn.

DÒNG NƯỚC SÔNG MÊKÔNG bị đe dọa

Đồng bằng sông Cửu Long đầy rẫy cá tra, dễ nuôi, chóng lớn và ngon miệng. Cá tra là một nguồn thực phẩm quý giá và cũng là một tài nguyên xuất khẩu lớn của Việt Nam. Nhưng đang có nguy cơ là Việt Nam có thể mất nguồn lợi này. Ít người biết rằng cá tra không sinh đẻ tại Việt Nam. Hàng năm nông dân miền Tây đi vớt những con cá tra mới sinh, nhỏ như lăng quăng, trôi nổi hàng hà sa số. Những con cá con này sinh ra từ thượng lưu sông Mêkông và do dòng nước đem tới miền Nam Việt Nam.

Hiện nay dòng nước Mêkông đang xuống thấp một cách đáng lo ngại, hậu quả của chính sách ích kỷ của Bắc Kinh. Nhà cầm quyền Trung Quốc cho xây quá nhiều đập lớn dọc thượng nguồn sông Mêkông làm cho sông cạn dần. Trung Quốc hiện đã xây xong hai đập rất lớn và còn dự định xây thêm ít nhất bốn đập nữa. Khi các dự án này đều hoàn thành thì rất có thể sông Mêkông sẽ cạn và những quốc gia ở hạ lưu, nhất là Campuchia và Việt Nam sẽ bị thiệt hại nặng. Mêkông là một nguồn cá lớn, một điều kiện cần thiết cho vựa lúa miền Tây, và cũng có công dụng to lớn khác là cải thiện đất bằng cách rửa bớt muối và phèn. Thiếu nước Mêkông, đất miền Nam sẽ chua và mặn.

Ủy ban sông Mêkông đã lên tiếng báo động về nguy cơ Trung Quốc đối với sông Mêkông. Thái Lan tỏ ra đặc biệt tích cực trong việc báo động nguy cơ này, nhưng không nên quên là chính Thái Lan đã mở đầu việc "ăn cắp" nước sông Mêkông bằng cách xây đập.

Việc xây đập gây thiệt hại cho các nước ở hạ lưu nhưng về lâu về dài cũng không có lợi cho các nước xây đập vì nước sông Mêkông mang nhiều phù sa và sẽ lấp dần những hồ chứa. Trung Quốc hành động một cách vô trách nhiệm và vụng về vì chính họ đang ở trong một tình trạng thiếu nước trầm trọng, lượng nước trên mỗi đầu người của Trung Quốc chỉ bằng 15% lượng nước trung bình của thế giới. Tại nhiều nơi, các tỉnh, huyện giao tranh với nhau trên một qui mô lớn để giành một con sông nhỏ. Nhiều cuộc đụng độ vì nguồn nước đã xảy ra giữa dân Trung Quốc và Việt Nam trên thượng nguồn sông Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh trong suốt thập niên 1990.

ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẸM cho thuyền nhân Việt Nam

Đối với hầu hết mọi người đọt thuyền nhân vượt biển rời Việt Nam đã thuộc về dĩ vãng. Trừ đối với 2.000 người vẫn còn kẹt tại Philippines. Có nhiều người đã chờ đợi từ 14 năm qua. Gần đây quốc hội Mỹ đã biểu quyết một đạo luật cho phép chính phủ Mỹ định cư những người này định cư tại Mỹ. Vấn đề còn lại là chính phủ Mỹ có muốn hay không.

Mùa bầu cử là lúc thuận lợi cho những kiến nghị. Độc giả có thể giúp các đồng bào này một cách giản dị bằng cách ký tên vào kiến nghị gửi cho ông thứ trưởng ngoại

giao Mỹ đặc trách Dân số, Tị nạn và Di dân theo địa chỉ sau đây :

<http://www.petitiononline.com/vietphi/petition.html>

Chỉ vào địa chỉ này và ký tên. Một cử chỉ giản dị nhưng biết đâu rất có ích cho những đồng bào đang gặp khó khăn.

HỒ TIÊU VIỆT NAM khó khăn và triển vọng

Một hội nghị quốc tế về hồ tiêu vừa được triệu tập cuối tháng 3 vừa qua tại Sài Gòn và đang tiếp tục.

Với hơn 50.000 hecta hồ tiêu và sản lượng 100.000 tấn mỗi năm, Việt Nam có triển vọng củng cố vai trò nước xuất khẩu hồ tiêu nhiều nhất trên thế giới. Tuy nhiên ngành hồ tiêu Việt Nam đang gặp khó khăn. Do thiếu vốn và kinh nghiệm của giới trồng trọt, phẩm chất hồ tiêu Việt Nam trong thời gian qua đã giảm sút và bị đánh giá thấp trên thị trường. Giá một tấn hồ tiêu của Việt Nam chỉ còn 1.200 USD. Các nhà trồng hồ tiêu phát biểu trong hội nghị này đều mong mỗi được chính quyền khuyến khích đẩy mạnh hoạt động của một hiệp hội hồ tiêu để trao đổi và học hỏi kinh nghiệm với nhau. Họ cũng mong các ngân hàng chú ý hơn đến một ngành nhiều triển vọng này.

Hồ tiêu Việt Nam được trồng nhiều nhất tại đảo Phú Quốc, kế đến là khu vực quanh Sài Gòn.

DI SẢN VĂN HÓA BỊ THẤT THOÁT

Ngày 11-2-2004 hải quan Tân Cảng (Sài Gòn) đã chặn bắt được sáu lô hàng đồ cổ được chủ nhân đăng ký xuất khẩu như là hàng hóa thường. Sáu lô hàng này gồm trống đồng, chuông đồng và tượng Pháp được phỏng đoán thuộc các thế kỷ từ 15 đến 18. Chủ lô hàng này là công ty Hoàng Long đã bị theo dõi vì bị tình nghi bán đồ cổ ra nước ngoài.

Di sản văn hóa Việt Nam, vốn đã ít lại còn hiếm hoi, hiện đang bị thất thoát nhanh chóng ra nước ngoài do những phần tử trục lợi. Đồ cổ Việt Nam hiện có nhiều tại Singapore, Đài Loan, Hồng Kông và Nam Hàn hơn là tại Việt Nam. Khách hàng sưu tập đồ cổ tại các nước này muốn mua đồ cổ nào của Việt Nam cũng có. Nếu không có họ cũng có thể nhờ các cửa hàng này đặt mua với những con buôn lậu đồ cổ tại Việt Nam. Những con buôn bị bắt thường là vì ăn chia không đẹp với hải quan.

NGƯỜI VIỆT NAM ĐẦU TIÊN bị hành quyết tại nước ngoài

Một người Việt Nam tên là Lê Thanh Hùng, 37 tuổi, đã bị hành quyết ngày 23-3-2004 tại bang Oklahoma, Hoa Kỳ. Ông Hùng đã bị chích thuốc độc vào cơ thể. Đường sự bị kết án tử hình vì đã giết một người bạn bằng dao phay ngay trước mặt vợ nạn nhân, bất kể lời van xin của bà này. Nguyên nhân chỉ đơn giản là hai người hùn hạp với nhau và Hùng cho rằng đã bị bạn lường gạt 10.000 USD. Vụ hành quyết này đã được đình hoãn hai lần.

Thông Luận 180 - Tháng 04.2004

Thơ trào phúng :

LỜI CUỐI CHO BỘ PHIM

LTS : Giữa tháng 11-2003, Bộ văn hóa thông tin Việt Nam cho trình chiếu cuốn phim "Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công", còn được gọi dưới cái tên giật gân hơn là "Thoát hiểm ở Hồng Công". Cũng nên biết Hà Nội đã dành một ngân sách khổng lồ, 13 tỷ VND (khoảng 900.000 USD), để thực hiện cuốn phim này. Đây là một jointure sản xuất phim giữa Việt Nam và Trung Quốc nhằm làm sống lại thần tượng Hồ Chí Minh.

Tại Sài Gòn, bộ phim được dự trù trình chiếu ngày 2-9-2003, nhưng không hiểu vì lý do gì Sở văn hóa và thông tin đã dời đến giữa tháng 11-2003 mới đem ra chiếu. Giá bán một vé vào xem là 25.000 VND. Để quảng cáo, sở văn hóa thông tin cho biết mua một tặng một, nghĩa là một vé trở thành hai vé. Cơ quan, đoàn thể nhà nước nào có nhu cầu chiếu cho cán bộ công nhân viên chức của mình xem thì liên lạc với sở văn hóa thông tin để làm hợp đồng, nhưng cho đến ngày 31-12-2003 không có bao nhiêu cơ quan đặt mua, báo chí quốc doanh cũng thôi không còn quảng cáo nữa.

Với số kinh phí đã chi ra, nhà nước phải bán ít nhất 520.000 vé mới thu hồi lại vốn. Trong thực tế, ngày khai trường chỉ có... một người vào xem. Số người đi xem sau đó cũng rất thưa, trừ những đôi tình nhân muốn hưởng không khí mát lạnh trong hai giờ liền của phòng chiếu. Lỗ nặng. Không biết đây là một thất bại trong kinh doanh hay một dàn dựng để rút tiền của nhà nước bỏ vào túi riêng của những người thực hiện bộ phim ?

Một thân hữu Thông Luận đã gửi bài thơ trào phúng sau đây đến tòa soạn, xin đăng lại nguyên văn.

Ta vừa thoát hiểm ở Hồng Công.
Chạy đến Trung Hoa trốn lòng vòng
Về lại Việt Nam, ta làm bậy
Đời ta như thế, kể như xong.

Hôm nay, hai nước dựng thành phim.
Đem ra rạp chiếu, chẳng người xem !
Mua một, Đảng tặng thêm một vé.
Vô công, rách việc cũng chả thêm.

Kinh phí chi, mười ba tỷ thôi !
Bộ phim lãng xẹt nhất trên đời.
Tiền vé thu về dăm ba triệu.
Tiền dân, công cốc đổ biển khơi.

Tiền tỷ tuyên truyền, cũng chết thời !
Cán bộ không tin Đảng nữa rồi.
Sách báo, phim đài mặc kệ nó.
Dân tình chỉ biết kiếm tiền thôi !

Hoàng Sa
(Sài Gòn, ngày 1-1-2004)

Dầu gối

Bạn tôi là một học giả chuyên về Việt học. Hấn hỏi tôi có biết nét độc đáo nhất của dân tộc ta là gì không. Tôi mù tịt. Hấn giải thích :

- Mỗi dân tộc lớn đều có một sở trường, thí dụ dân Mỹ giỏi làm business, dân Anh giỏi đánh nhau, dân Pháp giỏi nguy biện. Dân tộc Việt Nam thì đặc biệt có thiên tài về nghệ thuật sử dụng cái đầu gối. Cái đầu gối Việt Nam thần diệu lắm, nó biết nói.

- Đầu gối biết nói ?

- Chủ còn gì nữa ! Không những cái đầu gối Việt Nam biết nói, mà nhiều khi nó còn nói hay hơn người. Mà không nghe người ta nói : "Nói chuyện với thằng cha ấy chẳng thà nói chuyện với đầu gối còn hơn" hay sao ? Cái đầu gối Việt Nam thần diệu lắm. Bản sắc dân tộc đấy !

Tôi thú nhận là có nghe như thế nhưng chưa hề nói chuyện với đầu gối và không biết làm cách nào để đầu gối biết nói. Hấn chỉ cho tôi kỹ thuật nói chuyện với đầu gối : phải ngồi duỗi chân, chân kia gấp lại và nhấc cao lên cho đầu gối ngang với cằm, hai tay ôm đầu gối, cầm tựa trên đầu gối, đầu gối này là đầu gối để nói chuyện. Phải chọn kỹ đầu gối nói chuyện hợp với tâm lý của mình. Thí dụ nếu thân cộng thì chọn đầu gối trái, nếu chống cộng thì chọn đầu gối phải. Và phải tuyệt đối tập trung tư tưởng, trân trọng cái đầu gối, nói với nó như nói với người. Một đặc điểm khác là đầu gối không bao giờ chấp nhận nói chuyện tay đôi. Nó rất dân chủ và luôn luôn muốn có đa số, nó nói chuyện cùng với một người mà nó thấp túng và đại diện để nói những điều mà người đó đáng lẽ phải nói nhưng không tiện nói.

Hấn bảo tôi cố gắng tập luyện. Tôi tập luyện mấy ngày liền. Đau đó quả nhiên cái đầu gối trái của tôi bắt đầu nói.

Tôi xin thuật lại một cuộc nói chuyện giữa tôi, cái đầu gối của tôi và ông Nông Đức Mạnh. Các bạn thử xem giữa ông Mạnh và cái đầu gối ai nói đúng hơn.

Hỏi : Thưa đồng chí tổng bí thư, nhiều người nói đồng chí là con rơi của bác Hồ, điều đó có đúng không ?

NĐM : Chúng ta đều là con cháu bác Hồ cả.

Đầu gối : Chính hấn cũng không biết. Hồi năm 1940 gì đó ông Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về vùng biên giới sống với dân Nùng. Ai còn lạ gì ông Hồ, không có "cái đó" thì ông ta không chịu được. Người Nùng lại có tập quán hiếu khách đem vợ, tiếp cho khách xài thả cửa. Ông ta làm hết. Mẹ Nông Đức Mạnh chắc cũng không thoát tay ông ta. Rất có thể hấn là con ông Hồ.

Hỏi : Vừa rồi đồng chí sang thăm châu Âu, thăm Đức rồi bay qua Cuba, sau đó lại bay về Bỉ. Đức với Bỉ sát nhau, sao không từ Đức qua Bỉ rồi hãy đi Cuba ? Sao lại đi lòng vòng thế, mệt chết ?

NĐM : Đó là do sự sắp xếp theo thủ tục ngoại giao.

Đầu gối : Mới đầu là như vậy nhưng Ủy Ban Liên Hiệp Châu Âu chơi xấu, đổi chương trình không chịu tiếp ngay sau chuyến viếng thăm Đức, mà Đức cũng chỉ muốn Nông Đức

Mục lục

1. Cái giá của sự trì hoãn
Thông Luận
2. Nhìn lại chiến thắng cộng sản ngày 30-4-1975
Nguyễn Gia Kiểng
4. Người chiến thắng nghĩ gì ?
Trần Độ
6. Thơ : Tâm sự người vượt biên
Sông Lô
7. Lộ trình năm giai đoạn
Vũ Xuân Minh
9. Cuộc cách mạng dân chủ và tuổi trẻ Việt Nam
Nguyễn Văn Hiệp
10. Thơ : Chiều về bên tháp Po Nagar
Chế Liêm
11. Những con mắt mở muện
Bùi Tín
13. Đổi mới "gọi là" và đổi mới "thực sự"
Tôn Thất Thiện
15. Định hướng giáo dục ?
Nghiêm Ỗ
17. Thơ : Tình chân nồng
Nguyễn Long Vân
18. Thực trạng và tương lai của Trung Quốc
Nguyễn Minh
20. Quan... dân chủ
Nghiêm Văn Thạch
21. Nhã nhạc cung đình Huế
Lê Văn Hào
27. Người Việt hải ngoại
Nguyễn Văn Huy
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
31. Lời cuối cho bộ phim
Hoàng Sa
32. Đầu gối
Đáy

Mạnh đi cho khuất mắt. Bruxelles hy vọng là như vậy Nông Đức Mạnh sẽ không sang nữa, thế là tốt cho họ. Nhưng đồng chí tổng bí thư của chúng ta mặt dày, vẫn sang, vì thế mà phải đi lòng vòng. Mất mặt quá!

Hỏi : Là nhân vật quyền lực nhất trong một nước với hơn 80 triệu dân mà bị coi rẻ rúng như vậy đồng chí tổng bí thư có thấy nhục không ? Đồng chí có tự hỏi tại sao họ lại khinh ông đến thế không ?

NĐM : Đẳng với nhà nước Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ với mọi nước trên thế giới trên căn bản hai bên cùng có lợi.

Đầu gối : Chế độ Việt Nam bị coi như hủ vì vi phạm nhân quyền, nhưng đầu phải lỗi tại riêng Nông Đức Mạnh. Ông ta ngốc nghếch có biết gì đâu, chỉ chịu đám ăn xối.

Hỏi : Khi đồng chí vào trụ sở Liên Hiệp Châu Âu, một đoàn người Việt Nam đã tiến đến sát xe hờ to : "Trả tự do cho Phạm Quốc Dương, Nguyễn Vũ Bình !". Đồng chí có cảm nghĩ nào ?

NĐM : Đẳng ta theo đuổi chủ trương dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Đầu gối : Hấn tưởng bị đánh, sợ quá suýt dãi ra quần.

Đáy